SyncMaster OL46B

Màn hình LCD

Tài liệu hướng dẫn sử dụng

Màu sắc và hình dáng có thể khác nhau tùy theo sản phẩm và để cải tiến năng suất sản phẩm, các đặc tính có thể sẽ được thay đổi mà không cần báo trước.

Các chỉ dẫn về an toàn

Chú thích

Lưu ý

Bạn phải tuân theo các hướng dẫn về an toàn này để bảo đảm an toàn cho bản thân và phòng tránh gây hư hỏng tài sản.

Hãy đảm bảo rằng bạn đã đọc cẩn thận các hướng dẫn này và sử dụng thiết bị đúng cách.

Cảnh báo / Lưu ý

Việc không tuân theo các chỉ dẫn được biểu thị bằng biểu tượng này có thể gây nguy hiểm cho người sử dụng hoặc gây hư hỏng thiết bị.

Lưu ý

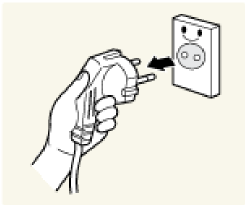
Bị cấm	Quan trọng, cần phải đọc và hiểu rõ
Không được tháo rời	Ngắt phích cắm ra khỏi ổ điện
Không được chạm vào	Tiếp đất để tránh bị điện giật

Các chỉ dẫn về an toàn

Vệ sinh màn hình

Làm sạch

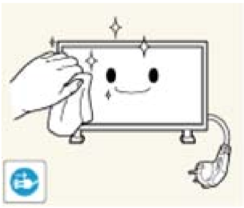
Panen và mặt ngoài của màn hình có tính năng vượt trội này dễ bị xước và bạn cần phải cẩn thận khi vệ sinh máy. Vệ sinh màn hình theo các bước sau.



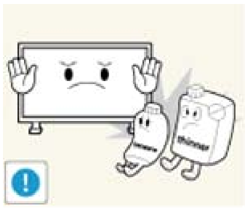
- Tắt nguồn màn hình và PC.
- Rút cáp nguồn ra khỏi màn hình.

Lưu ý

Để tránh giật điện, hãy chắc chắn là bạn rút cáp nguồn ra khỏi màn hình bằng cách giữ chặt phích cắm và không sờ vào cáp khi tay bị ướt.

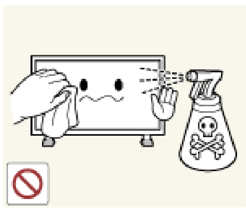


- Lau màn hình bằng cách dùng mảnh vải mềm ẩm đã được vắt kiệt nước.



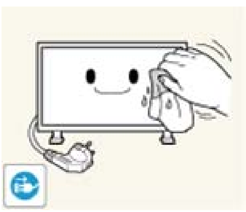
Không được sử dụng chất tẩy có chứa cồn hoặc dung môi hoặc có hoạt tính bề mặt.

Nếu không thì mặt ngoài của màn hình có thể mất màu hoặc bị nứt hoặc lớp mạ của panen có thể bị bong ra.

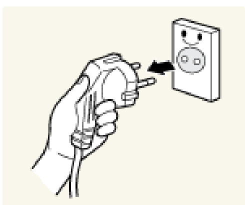


Không xịt nước hoặc chất tẩy rửa trực tiếp lên màn hình.

Nếu không, chất lỏng có thể ngấm vào màn hình và gây cháy, giật điện hoặc hỏng hóc.



Sử dụng miếng vải mềm có thấm ít nước để lau sạch mặt ngoài của màn hình



- Kết nối cáp nguồn với màn hình sau khi bạn vệ sinh màn hình xong.
- Bật nguồn màn hình và PC.

Các chỉ dẫn về an toàn

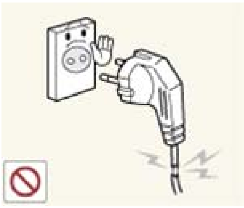
Nguồn điện

Khi không sử dụng máy tính trong một khoảng thời gian dài, hãy cài máy tính của bạn ở chế độ DPM.

Nếu đang sử dụng chế độ bảo vệ màn hình, hãy cài máy sang chế độ màn hình hoạt động.

Các hình ảnh ở đây chỉ để tham khảo, và không áp dụng được trong tất cả trường hợp (hay quốc gia).

Phím tắt đến nhanh phần hướng dẫn chống hiện tượng lưu ảnh



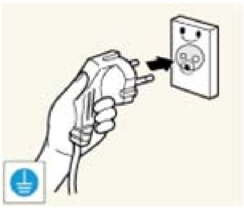
Không sử dụng dây điện nguồn hoặc phích cắm điện hư hỏng, ổ điện lỏng hoặc hư hỏng.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



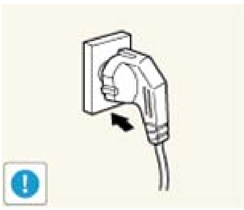
Không dùng tay ướt đụng vào ổ điện khi rút hoặc cắm phích điện vào ổ điện.

- Nếu không, điều này có thể gây ra điện giật.



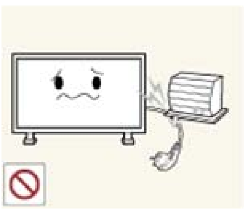
Hãy đảm bảo dây điện nguồn được nối vào ổ điện đã được tiếp đất.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc gây thương tích cho người sử dụng.



Bảo đảm phích cắm được cắm vào ổ điện chắc chắn và đúng cách.

- Nếu không, việc này có thể gây hỏa hoạn.



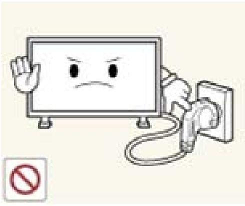
Không dùng sức bẻ cong hoặc kéo phích cắm điện và không đặt vật nặng lên phích cắm điện.

- Nếu không, việc này có thể gây hỏa hoạn.



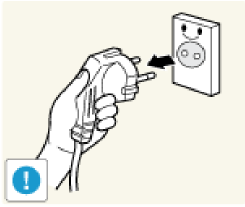
Không được cắm nhiều thiết bị điện vào cùng một ổ điện.

- Nếu không, việc này có thể gây hỏa hoạn do quá nhiệt.



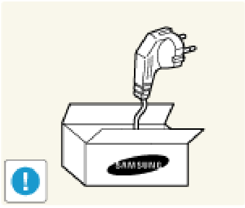
Không được ngắt dây điện trong lúc đang sử dụng thiết bị.

- Nếu không, có thể làm hư hỏng thiết bị do điện giật.



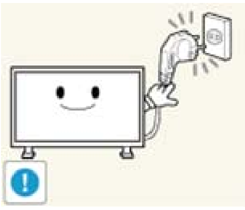
Để rút màn hình ra khỏi nguồn điện, phải rút phích cắm ra khỏi ổ điện, vì thế, phích cắm điện có thể sử dụng ngay được.

- Trái lại, điều này có thể gây ra điện giật hoặc cháy.



Chỉ sử dụng dây điện do công ty chúng tôi cung cấp. Không được sử dụng dây điện nguồn của các thiết bị khác.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



Cắm phích cắm vào ổ cắm trên tường mà bạn dễ dàng với tới.

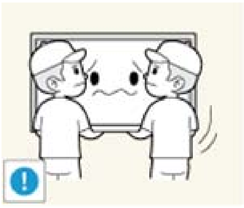
- Khi sản phẩm bị hư hỏng, bạn phải rút phích cắm ra để cắt điện hoàn toàn. Bạn không thể cắt nguồn điện hoàn toàn chỉ bằng cách nhấn nút nguồn trên sản phẩm.

Các chỉ dẫn về an toàn

Cài đặt

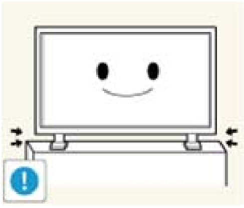
Bạn phải liên hệ với **Trung tâm dịch vụ được ủy quyền** khi lắp đặt màn hình của bạn ở những khu vực nhiều bụi bẩn, nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp, độ ẩm cao, và tiếp xúc với hóa chất hoặc những nơi mà thiết bị vận hành liên tục suốt 24/24 như ở sân bay, bến tàu v.v...

Màn hình có thể bị hư hỏng nghiêm trọng nếu không thực hiện những chỉ dẫn này.



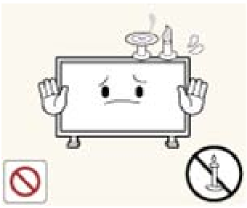
Hãy bảo đảm luôn có ít nhất hai người nâng nhấc và di chuyển thiết bị.

- Nếu không, thiết bị có thể bị rơi và gây thương tích cho người sử dụng và/hoặc hư hỏng thiết bị.



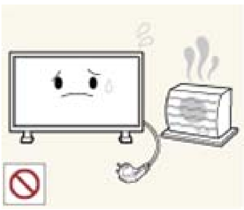
Khi lắp đặt thiết bị trong tủ hoặc kệ, hãy chắc chắn rằng mặt đế của thiết bị không lồi ra ngoài.

- Nếu không, thiết bị có thể rơi hoặc gây thương tích cho người sử dụng.
- Sử dụng tủ hoặc kệ có kích thước phù hợp với thiết bị.



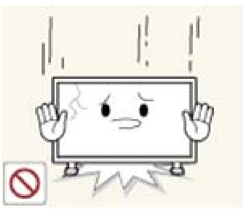
Không đặt nến, nhanh trừ muỗi, thuốc lá và các thiết bị phát nhiệt khác gần thiết bị.

- Nếu không, việc này có thể gây hỏa hoạn.



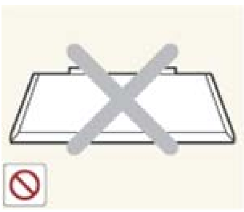
Đặt các thiết bị phát nhiệt cách dây điện hoặc thiết bị càng xa càng tốt.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



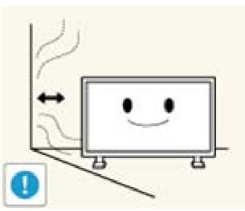
Khi đặt thiết bị xuống, hãy chắc chắn đặt nhẹ nhàng.

- Nếu không, có thể gây hư hỏng màn hình hiển thị.



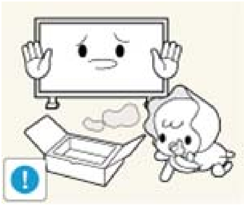
Không đặt úp mặt trước của thiết bị lên trên sàn nhà.

- Nếu không, có thể gây hư hỏng màn hình hiển thị.



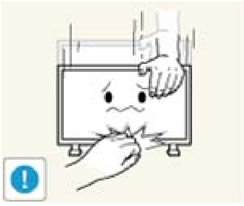
Hãy lắp đặt thiết bị tại những nơi thông thoáng tốt. Bảo đảm khoảng cách thông thoáng cách tường tối thiểu 4 inches (10 cm).

- Nếu không, việc này có thể gây ra hỏa hoạn do nhiệt độ bên trong thiết bị tăng.



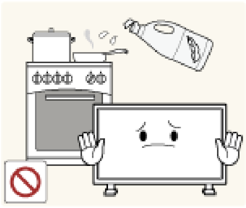
Hãy chắc chắn để bao bì nhựa của thiết bị cách xa trẻ em.

- Nếu không, việc này có thể dẫn đến tai nạn nghiêm trọng (nghẹt thở) nếu trẻ em chơi đùa với bao bì.



Nếu chiều cao màn hình của bạn có thể điều chỉnh được, thì không được đặt bất kỳ vật nặng nào hoặc tỳ người lên chân đế khi hạ chiều cao màn hình.

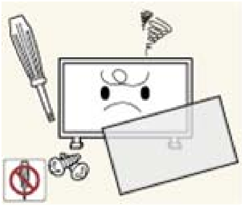
- Điều này có thể gây hư hỏng màn hình hoặc gây chấn thương cho người đang di chuyển nó.



Dầu ăn, chẳng hạn như dầu đậu nành, có thể làm hỏng hoặc làm biến dạng sản phẩm. Không lắp đặt sản phẩm trong bếp hoặc gần kệ bếp.

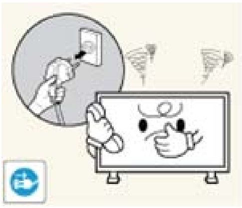
Các chỉ dẫn về an toàn

Khác



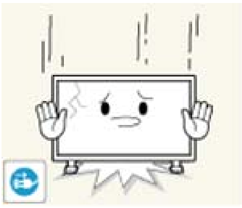
Đây là thiết bị có điện thế cao. Không được tự ý tháo rời, sửa chữa hoặc thay đổi trên sản phẩm.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn. Nếu cần sửa chữa thiết bị, hãy liên hệ **Trung tâm dịch vụ**.



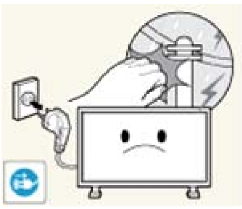
Khi có mùi hoặc âm thanh lạ hoặc khói bốc ra từ thiết bị, hãy rút phích cắm điện ngay và liên hệ với **Trung tâm Dịch vụ**.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



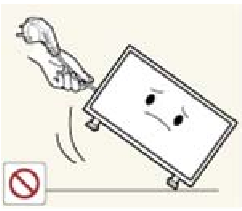
Khi để rơi thiết bị hoặc vỡ vỏ, hãy tắt nguồn và rút phích dây điện nguồn. Hãy liên hệ một **Trung tâm Dịch vụ**.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



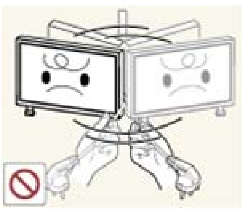
Khi có chớp hoặc sấm sét, hãy tắt nguồn sản phẩm và rút cáp nguồn.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



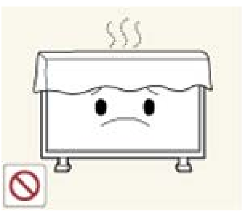
Không được cố di chuyển màn hình bằng cách kéo dây điện hoặc cáp tín hiệu.

- Nếu không, thiết bị có thể rơi và gây ra điện giật, hư hỏng thiết bị hoặc hỏa hoạn do hư hại dây cáp tín hiệu.



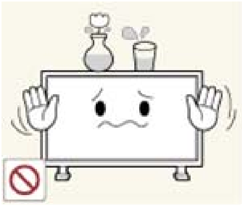
Không nâng nhấc hoặc di chuyển thiết bị tới lui hoặc qua trái hoặc qua phải trong khi chỉ nắm kéo duy nhất dây điện nguồn hoặc cáp tín hiệu.

- Nếu không, thiết bị có thể rơi và gây ra điện giật, hư hỏng thiết bị hoặc hỏa hoạn do hư hại dây cáp tín hiệu.



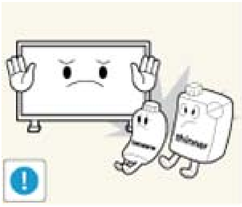
Hãy chắc chắc lỗ thông hơi trên thiết bị không bị bàn ghế hoặc màn sáo che khuất.

- Nếu không, việc này có thể gây ra hỏa hoạn do nhiệt độ bên trong thiết bị tăng.



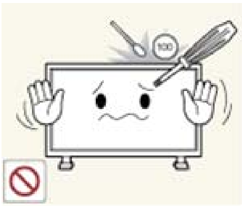
Không đặt bất cứ ly tách nào có chứa nước, chai lọ, bình hoa, thuốc men cũng như các vật phẩm bằng kim loại lên trên thiết bị.

- Nếu nước hoặc tạp vật bên ngoài rơi vào trong thiết bị, hãy rút dây điện nguồn và liên hệ **Trung tâm Dịch vụ**.
- Việc này có thể làm cho thiết bị vận hành sai chức năng, điện giật hoặc hỏa hoạn.



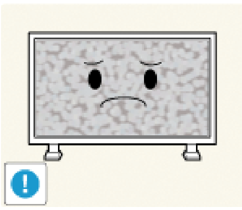
Không sử dụng hoặc đặt để các chất phun xịt hoặc vật liệu dễ bắt lửa gần thiết bị.

- Nếu không, việc này có thể gây ra nổ hoặc hỏa hoạn.



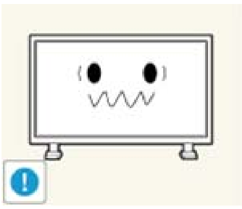
Không đưa bất kỳ vật bằng kim loại nào như đũa, đồng xu, kim hay thanh thép, hoặc các vật dễ cháy như que diêm hay giấy vào bên trong thiết bị (qua lỗ thông hơi, các cổng ra hay cổng vào, v.v..)

- Nếu nước hoặc tạp vật bên ngoài rơi vào trong thiết bị, hãy rút cáp nguồn và liên hệ với một **Trung tâm Dịch vụ**.
- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



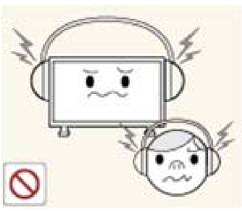
Khi sử dụng màn hình có hình ảnh cố định trong một thời gian dài, thì hiện tượng lưu hình ảnh hoặc vết ố có thể xuất hiện.

- Nếu không sử dụng thiết bị trong một thời gian dài, hãy chuyển sang chế độ nghỉ hoặc chạy trình bảo vệ màn hình.



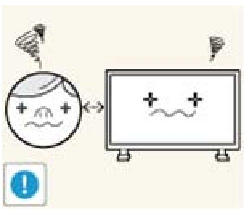
Cài đặt **một độ phân giải** và tần số phù hợp cho sản phẩm.

- Nếu không, có thể ảnh hưởng xấu đến thị lực thiết bị.

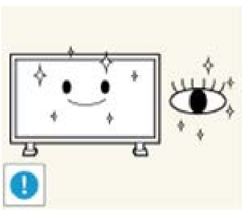


Khi sử dụng headphone hoặc tai nghe, không được chỉnh âm lượng quá cao.

- Nghe âm thanh quá to có thể làm giảm thính lực của bạn.

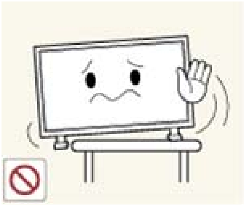


Để tránh mỏi mắt, không ngồi quá gần màn hình.



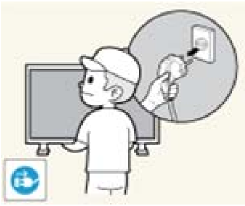
Hãy nghỉ ngơi ít nhất năm (5) phút sau khi sử dụng màn hình trong một (1) giờ.

Điều này làm giảm mỏi mắt.



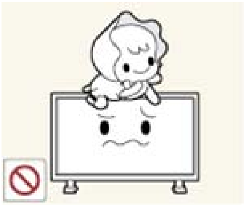
Không lắp đặt màn hình ở các vị trí không ổn định như kệ không chắc chắn hoặc bề mặt không bằng phẳng hoặc các vị trí có thể bị rung lắc.

- Nếu không, thiết bị có thể bị rơi và gây thương tích người sử dụng và/hoặc hư hỏng thiết bị.
- Nếu sử dụng màn hình ở nơi bị rung, màn hình có thể hư hỏng và gây ra hỏa hoạn.



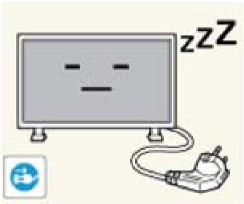
Khi di chuyển thiết bị, hãy tắt và rút dây điện nguồn, cáp ăng-ten và tất cả các cáp khác đang kết nối với thiết bị.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



Hãy bảo đảm không cho trẻ em đu hoặc trèo lên thiết bị.

- Thiết bị có thể rơi gây thương tích hoặc tử vong cho trẻ.



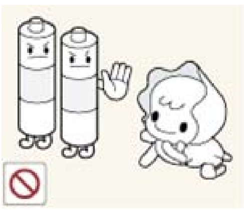
Nếu không sử dụng thiết bị trong một thời gian dài, hãy tháo dây điện nguồn ra khỏi ổ điện.

- Nếu không, việc này có thể dẫn đến quá nhiệt hoặc gây ra hỏa hoạn do bụi bặm, và có thể dẫn đến hỏa hoạn do bị điện giật hoặc rò rỉ điện.



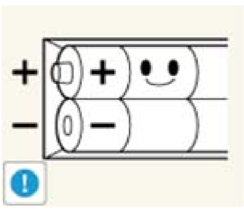
Không đặt bất kỳ vật nặng nào, đồ chơi hoặc bánh kẹo như bánh ngọt, v.v.. vì có thể thu hút trẻ em đến gần thiết bị.

- Con của bạn có thể bám vào và làm rơi thiết bị và việc này có thể dẫn đến thương tích hoặc tử vong cho người sử dụng.



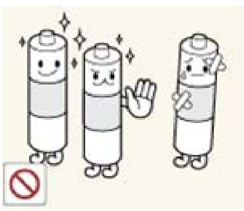
Hãy cẩn thận không cho trẻ em ngậm pin vào miệng sau khi tháo pin ra khỏi bộ điều khiển từ xa. Cất giữ pin ở những nơi trẻ em hoặc trẻ sơ sinh không thể lấy được.

- Nếu trẻ em đã nuốt phải pin, hãy liên hệ ngay với bác sĩ của bạn.



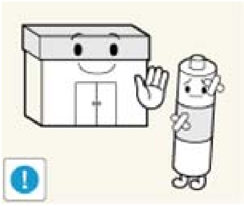
Khi thay pin, hãy lắp đúng cực tính (+, -).

- Nếu không, pin sẽ bị hư hỏng hoặc gây hỏa hoạn, gây thương tích cho người sử dụng hoặc thiệt hại tài sản do rò rỉ hóa chất trong pin.



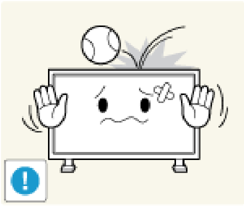
Chỉ sử dụng loại pin đúng tiêu chuẩn được chỉ định, không sử dụng đồng thời pin mới và pin cũ cùng lúc.

- Nếu không, pin sẽ bị hư hỏng hoặc gây hỏa hoạn, gây thương tích cho người sử dụng hoặc thiệt hại tài sản do rò rỉ hóa chất trong pin



Không được thải bỏ pin (và các pin sạc) theo cách thông thường và chúng phải được hoàn trả lại để tái chế. Khách hàng phải có trách nhiệm hoàn trả lại các pin đã qua sử dụng hoặc pin sạc để tái chế.

- Khách hàng có thể trả lại pin đã dùng hay pin sạc cho trung tâm tái chế công cộng địa phương hoặc cho các cửa hàng bán cùng loại pin hay pin sạc đó.



Không làm rơi bất kỳ vật nào lên thiết bị hoặc va đập vào thiết bị.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



Không đặt vật nặng lên thiết bị.

- Việc này có thể dẫn đến thương tích cho người sử dụng và/hoặc hư hỏng thiết bị.

Các chỉ dẫn về an toàn

Hướng dẫn lắp đặt nguồn điện

Hãy đảm bảo rằng bạn đã đọc và làm theo những hướng dẫn này cẩn thận và chính xác. Nếu bạn làm sai, có thể dẫn đến hậu quả là tử vong, bị thương nặng hoặc hỏa hoạn.

- Trước khi lắp đặt sản phẩm, hãy đảm bảo rằng bạn đã kiểm tra những thủ tục cần thiết cho vị trí lắp đặt nguồn điện.

  Nếu bạn muốn lắp đặt sản phẩm trong môi trường điện năng (dây cáp nguồn, ổ cắm điện, cầu dao điện v.v...) với công suất điện năng ít hơn công suất tiêu thụ điện/công suất tiêu thụ của sản phẩm, hãy lắp đặt một máy biến áp theo như bảng Công suất định mức.

  Người tiêu dùng sẽ trả phụ phí cho việc này.

- Hãy đảm bảo rằng bạn đã kết nối sản phẩm với một ổ cắm điện chuyên dụng và không được kết nối nó với một dây nối ổ cắm đa năng.

  Nếu bạn phải dùng dây nối ổ cắm đa năng, hãy tham khảo mức thiêu thụ điện trong bảng Công suất định mức. và sử dụng ổ cắm đa năng có những đặc tính kỹ thuật về cường độ được phép lớn hơn công suất tiêu thụ hiện tại của các sản phẩm đã được kết nối với nó.

- Khi sử dụng một bộ cáp nối chuyên dụng, hãy dùng dây cáp nguồn có công suất cao.

  Hãy dùng dây cáp nguồn có cường độ cho phép 12,5 A hoặc cao hơn.

Cường độ định mức của Bộ nối gồm Phích cắm /Dây/Thiết bị điện là

- Hãy dùng dây cáp nguồn có cường độ 12,5 A hoặc cao hơn.

Vui lòng tham khảo Các thông số an toàn kỹ thuật về dây cáp.

- Thông số kỹ thuật UL – Hãy dùng dây cáp 14 AWG hoặc cao hơn
- Thông số kỹ thuật KS – Hãy dùng dây cáp 20.SQ hoặc cao hơn
- Thông số kỹ thuật IEC – Hãy dùng dây cáp 2,5 SQ hoặc cao hơn

Giới thiệu

Phụ kiện trong hộp đựng

Lưu ý

Vui lòng chắc chắn rằng những phụ kiện sau đây được kèm theo Màn hình LCD của bạn.

Nếu thiếu bất kỳ chi tiết nào, **xin liên hệ với đại lý**.

Liên hệ với đại lý để mua thêm các chi tiết tùy chọn.

Tháo gỡ



Màn hình LCD

Sổ tay hướng dẫn sử dụng

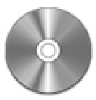


Hướng dẫn cài đặt nhanh



Phiếu Bảo hành

(Không có ở một số khu vực)



Tài liệu hướng dẫn sử dụng

Khác



Điều khiển từ xa



Pin (AAA X 2)

(Không có ở một số khu vực)



Tấm nối với đầu giá đỡ



Tấm nối với đáy giá đỡ (x 2)



Bu-lông (x 4)

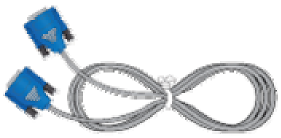


Bu-lông cờ lê (x 4)

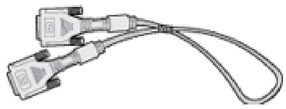


Cờ lê hình chữ L (x 2)

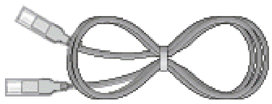
Được bán riêng



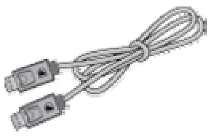
Cáp D-Sub



Cáp DVI



Cáp mạng LAN



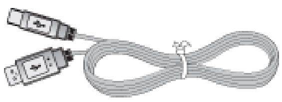
Cáp DP



Cáp HDMI



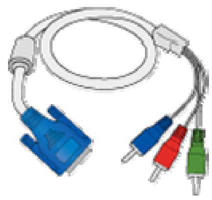
Cáp RS232C



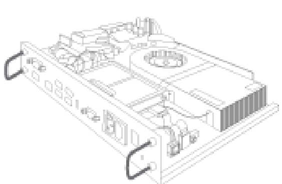
Cáp USB



Cáp stereo



Cáp chuyển đổi RGB sang Component



Hộp kết nối mạng

Giới thiệu

Màn hình LCD của bạn

Màu sắc và hình dáng có thể khác nhau tùy theo sản phẩm và để cải tiến năng suất sản phẩm, các đặc tính có thể sẽ được thay đổi mà không cần báo trước.

Mặt trước



1. **Bộ cảm biến Độ sáng**

   Brightness Sensor phát hiện cường độ ánh sáng xung quanh để có thể điều chỉnh độ sáng hình ảnh tự động.

2. **Chỉ báo nguồn**

   Chỉ báo chế độ Tiết kiệm điện (PowerSaver) bằng đèn xanh nhấp nháy

   Lưu ý

   Xem chức năng **PowerSaver** được mô tả trong tài liệu này để biết thêm thông tin chi tiết liên quan đến các chức năng tiết kiệm điện. Để tiết kiệm năng lượng, hãy TẮT Màn hình LCD khi không cần thiết, hay khi bạn không sử dụng nó trong một khoảng thời gian dài.

3. **Bộ cảm biến Điều khiển từ xa**

   Hướng bộ điều khiển từ xa về điểm này trên Màn hình LCD.

4. **Loa**

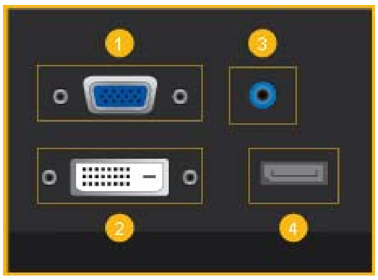
Mặt sau

Lưu ý

Để biết thêm thông tin chi tiết về việc kết nối cáp, vui lòng tham khảo mục trong phần Kết nối Cáp trong phần Thiết lập. Cấu hình nằm phía sau của Màn hình LCD có thể thay đổi chút ít tùy vào mẫu Màn hình LCD.



A



1 RGB/COMPONENT IN (Cổng kết nối đầu vào PC/COMPONENT (Thành phần))

- Kết nối cổng **[RGB/COMPONENT IN]** trên màn hình với cổng RGB trên PC bằng cáp D-SUB.
- Kết nối cổng **[RGB/COMPONENT IN]** trên màn hình với cổng COMPONENT trên thiết bị bên ngoài sử dụng cáp chuyển tín hiệu RGB sang Component.
- Kết nối cổng **[RGB/COMPONENT IN]** trên màn hình với cổng BNC trên PC bằng cáp chuyển từ RGB sang BNC.

2 DVI IN (Cổng kết nối Video PC)

Kết nối cổng **[DVI IN]** trên màn hình với cổng DVI trên PC bằng cáp DVI.

3 RGB/DVI/HDMI AUDIO IN (PC/DVI/HDMI Cổng kết nối Thiết bị Âm thanh (Đầu vào))

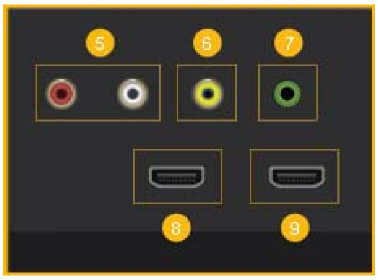
Kết nối cổng **[RGB/DVI/HDMI AUDIO IN]** của màn hình và cổng ra loa trên card âm thanh trong máy tính của bạn sử dụng cáp stereo (được bán riêng).

4 DP IN

Nhận tín hiệu từ cổng màn hình.

Kết nối cáp DP với **[DP IN]** trên sản phẩm và DP IN trên các thiết bị khác.

B



5 AV/COMPONENT AUDIO IN [R-AUDIO-L]

Kết nối cổng **[AV/COMPONENT AUDIO IN [R-AUDIO-L]]** trên màn hình với cổng ra audio trên máy tính hoặc trên thiết bị bên ngoài sử dụng cáp audio.

6 AV IN

Kết nối cổng **[AV IN]** của màn hình với cổng xuất video của thiết bị bên ngoài bằng cách sử dụng cáp VIDEO.

7 AUDIO OUT

Kết nối tai nghe hoặc loa ngoài.

8 HDMI IN 1

- Kết nối cổng **[HDMI IN 1]** ở phía sau màn hình LCD với cổng HDMI thiết bị đầu ra số bằng cách sử dụng cáp HDMI.
- Có thể hỗ trợ HDMI 1.3.

Lưu ý

- Có thể kết nối một thiết bị bên ngoài (đầu đĩa DVD hoặc máy quay phim, v.v) với cổng **[HDMI IN 1]**.

9 HDMI IN 2 (MAGICINFO)

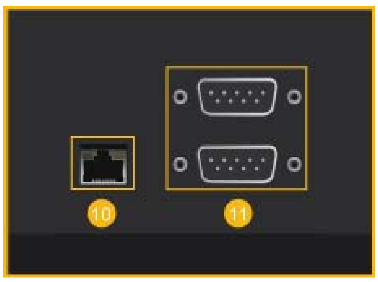
- Kết nối cổng **[HDMI IN 2 (MAGICINFO)]** ở phía sau màn hình LCD với cổng HDMI thiết bị đầu ra số bằng cách sử dụng cáp HDMI.
- Có thể hỗ trợ HDMI 1.3.

Lưu ý

Để sử dụng **MagicInfo**, phải cài đặt hộp mạng do Samsung chỉ định riêng bên trong sản phẩm và phải kết nối đầu ra **MagicInfo** của hộp mạng với cổng **[HDMI IN 2 (MAGICINFO)]**.

Để biết thêm thông tin về việc mua và cài đặt hộp mạng, bạn hãy liên hệ với Samsung Electronics.

C



10 RJ 45 MDC (Cổng MDC)

Cổng chương trình MDC(Thiết bị điều khiển đa hiển thị)

Kết nối cáp LAN với **[RJ45 MDC]** trên sản phẩm và LAN trên máy tính. Để sử dụng MDC, phải cài đặt chương trình MDC trên máy tính.

Lưu ý

Đi đến **Multi Control** và chọn **RJ45 MDC** là **MDC Connection**.

11 RS232C OUT/IN (CỔNG RS232C Serial)

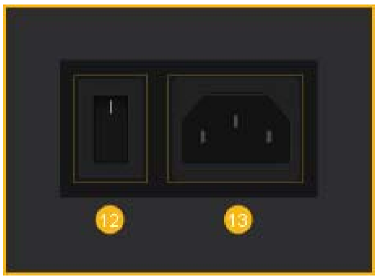
Cổng chương trình MDC(Thiết bị điều khiển đa hiển thị)

Kết nối cáp tuần tự (loại cáp chéo) với **[RS232C]** trên sản phẩm và RS232C trên máy tính. Để sử dụng MDC, phải cài đặt chương trình MDC trên máy tính.

Lưu ý

Đi đến **Multi Control** và chọn **RS232C MDC** là **MDC Connection**.

D



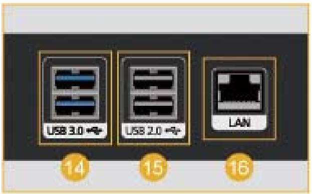
12 POWER S/W ON [│] / OFF

Bật/Tắt Màn hình LCD.

13 POWER

Dây nguồn vào màn hình LCD và ổ cắm trên tường.

E Kết nối hộp mạng (bán riêng)



14 USB 3.0(Cổng kết nối USB)

Kết nối với thiết bị hỗ trợ USB 3.0. (Cũng tương thích với thiết bị USB 2.0)

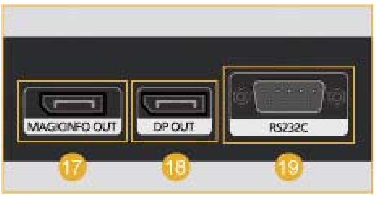
15 USB 2.0(Cổng kết nối USB)

Kết nối với thiết bị USB chẳng hạn như bàn phím, chuột, bộ nhớ hoặc máy ảnh số USB.

16 LAN (Cổng kết nối LAN)

Kết nối với Internet bằng cáp LAN.

F Kết nối hộp mạng (bán riêng)



17 MAGICINFO OUT

Kết nối hộp mạng với thiết bị hiển thị của Samsung có cổng MAGICINFO bằng cáp MAGICINFO OUT-HDMI đi kèm. (Không sử dụng thiết bị hiển thị không do Samsung sản xuất.)

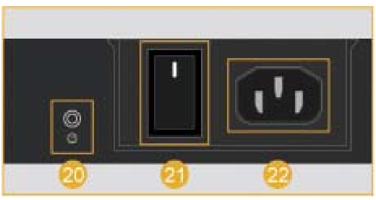
18 DP OUT

Kết nối hộp mạng với thiết bị hiển thị hỗ trợ DP bằng cáp DP.

19 RS232C (CỔNG RS232C Serial)

Kết nối với thiết bị hỗ trợ giao tiếp nối tiếp.

G Kết nối hộp mạng (bán riêng)



20 ⏻

Bật hoặc tắt nguồn hộp mạng.

21 POWER S/W ON [│] / OFF [O]

Bật hoặc tắt nguồn điện AC.

22 NGUỒN ĐIỆN

Kết nối với dây nguồn

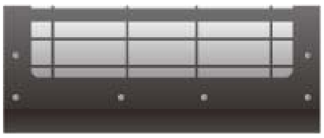
H



H Nút

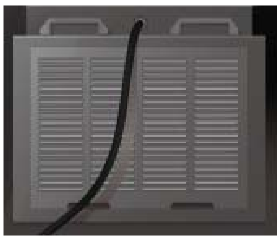
Không Có.

I



I Khe thoát khí

J



J Khe hút khí

Lưu ý

- Định kỳ thay thế bộ lọc khe hút ở phần dưới của sản phẩm.
- Độ dài của chu kỳ thay thế có thể thay đổi tùy thuộc vào nồng độ bụi mịn (PM-10) ở vị trí lắp đặt. Tham khảo bảng bên dưới.
    - Bụi mịn (PM-10): Các hạt nhỏ rất mỏng với đường kính bằng hoặc nhỏ hơn 10 μm

Chu kỳ thay thế bộ lọc hút theo nồng độ bụi

Nồng độ bụi ($\mu g/m^3$)	70	60	50	40	30	20	10
Chu kỳ thay thế	9 tháng	11 tháng	13 tháng	16 tháng	21 tháng	32 tháng	64 tháng

- Nếu bạn không biết nồng độ bụi ở khu vực lắp đặt, chúng tôi khuyên bạn nên thay thế bộ lọc trước khi mùa hè bắt đầu mỗi năm.
    - Đặc biệt, ở vị trí tiếp xúc với nhiều bụi, phải thay thế bộ lọc ít nhất 6 tháng một lần. Màn hình bị tối một phần có thể là do bộ lọc được sử dụng lâu hơn chu kỳ thay thế khuyến nghị. Hãy thay thế bộ lọc ngay lập tức.
    - Ở Châu Âu và Hoa Kỳ, nồng độ bụi trung bình hàng năm ít hơn 30 $\mu g/m^3$ và chu kỳ thay thế khuyến nghị là khoảng 21 tháng. Ở Hàn Quốc, nồng độ bụi trung bình hàng năm ít hơn 60 $\mu g/m^3$ và chu kỳ thay thế khuyến nghị là khoảng 11 tháng. Nồng độ bụi và chu kỳ thay thế khuyến nghị có thể thay đổi theo vị trí lắp đặt.

Lưu ý

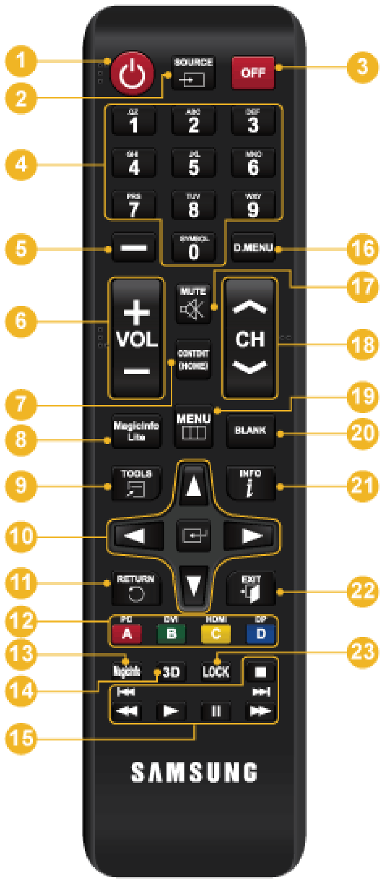
Phải bật công tắc của cả màn hình và hộp mạng để hộp mạng hoạt động bình thường.

Giới thiệu

Điều khiển từ xa

Lưu ý

- Sử dụng các thiết bị màn hình khác trong cùng một không gian như điều khiển từ xa của sản phẩm này có thể làm cho thiết bị màn hình vô tình bị điều khiển.
- Các tính năng của nút điều khiển từ xa có thể khác nhau đối với các sản phẩm khác nhau.



1. ⏻
2. SOURCE
3. OFF
4. Các nút số
5. —
6. + VOL -
7. CONTENT (HOME)
8. MagicInfo Lite
9. TOOLS
10. Các nút Lên-Xuống-Trái-Phải / Nút Enter
11. RETURN
12. Nút Màu sắc / Nút chọn PC/DVI/HDMI/DP
13. MagicInfo
14. 3D
15. ◀◀(|◀◀) / ▶/ II/ ▶▶(▶▶|) / ■
16. D.MENU
17. MUTE
18. ∧ CH ∨
19. MENU
20. BLANK
21. INFO
22. EXIT
23. LOCK

1 ⏻

Bật nguồn sản phẩm.

2 SOURCE

Chọn thiết bị nguồn được kết nối.

❸ OFF

Tắt nguồn sản phẩm.

❹ Các nút số

Nhập mật khẩu vào trình đơn OSD.

❺ —

Không Có.

❻ + VOL -

Điều chỉnh âm lượng.

❼ CONTENT (HOME)

Không Có.

❽ MagicInfo Lite

Không Có.

❾ TOOLS

Không Có.

❿ Các nút Lên-Xuống-Trái-Phải / Nút Enter

Các nút Lên-Xuống-Trái-Phải : Chuyển sang trình đơn lên trên, xuống dưới, bên trái hoặc phải hoặc điều chỉnh cài đặt của một tùy chọn.

Nút Enter : Kích hoạt các mục menu được tô sáng.

⓫ RETURN

Trở về menu trước.

⓬ Nút Màu sắc / Nút chọn PC/DVI/HDMI/DP

Chọn thủ công nguồn vào được kết nối từ **PC**, **DVI**, **HDMI** hoặc **DP**.

⓭ MagicInfo

Nút khởi động nhanh **MagicInfo**.

MagicInfo chỉ có hiệu lực khi một hộp mạng (được bán riêng) được kết nối.

Nút này không hoạt động đối với những sản phẩm không hỗ trợ **MagicInfo**.

⓮ 3D

Không Có.

⓯ ◀◀(I◀◀) / ▶ / II / ▶▶(▶▶I) / ■

Không Có.

⓰ D.MENU

Không Có.

⓱ MUTE

Tắt âm thanh.

Ngừng tắt tiếng: Nhấn lại MUTE hoặc nhấn nút điều chỉnh âm lượng (+ VOL -).

⑱ **∧ CH ∨**

Không Có.

⑲ **MENU**

Hiển thị hoặc ẩn trình đơn hiển thị trên màn hình, hoặc trở về trình đơn trước.

⑳ **BLANK**

Không Có.

㉑ **INFO** *i*

Hiển thị thông tin trên màn hình.

㉒ **EXIT**

Thoát khỏi trình đơn hiện tại.

㉓ **LOCK**

Cài đặc chức năng khóa an toàn.

Giới thiệu

Lắp cố định sản phẩm

Tháo gỡ



Tấm nối với đầu giá đỡ



Tấm nối với đáy giá đỡ (x 2)



Bu-lông (x 4)



Bu-lông cờ lê (x 4)



Cờ lê hình chữ L (x 2)

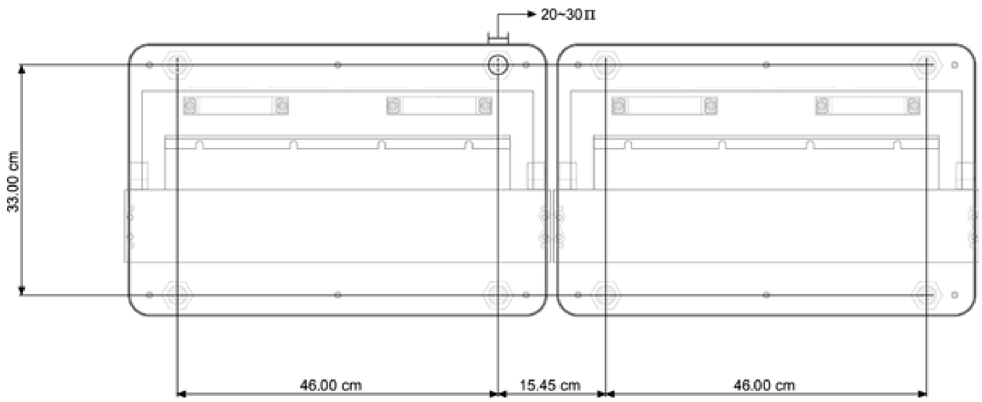
Lưu ý

Để lắp đặt các bộ phận không được cung cấp trong hộp đựng, hãy mua riêng các bộ phận đó.

Lưu ý

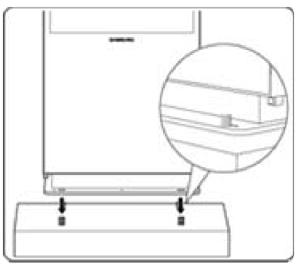
- Sản phẩm có thể rất dễ bị lật nghiêng. Hãy đảm bảo sản phẩm được gắn chặt vào đất.
- Để biết vị trí lắp đặt các mấu neo (được bán riêng) trên mặt đất, hãy tham khảo kích thước đế như được minh họa bên dưới.

Kích thước đế

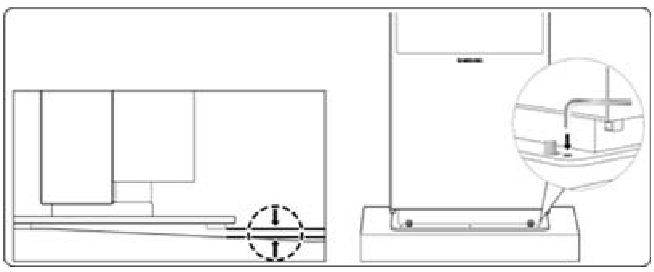


Quy trình lắp cố định sản phẩm

1

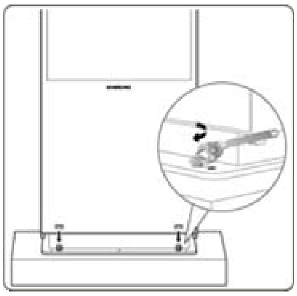


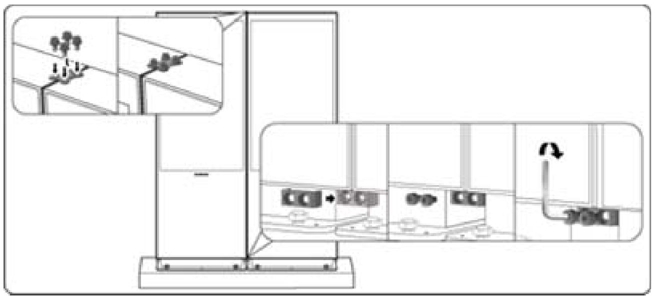
2



3

4



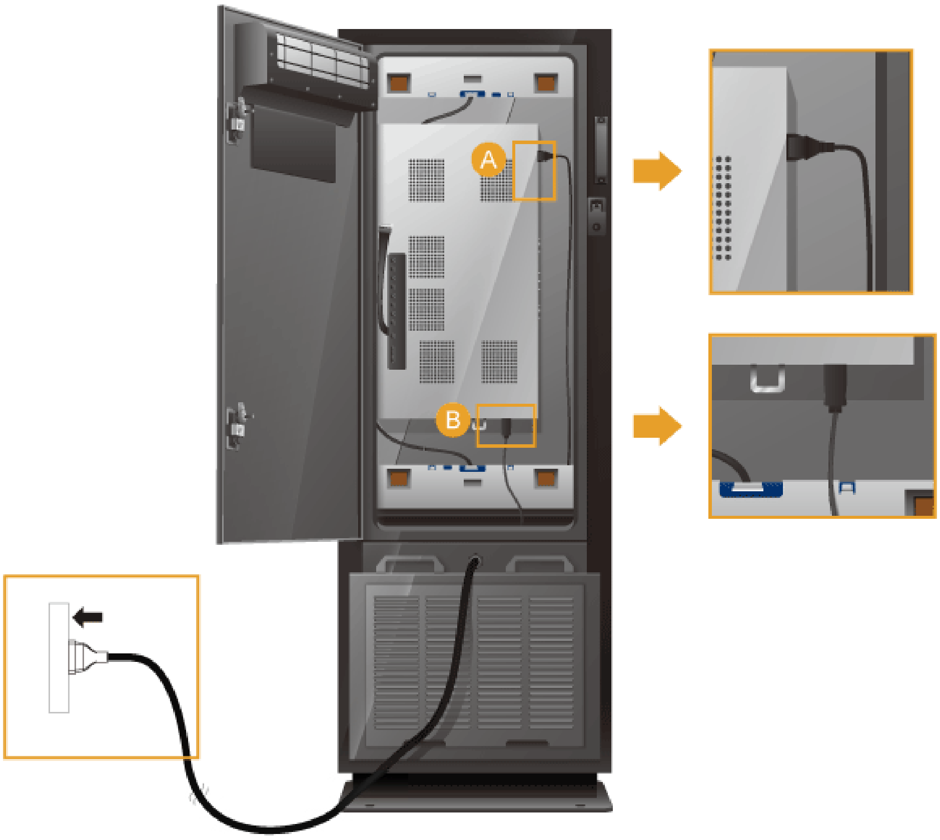


Kết nối hộp mạng

Kết nối với nguồn

Lưu ý

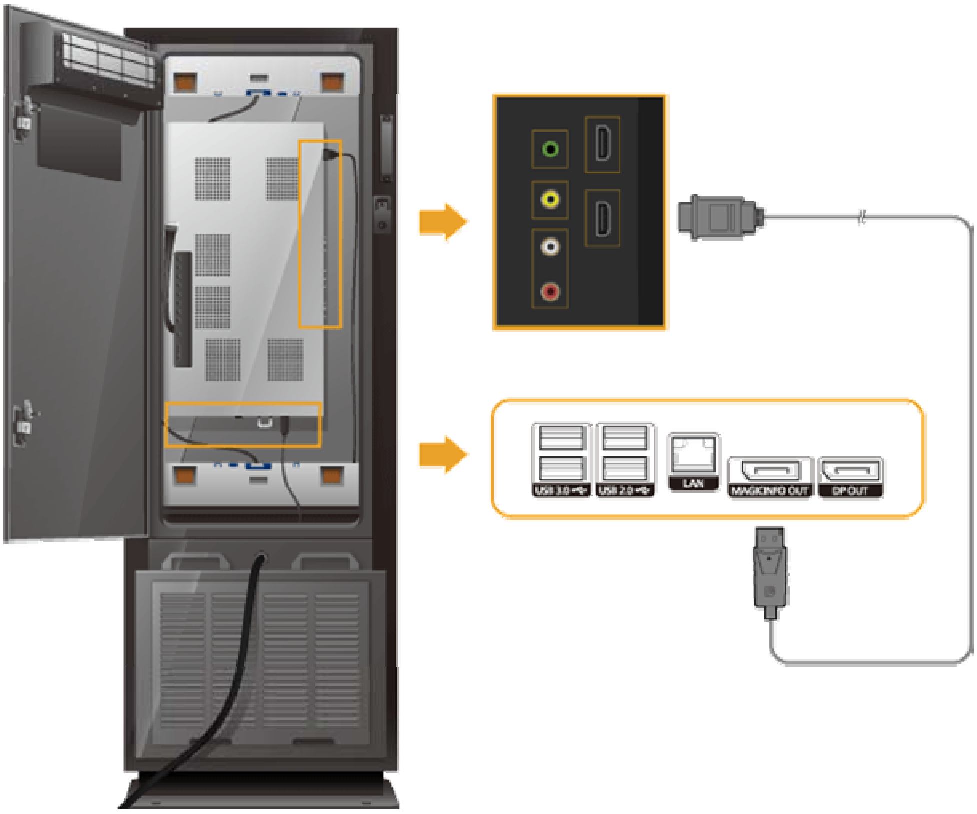
- Hộp mạng được bán riêng.
- Để biết thêm thông tin về việc mua và cài đặt hộp mạng, bạn hãy liên hệ với Samsung Electronics.



Gắn các cáp nguồn bên trong sản phẩm vào cổng điện vào A trên sản phẩm và cổng điện vào B trên hộp mạng tương ứng.

Kết nối hộp mạng

Kết nối với MAGICINFO OUT



Kết nối cổng [MAGICINFO OUT] của hộp mạng với cổng [HDMI IN 2 (MAGICINFO)] của màn hình bằng cáp chuyển **DP** sang **HDMI**.

Lưu ý

- Cáp MAGICINFO OUT-HDMI được cung cấp kèm hộp mạng.

Kết nối hộp mạng

Kết nối Cáp mạng LAN



Kết nối cổng [LAN] trên sản phẩm và mạng của bạn bằng cáp LAN.

Kết nối hộp mạng

Kết nối thiết bị USB



Bạn có thể kết nối với các thiết bị USB như chuột hoặc bàn phím.

Sử dụng phần mềm

Trình điều khiển màn hình

Lưu ý

Khi hệ điều hành yêu cầu cài đặt trình điều khiển màn hình, bạn hãy nạp đĩa CD-ROM đi kèm với màn hình. Quá trình cài đặt trình điều khiển có thể khác nhau đối với từng hệ điều hành. Hãy thực hiện các hướng dẫn thích hợp với hệ điều hành của bạn.

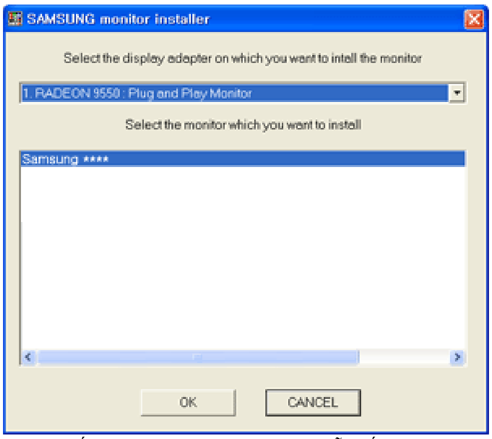
Chuẩn bị một đĩa trắng và tải tập tin trình điều khiển màn hình từ trang web sau đây.

Địa chỉ Internet:

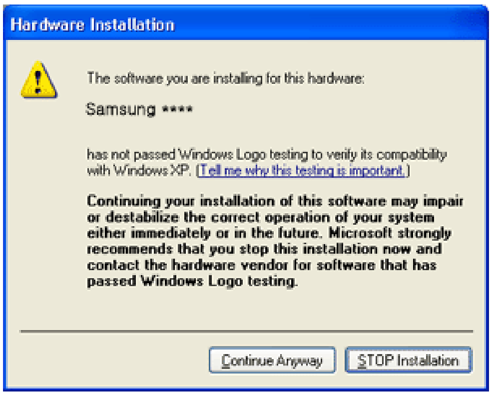
http://www.samsung.com/

Cài đặt Monitor Driver (Trình điều khiển màn hình) (Tự động)

1. Đặt đĩa CD vào trong ổ CD-ROM.
2. Nhấp vào "**Windows**".
3. Chọn model màn hình trong danh sách, sau đó nhấp vào nút "OK (Đồng ý)".



4. Nếu thấy xuất hiện thông báo sau, bạn hãy nhấp vào nút "Continue Anyway(Vẫn tiếp tục)". Sau đó nhấp vào nút "OK (Đồng ý)" (Hệ điều hành Microsoft® Windows® XP/2000).



Lưu ý

Trình điều khiển của màn hình đã được Microsoft chứng nhận, và việc cài đặt này không làm hỏng hệ thống của bạn.

Trình điều khiển được chứng nhận này được đặt trên trang chủ Màn hình Samsung.

http://www.samsung.com/

Cài đặt trình điều khiển màn hình (Thủ công)

Hệ điều hành Microsoft® Windows Vista™

1. Đặt đĩa CD Hướng dẫn sử dụng vào ổ CD-ROM của bạn.

2. Nhấp vào (Start) và "Bảng điều khiển". Sau đó, nhấp đôi vào "Appearance and Personalization (Hình thức và Cá nhân hóa)".




3. Nhấp vào "Personalization (Cá nhân hóa)" và chọn "Display Settings (Thiết lập hiển thị)".



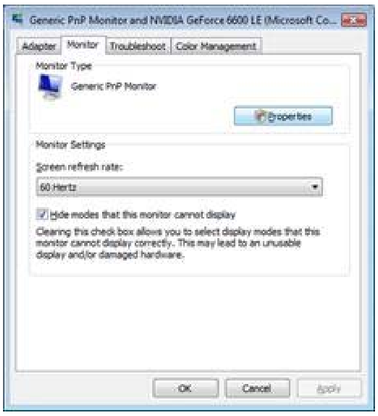

4. Nhấp vào "Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)...".



5. Nhấp vào "Properties (Thuộc tính)" trong thẻ "Monitor (Màn hình)". Nếu nút "Properties (Thuộc tính)" bị tắt, có nghĩa là bạn đã hoàn tất cấu hình cho màn hình. Màn hình đã có thể sử dụng được.

   Nếu xuất hiện thông báo "Windows needs (Windows cần)...", như hình bên dưới, nhấp vào "Continue (Tiếp tục)".



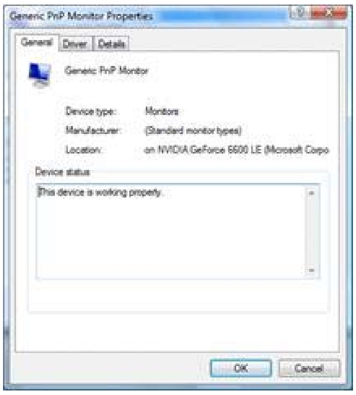


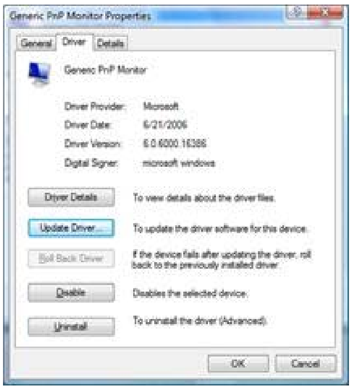
Lưu ý

Trình điều khiển màn hình này đã được chứng nhận với biểu tượng MS và việc cài đặt này sẽ không làm hỏng hệ thống của bạn.

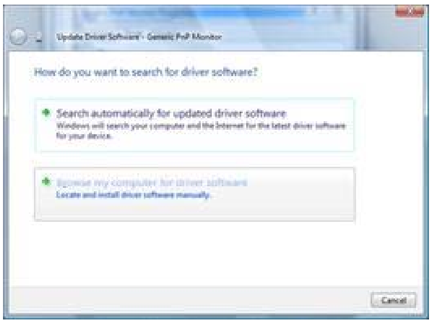
Trình điều khiển được chứng nhận này được đặt trên trang chủ Màn hình Samsung.

6. Nhấp vào "Update Driver (Cập nhật trình điều khiển)..." trong thẻ "Driver (Trình điều khiển)".



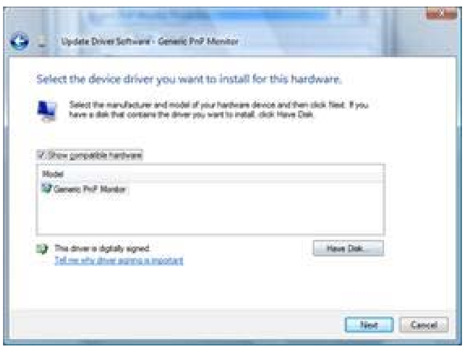


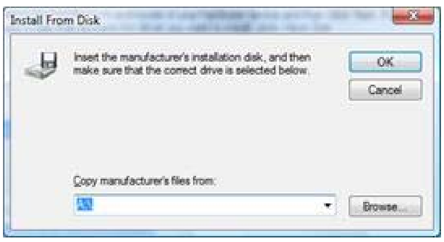
7. Đánh dấu chọn vào hộp kiểm "Browse my computer for driver software (Tìm trình điều khiển có trong máy của tôi)" và nhấp vào "Let me pick from a list of device drivers on my computer (Tôi sẽ chọn từ danh sách trình điều khiển thiết bị trên máy của tôi)".



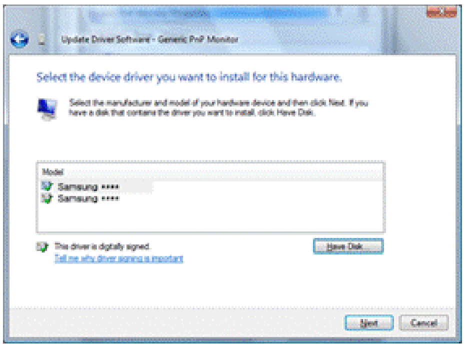


8. Nhấp vào "Have Disk (Nạp đĩa)..." và chọn thư mục (ví dụ, D:\Drive) nơi chứa tập tin cài đặt trình điều khiển và nhấp vào "OK (Đồng ý)".

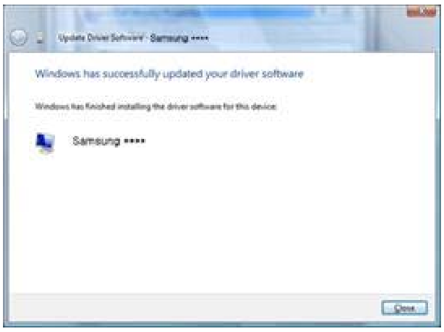


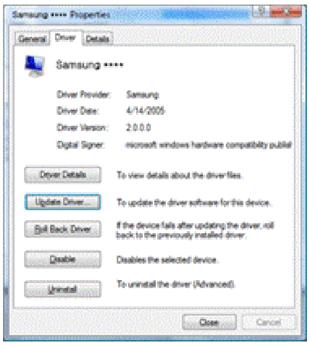


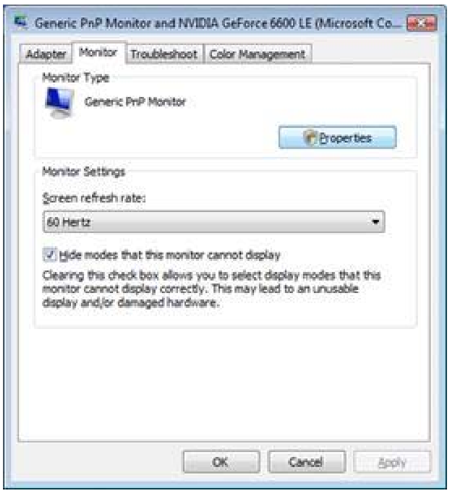
9. Chọn model phù hợp trong danh sách các loại màn hình rồi nhấp vào "Next (Tiếp tục)".

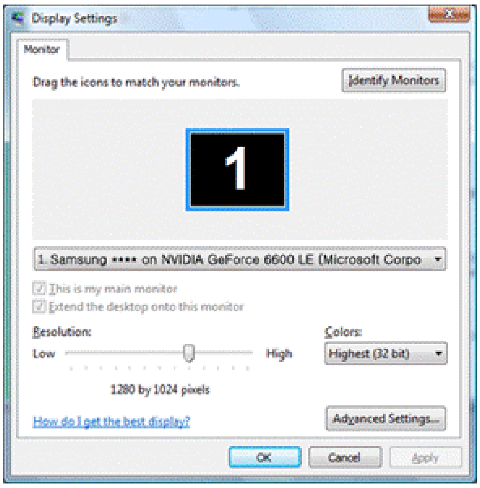


10. Nhấp vào "Close(Đóng)" → "Close(Đóng)" → "OK(Đồng ý)" → "OK(Đồng ý)" trên các màn hình tiếp theo.







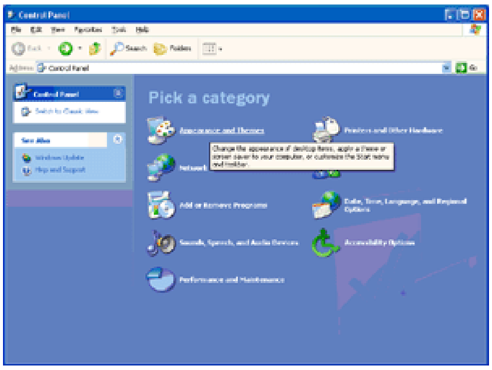


Hệ điều hành Microsoft® Windows® XP

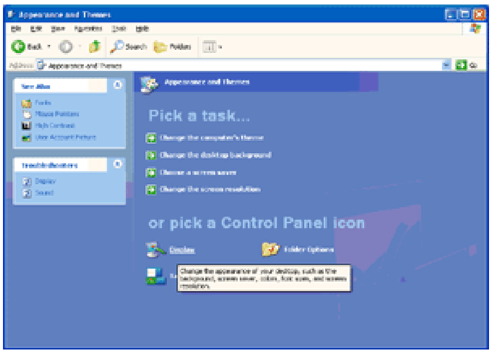
1. Đặt đĩa CD vào trong ổ CD-ROM.

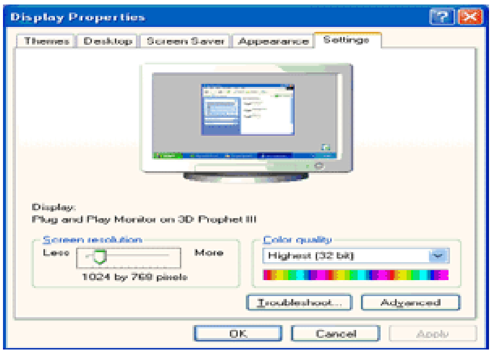
2. Nhấp vào "Start(Bắt đầu)" → "Control Panel(Bảng điều khiển)" và nhấp vào biểu tượng "Appearance and Themes(Hình thức và Chủ đề)".



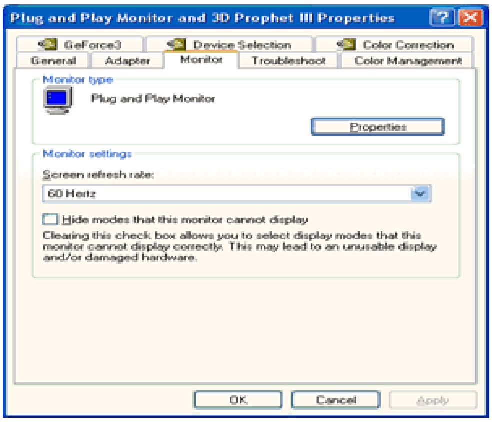


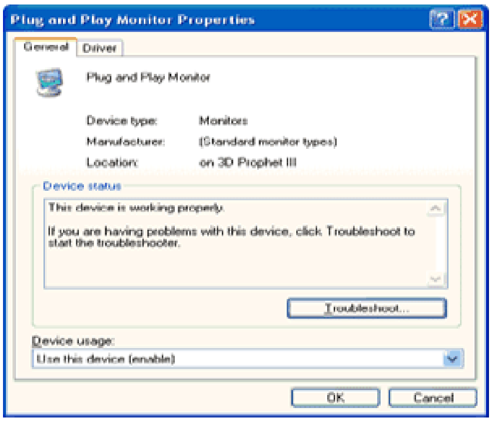
3. Nhấp vào biểu tượng "Display(Hiển thị)" và chọn thẻ "Settings(Cài đặt)" sau đó nhấp vào "Advanced...(Cao cấp...)".



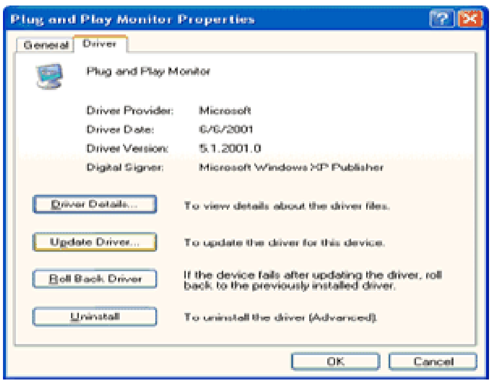


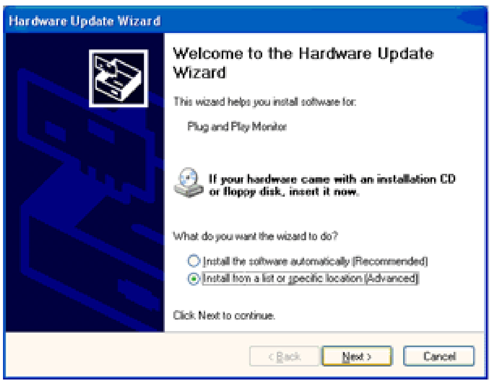
4. Nhấp vào nút "Properties(Thuộc tính)" trong thẻ "Monitor(Màn hình)" và chọn thẻ "Driver(Trình điều khiển)".



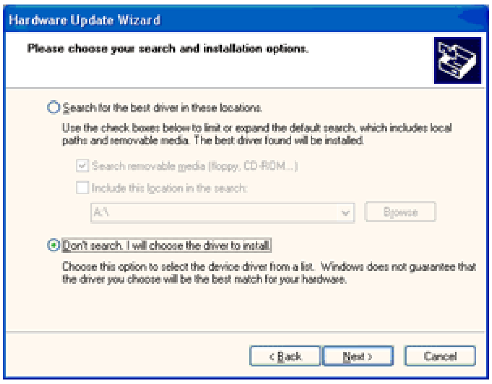


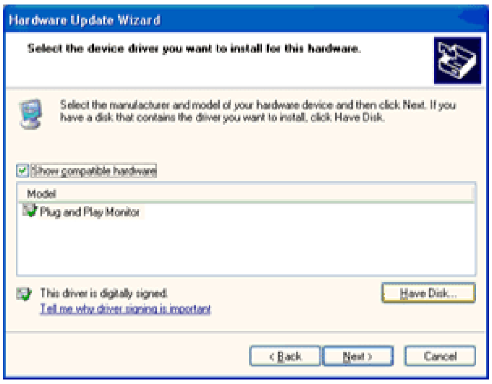
5. Nhấp vào "Update Driver...(Cập nhật Trình điều khiển...)" và chọn "Install from a list or...(Cài đặt từ danh sách hoặc...)" và nhấp vào nút "Next(Tiếp theo)".



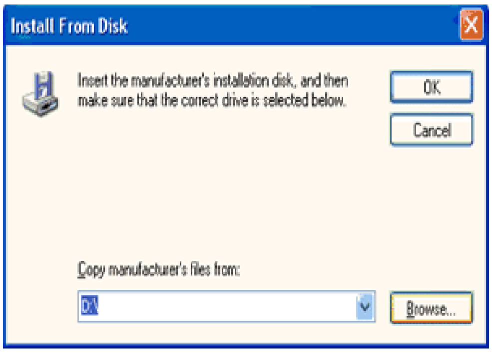


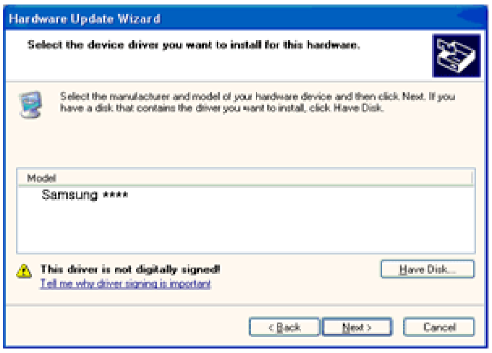
6. Chọn "Don't search, I will...(Không cần tìm, tôi sẽ...)" sau đó nhấp vào "Next(Tiếp theo)" và sau đó nhấp vào "Have disk(Nạp đĩa)".



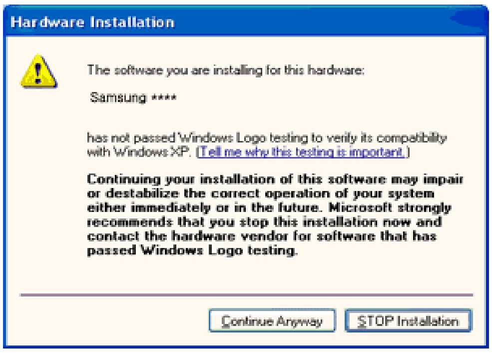


7. Nhấp vào nút "Browse(Tìm)" và sau đó chọn A:(D:\Driver) và chọn model màn hình của bạn trong danh sách và nhấp vào nút "Next (Tiếp theo)".





8. Nếu thấy xuất hiện cửa sổ thông báo sau, bạn hãy nhấp vào nút "Continue Anyway (Vẫn tiếp tục)". Sau đó nhấp vào nút "OK(Đồng ý)".



Lưu ý

Trình điều khiển màn hình này được chứng nhận bởi Microsoft, và việc cài đặt này sẽ không làm hỏng hệ thống của bạn.

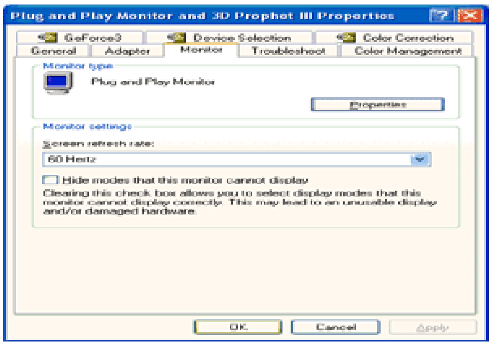
Trình điều khiển được chứng nhận này được đặt trên trang chủ Màn hình Samsung.

http://www.samsung.com/

9. Nhấp vào nút "Close (Đóng)" sau đó nhấp liên tục vào nút "OK (Đồng ý)".







10. Quá trình cài đặt trình điều khiển màn hình đã hoàn tất.

Hệ điều hành Microsoft® Windows® 2000

Khi bạn nhìn thấy "Digital Signature Not Found(Không tìm thấy chữ ký điện tử)" trên màn hình của bạn, hãy thực hiện theo các bước sau.

1. Chọn nút "OK(Đồng ý)" trong cửa sổ "Insert disk(Nạp đĩa)".
2. Nhấp vào nút "Browse(Tìm)" trong cửa sổ "File Needed(Yêu cầu tập tin)".
3. Chọn A:(D:\Driver) và sau đó nhấp vào nút "Open(Mở)" và sau đó nhấp vào nút "OK(Đồng ý)".

Cách cài đặt

1. Nhấp vào "Start(Bắt đầu)", "Setting(Cài đặt)", "Control Panel(Bảng điều khiển)".
2. Nhấp đôi vào biểu tượng "Display(Hiển thị)".
3. Chọn thẻ "Settings(Cài đặt)" và nhấp vào nút "Advanced Properties(Thuộc tính mở rộng)".
4. Chọn "Monitor(Màn hình)".

   Trường hợp 1: Nếu nút "Properties(Thuộc tính)" không kích hoạt, nghĩa là màn hình đã được cài đặt phù hợp. Hãy ngừng quá trình cài đặt

   Trường hợp 2: Nếu nút "Properties (Thuộc tính)" được kích hoạt, hãy nhấp vào nút "Properties (Thuộc tính)" rồi thực hiện các bước tiếp theo.

5. Nhấp vào "Driver(Trình điều khiển)" và sau đó nhấp vào "Update Driver...(Cập nhật trình điều khiển...)" và sau đó nhấp vào nút "Next(Tiếp theo)".
6. Chọn "Display a list of the known drivers for this device so that I can choose a specific driver(Hiển thị danh sách các trình điều khiển đã biết cho thiết bị này để tôi có thể chọn trình điều khiển cụ thể)" và nhấp vào "Next(Tiếp theo)" và sau đó nhấp vào "Have disk(Nạp đĩa)".
7. Nhấp vào nút "Browse(Tìm)" và chọn A:(D:\Driver).
8. Nhấp vào nút "Open(Mở)", và nhấp vào nút "OK(Đồng ý)".
9. Chọn model màn hình của bạn và nhấp vào nút "Next (Kế tiếp)". Sau đó nhấp nút "Next (Kế tiếp)".
10. Nhấp vào nút "Finish(Hoàn tất)" và sau đó "Close(Đóng)".

   Nếu xuất hiện cửa sổ "Digital Signature Not Found(Không tìm thấy chữ ký điện tử)" hãy nhấp vào nút "Yes(Có)". Tiếp theo nhấp vào nút "Finish (Hoàn tất)" và nút "Close (Đóng)".

Hệ điều hành Microsoft® Windows® Millennium

1. Nhấp vào "Start(Bắt đầu)", "Setting(Cài đặt)", "Control Panel(Bảng điều khiển)".
2. Nhấp đôi vào biểu tượng "Display(Hiển thị)".
3. Chọn thẻ "Settings(Cài đặt)" và nhấp vào nút "Advanced Properties(Thuộc tính mở rộng)".
4. Chọn thẻ "Monitor(Màn hình)".
5. Nhấp vào nút "Change(Thay đổi)" trong vùng "Monitor Type(Kiểu màn hình)".

6. Chọn "Specify the location of the driver(Chỉ định vị trí của trình điều khiển)".
7. Chọn "Display a list of all the driver in a specific location...(Hiển thị danh sách tất cả các trình điều khiển tại vị trí cụ thể...)" sau đó nhấp vào nút "Next(Tiếp theo)".
8. Nhấp vào nút "Have Disk(Nạp đĩa)".
9. Chỉ định A:\(D:\driver) và nhấp vào nút "OK(Đồng ý)".
10. Chọn "Show all devices(Hiển thị tất cả thiết bị)" và chọn màn hình phù hợp với máy tính của bạn và nhấp vào "OK(Đồng ý)".
11. Tiếp tục chọn nút "Close(Đóng)" và nút "OK(Đồng ý)" cho đến khi bạn đóng lại hộp thoại Thuộc tính Hiển thị.

Hệ điều hành Microsoft® Windows® NT

1. Nhấp vào "Start(Bắt đầu)", "Settings(Cài đặt)", "Control Panel(Bảng điều khiển)", và nhấp đôi vào biểu tượng "Display(Hiển thị)".
2. Trong cửa sổ Hiển thị Thông tin Đăng ký, chọn thẻ Cài đặt rồi chọn "All Display Modes(Tất cả các kiểu hiển thị)".
3. Chọn chế độ mà bạn muốn sử dụng (Độ phân giải, Số lượng màu và Tần số quét dọc) và nhấp vào "OK(Đồng ý)".
4. Nhấp vào nút "Apply(Áp dụng)" nếu bạn thấy màn hình hoạt động bình thường sau khi bạn nhấp vào "Test(Kiểm tra)". Nếu màn hình không hiển thị bình thường, hãy đổi sang chế độ khác (chế độ có độ phân giải, màu sắc hoặc tần số thấp hơn).

Lưu ý

Nếu không có Chế độ trong cửa sổ Tất cả các kiểu hiển thị, hãy chọn độ phân giải và tần số quét dọc bằng cách tham khảo các chế độ xung nhịp trong hướng dẫn sử dụng.

Hệ điều hành Linux

Để cài đặt X-Window, bạn cần tạo tập tin cấu hình X86Config, là một loại tập tin cài đặt hệ thống.

1. Nhấn vào "Enter(Nhập)" ở màn hình đầu tiên và thứ hai sau khi chạy tập tin X86Config.
2. Màn hình thứ ba dành cho thiết lập chuột của bạn.
3. Lắp đặt chuột cho máy tính của bạn.
4. Màn hình tiếp theo là để lắp đặt bàn phím.
5. Lắp đặt Bàn phím cho máy tính của bạn.
6. Màn hình tiếp theo dành cho thiết lập màn hình của bạn.
7. Trước hết, cài đặt tần số quét ngang cho màn hình. (Bạn có thể nhập số trực tiếp.)
8. Đặt một tần số quét dọc cho màn hình của bạn. (Bạn có thể nhập số trực tiếp.)
9. Nhập vào tên model màn hình của bạn. Thông tin này sẽ không ảnh hưởng đến hoạt động thực của X-Window.
10. Bạn đã kết thúc cài đặt màn hình. Chạy tập tin X-Window sau khi cài đặt các thiết bị phần cứng khác.

Sử dụng phần mềm

MDC (Multiple Display Control)

Cài đặt

1. Đưa đĩa CD cài đặt vào ổ đĩa CD-ROM.
2. Nhấp chương trình cài đặt MDC Unified.

Lưu ý

- Nếu cửa sổ cài đặt phần mềm không được hiển thị trên màn hình chính, hãy cài đặt bằng tệp tin cài đặt MDC Unified trong thư mục MDC trong CD.

3. Nhấp chuột vào "Next" trên màn hình Installation Wizard được hiển thị.
4. Trong cửa sổ "License Agreement" được hiển thị, chọn "I accept the terms of the license agreement" và nhấp "Next".
5. Trên cửa sổ "Customer Information" được hiển thị, điền đầy đủ các trường thông tin và nhấp chuột vào "Next".
6. Trên cửa sổ "Destination Folder" window, lựa chọn đường dẫn thư mục để cài đặt chương trình vào và nhấp chuột vào "Next".

Lưu ý

- Nếu không chỉ định đường dẫn thư mục, chương trình sẽ được cài đặt ở đường dẫn thư mục mặc định.

7. Trong cửa sổ "Ready to Install the Program" được hiển thị, đánh dấu đường dẫn thư mục để cài đặt chương trình vào và nhấp chuột vào "Install".
8. Tiến độ cài đặt sẽ được hiển thị.
9. Nhấp chuột vào "Finish" trên cửa sổ "InstallShield Wizard Complete" được hiển thị.
10. Biểu tượng đường dẫn tắt MDC Unified sẽ được tạo ra trên màn hình sau khi cài đặt.

Lưu ý

- Biểu tượng cài đặt MDC có thể không được hiển thị tùy thuộc vào hệ thống PC hoặc thông số kĩ thuật của sản phẩm.
- Nhấn phím F5 nếu biểu tượng cài đặt không được hiển thị.

Gỡ bỏ

1. Chọn Settings > Control Paneltrên trình đơn Start và nhấp đúp vàoAdd/Delete Program.
2. Lựa chọn MDC Unified từ danh sách và nhấp chuột vào Change/Remove.

Lưu ý

- Việc cài đặt MDC có thể bị ảnh hưởng bởi thẻ đồ họa, bản mạch chủ và điều kiện mạng.

Sử dụng MDC

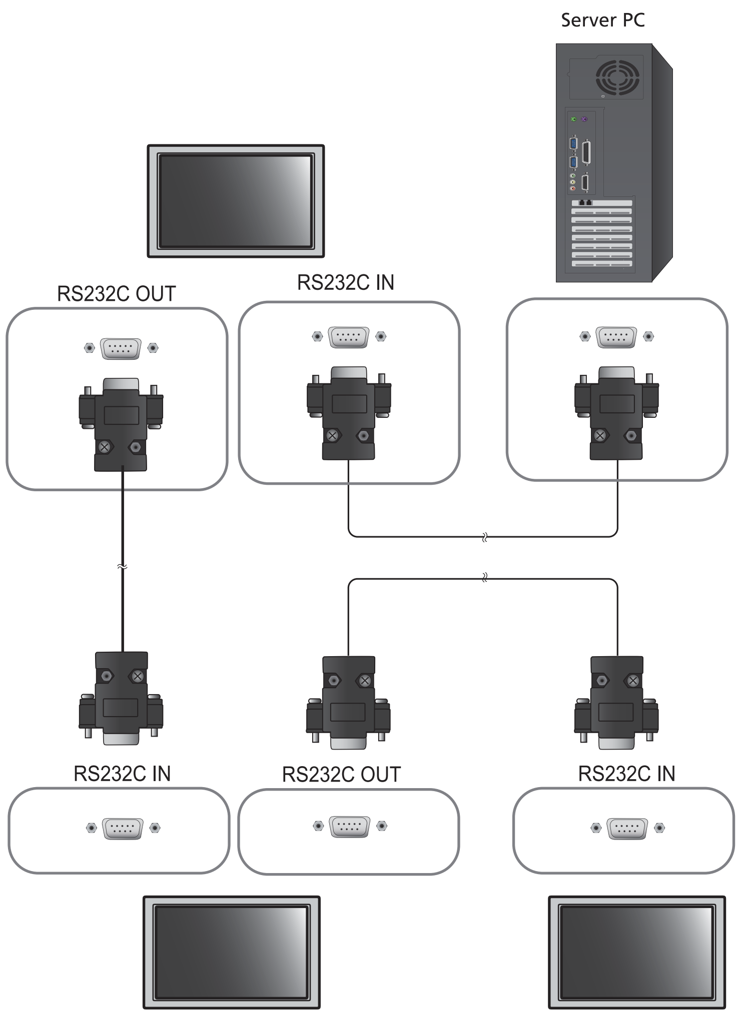
MDC là gì?

Điều khiển nhiều màn hình "MDC" là một ứng dụng cho phép bạn dễ dàng điều khiển nhiều thiết bị hiển thị cùng một lúc bằng cách sử dụng một máy tính.

Kết nối với MDC

Sử dụng MDC qua RS-232C (tiêu chuẩn truyền dữ liệu nối tiếp)

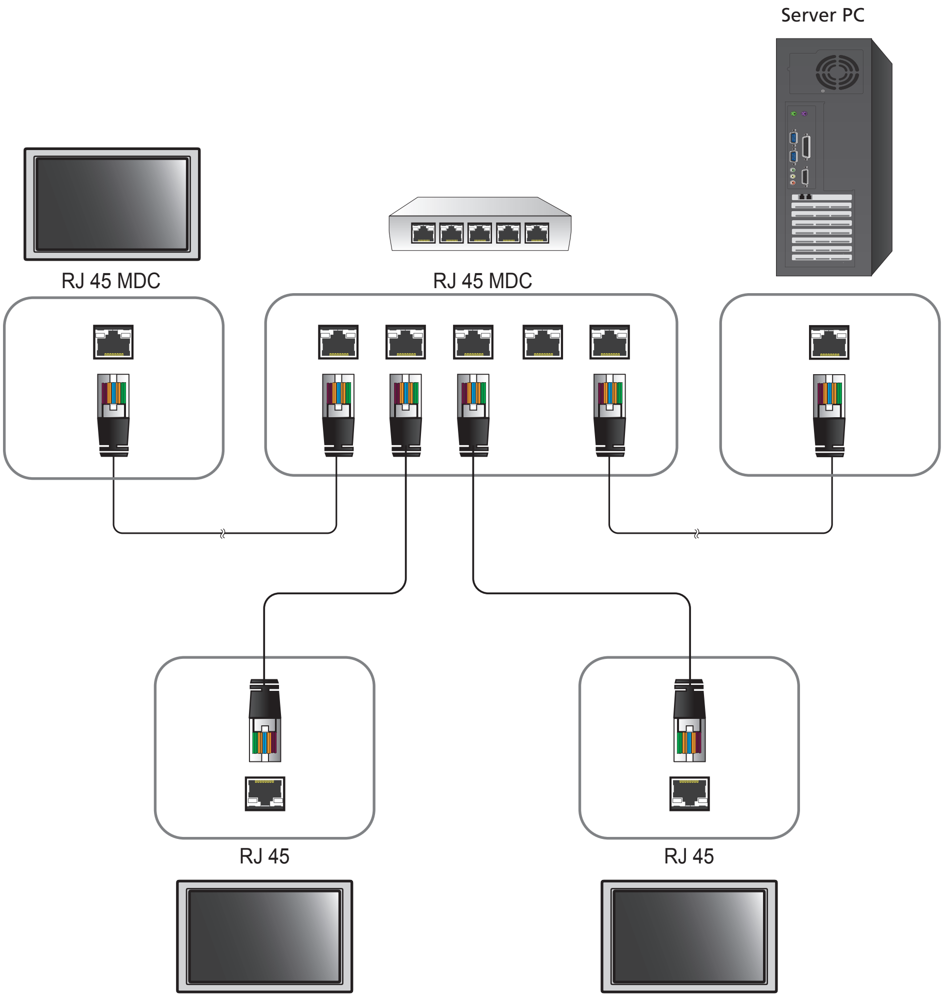
Cáp nối tiếp RS-232C phải được kết nối với các cổng nối tiếp trên máy tính và màn hình.



Sử dụng MDC qua Ethernet

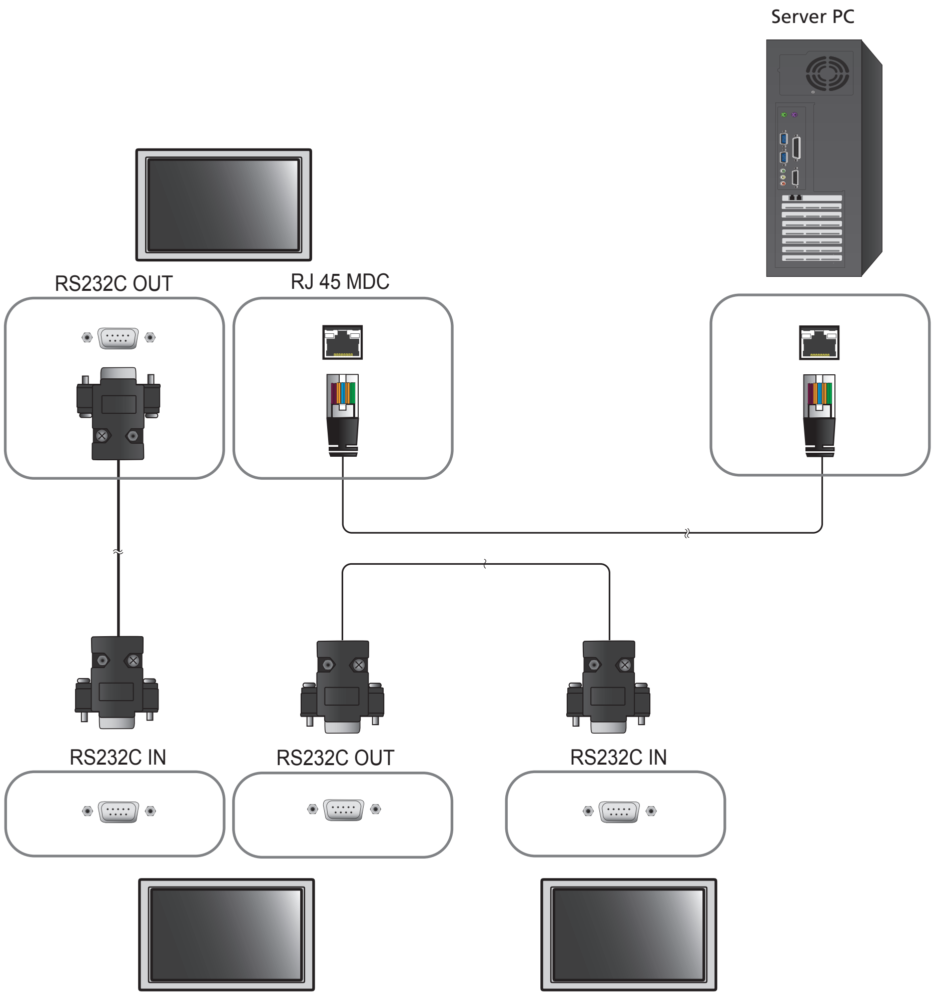
Nhập IP cho thiết bị hiển thị chính và kết nối thiết bị với máy tính. Một thiết bị hiển thị có thể kết nối với một thiết bị khác bằng cáp nối tiếp RS-232C.

Giao tiếp với cáp LAN



Nhiều sản phẩm có thể kết nối được bằng cổng [RJ45] trên sản phẩm và các cổng LAN trên HUB.

Giao tiếp với cáp Stereo qua cáp LAN



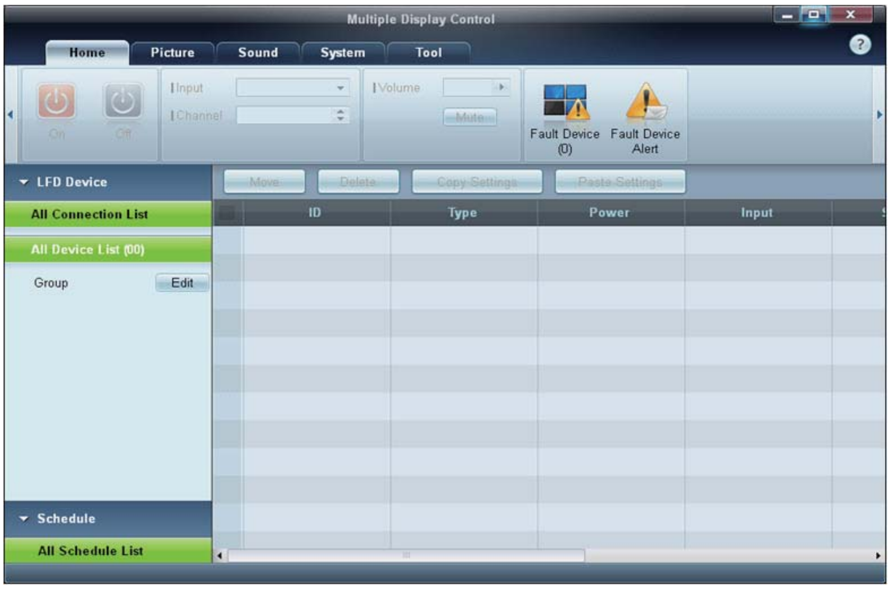
Nhiều sản phẩm có thể kết nối được bằng cổng [RS232C IN / OUT] trên sản phẩm.

Quản lý kết nối

Quản lý kết nối bao gồm **Danh sách kết nối** và **Tùy chọn sửa đổi danh sách kết nối**.

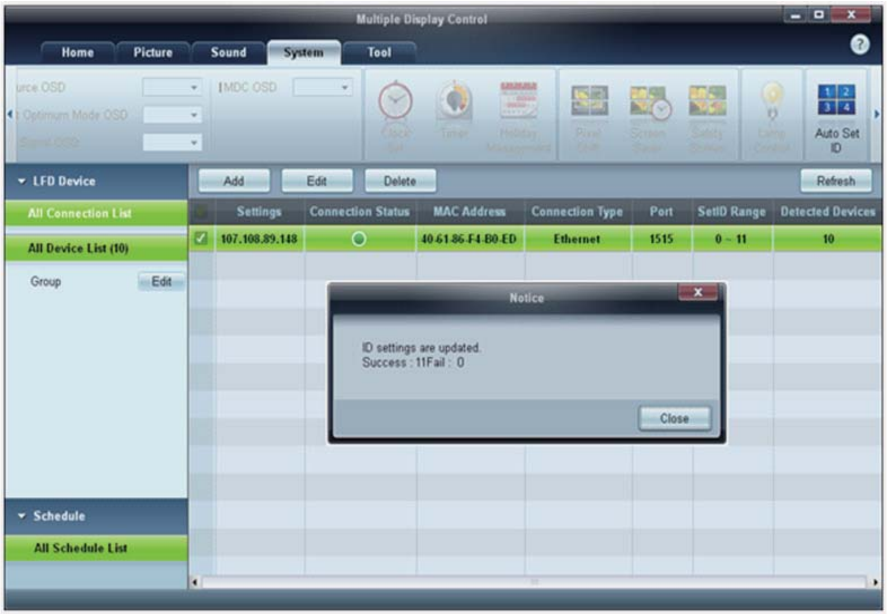
Danh sách kết nối – Danh sách kết nối cho biết các chi tiết kết nối như cài đặt kết nối (IP/COM, Số cổng, MAC và **Connection Type**), trạng thái kết nối, **Set ID Range** và thiết bị được phát hiện. Mỗi kết nối có tối đa 100 thiết bị được kết nối theo kiểu kết nối ngang hàng nối tiếp. Tất cả các LFD được phát hiện trong kết nối được hiển thị trong danh sách Thiết bị, tại đó người sử dụng có thể tạo các nhóm và gửi lệnh đến thiết bị được phát hiện.

Tùy chọn sửa đổi danh sách kết nối – Tùy chọn sửa đổi kết nối bao gồm **Add**, **Edit**, **Delete** và **Refresh**.



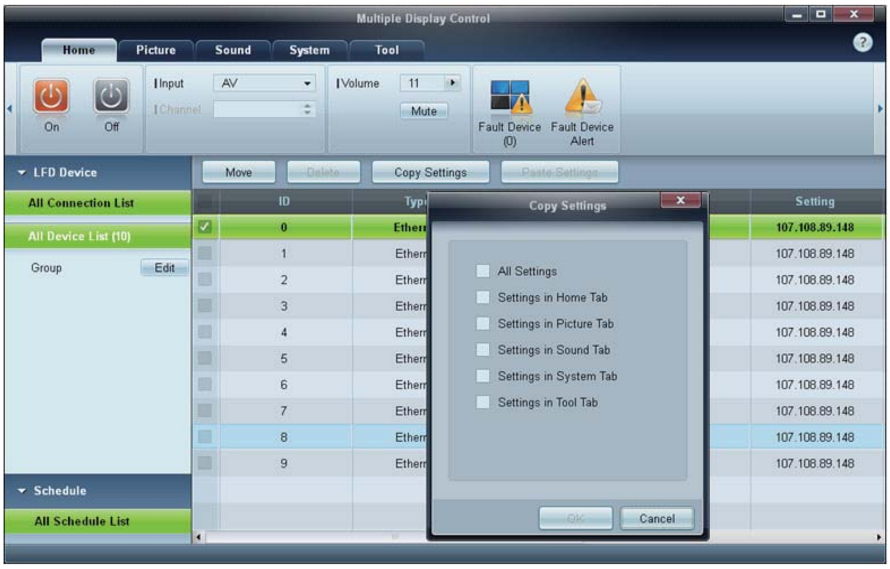
Auto Set ID

Tính năng **Auto Set ID** gán ID đã đặt cho tất cả các LFD được kết nối theo kiểu kết nối ngang hàng của kết nối đã chọn. Có thể có tối đa 100 LFD trong một kết nối. ID đã đặt được gán theo trình tự trong kết nối ngang hàng từ 1 đến 99 và cuối cùng thành ID đã đặt 0.



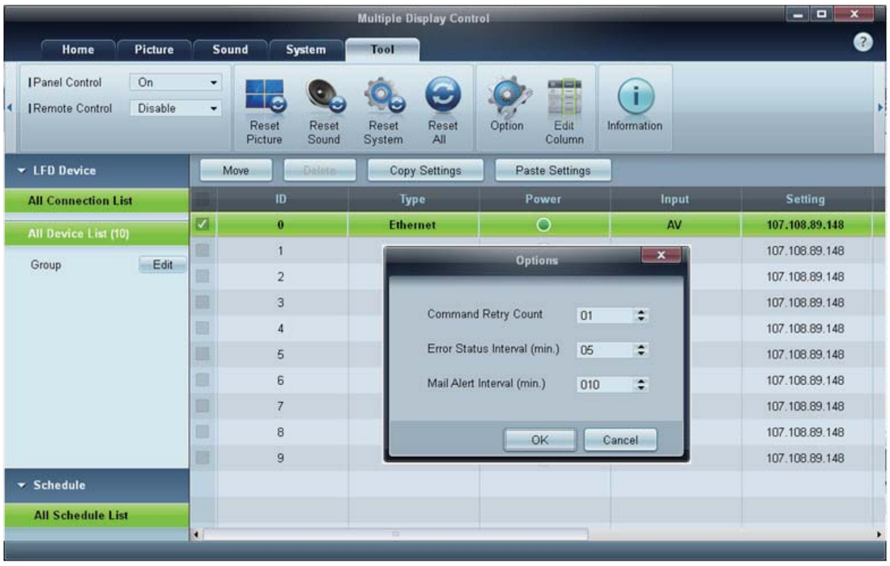
Tạo bản sao

Sử dụng tính năng Tạo bản sao, bạn có thể sao chép cài đặt của một LFD và áp dụng nó cho nhiều LFD đã chọn. Bạn có thể chọn các mục tab cụ thể hoặc tất cả các mục tab để sinh bản sao, sử dụng cửa sổ tùy chọn cài đặt sao chép.



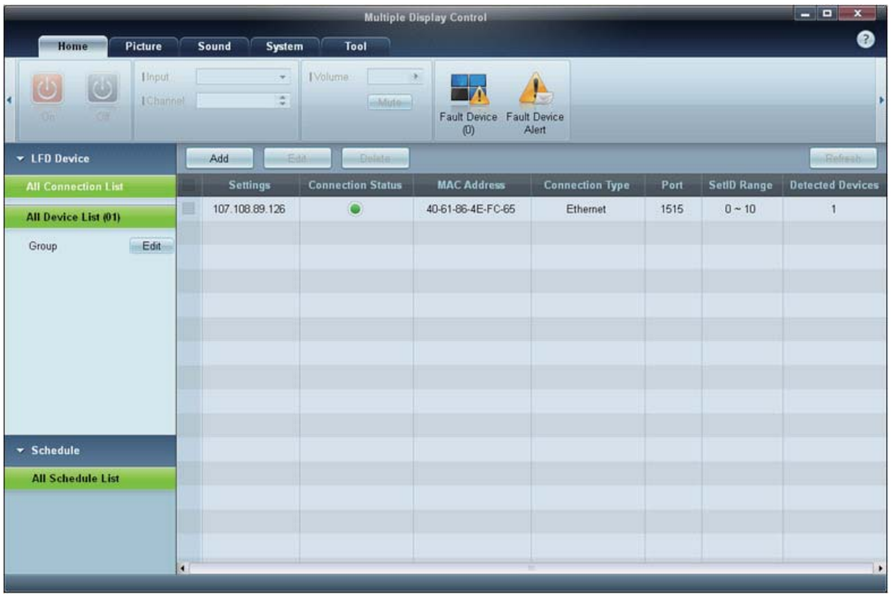
Tái xử lý lệnh

Tính năng này được sử dụng để xác định số lần tối đa lệnh MDC sẽ được tái xử lý trong trường hợp không có phản hồi hoặc phản hồi bị lỗi từ một LFD. Có thể đặt giá trị số lần tái xử lý bằng cửa sổ tùy chọn MDC. Giá trị số lần tái xử lý phải trong khoảng 1-10. Giá trị mặc định là 1.



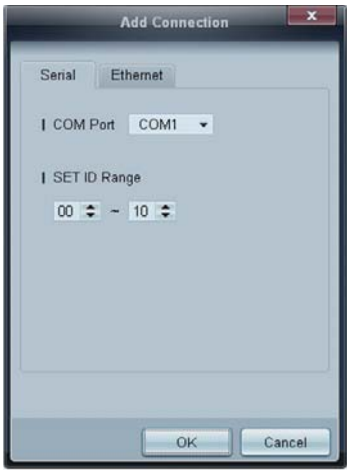
Bắt đầu sử dụng MDC

1 Để bắt đầu chương trình, nhấp **Bắt đầu** → **Chương trình** → **Samsung** → **MDC Unified**.

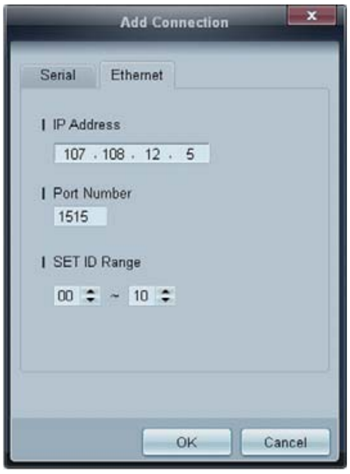


2 Nhấp **Add** để thêm thiết bị hiển thị.

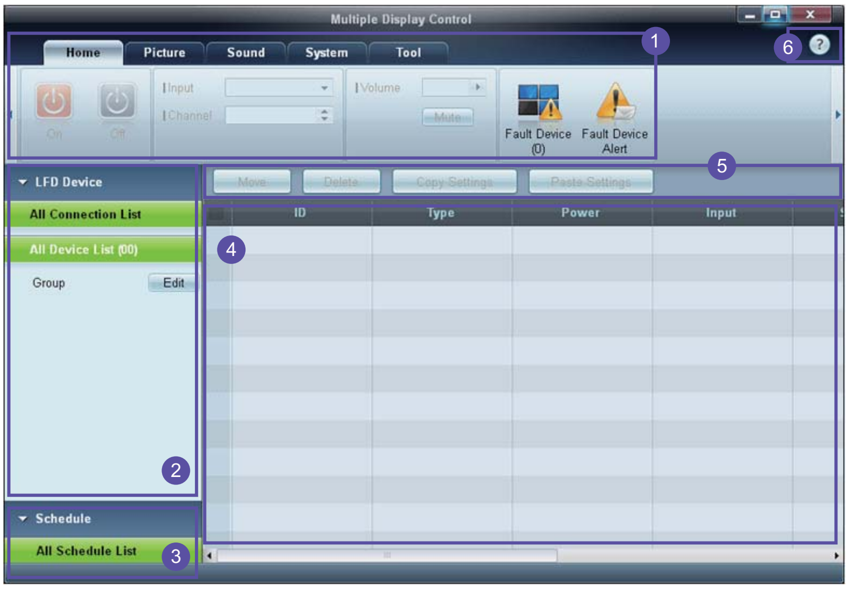
- Nếu kết nối được thiết lập qua RS232C, đi tới **Serial** và xác định **COM Port**.



- Nếu kết nối được thiết lập qua **Ethernet**, nhập IP đã được nhập cho thiết bị hiển thị.



Bố cục màn hình chính



1 Thanh menu	Thay đổi trạng thái của thiết bị hiển thị hoặc thuộc tính của chương trình.
2 Danh mục thiết bị	Xem danh sách các thiết bị hoặc nhóm thiết bị hiển thị được kết nối.
3 Danh mục lịch trình	Xem danh sách lịch trình cho thiết bị hiển thị.
4 Danh sách nhóm	Chọn thiết bị hiển thị bạn muốn điều chỉnh.
5 Sửa đổi danh sách nhóm	Thêm, chỉnh sửa, nhóm lại hoặc xóa các nhóm.
6 Chủ đề trợ giúp	Hiển thị chủ đề trợ giúp cho chương trình.

Menu

Bạn có thể bật hoặc tắt thiết bị đã chọn hoặc thay đổi nguồn vào hoặc âm lượng của thiết bị.

Chọn thiết bị hiển thị từ danh sách nhóm và chọn tab **Home**.



① Home

Chọn một mục và thay đổi cài đặt tương ứng.

Nguồn

- **On** : Bật màn hình đã chọn.
- **Off** : Tắt màn hình đã chọn

Input

- Nguồn vào: Thay đổi nguồn vào.
    - Nguồn vào có sẵn có thể thay đổi tùy theo Mẫu thiết bị hiển thị.
    - Chỉ có thể thay đổi nguồn vào cho các màn hình đã được bật.
- **Channel** : Thay đổi kênh.
    - Có thể thay đổi kênh TV bằng cách sử dụng các phím mũi tên lên/xuống.
    - Chỉ có thể thay đổi kênh khi nguồn vào là **TV**.
    - Chỉ có thể chọn các kênh đã đăng ký.

② Volume

Có thể thay đổi âm lượng hoặc chỉ có thể tắt âm thanh cho các màn hình đã được bật.

Volume

- Có thể điều chỉnh âm lượng bằng thanh cuộn trong phạm vi từ 0 đến 100.

  Điều chỉnh âm lượng của màn hình đã chọn.

Nguồn vào

- Bật hoặc tắt **Mute** cho màn hình đã chọn.

  Mute sẽ tự động bị tắt nếu **Volume** được điều chỉnh khi **Mute** đang bật.

③ Alert

- **Fault Device**

- Menu này cho biết danh sách các thiết bị hiển thị có các lỗi sau - lỗi quạt, lỗi nhiệt độ, lỗi cảm biến độ sáng hoặc lỗi đèn.

  Chọn thiết bị hiển thị từ danh sách. Nút **Repair** sẽ được kích hoạt. Nhấp vào nút làm mới để làm mới trạng thái lỗi của thiết bị hiển thị. Thiết bị hiển thị được phục hồi sẽ biến mất khỏi **Fault Device List**.

Fault Device Alert

- Thiết bị hiển thị có lỗi được phát hiện sẽ được báo cáo qua email.

  Điền vào tất cả các trường bắt buộc. Nút **Test** và **OK** sẽ được kích hoạt. Đảm bảo thông tin **Sender** và ít nhất một **Recipient** được nhập.

Điều chỉnh màn hình

Có thể điều chỉnh cài đặt màn hình (độ tương phản, độ sáng, v.v...).

Chọn thiết bị hiển thị từ danh sách nhóm và chọn tab **Picture**.

Tùy chỉnh

Chọn một mục và thay đổi cài đặt màn hình tương ứng.



- **Color** và **Tint** không có sẵn nếu nguồn vào là **PC.**
- **Red**, **Green**, **Blue** và **PC Screen Adjustment** không có sẵn nếu nguồn vào là **Video**.
- **Color**, **Tint**, **Color Tone**, **Color Temp**, **Red**, **Green**, **Blue** và **PC Screen Adjustment** không có sẵn nếu cả **PC Source** và **Video Source** đều được chọn.

Contrast

- Điều chỉnh độ tương phản của thiết bị hiển thị đã chọn.

Brightness

- Điều chỉnh độ sáng của thiết bị hiển thị đã chọn.

Color

- Điều chỉnh màu sắc của thiết bị hiển thị đã chọn.

Tint (G/R)

- Điều chỉnh tông màu của thiết bị hiển thị đã chọn.

Color Tone

- Điều chỉnh tông màu nền của thiết bị hiển thị đã chọn.

Color Temp

- Điều chỉnh nhiệt độ màu cho thiết bị đã chọn.

  Tùy chọn này được kích hoạt nếu **Color Tone** được đặt thành **Off**.

Red

- Tùy chỉnh độ đậm của màu đỏ cho thiết bị hiển thị đã chọn.

Green

- Tùy chỉnh độ đậm của màu xanh lá cây cho thiết bị hiển thị đã chọn.

Blue

- Tùy chỉnh độ đậm của màu xanh dương cho thiết bị hiển thị đã chọn.

Tùy chọn



Dynamic Contrast

Điều chỉnh **Dynamic Contrast** cho thiết bị hiển thị đã chọn.

Gamma Control

Thay đổi giá trị gamma cho màn hình đã chọn.

Auto Motion Plus

Tùy chọn này được sử dụng để xem hình ảnh động.

- **Off** : Tắt chức năng **Auto Motion Plus**.
- **Clear** : Đặt mức **Auto Motion Plus** thành rõ nét. Chế độ này phù hợp để hiển thị hình ảnh sống động.
- **Standard** : Đặt mức **Auto Motion Plus** thành tiêu chuẩn.
- **Smooth** : Đặt mức **Auto Motion Plus** thành mịn. Chế độ này phù hợp để hiển thị hình ảnh mịn.
- **Custom** : Tùy chỉnh mức rung hình hoặc lưu ảnh trên màn hình.
- **Demo** : Chức năng này sử dụng công nghệ **Auto Motion Plus**. Kết quả khi chế độ được thay đổi có thể được xem trước ở phía bên trái của cửa sổ.

Auto Motion Plus có thể không có sẵn tùy thuộc vào sản phẩm.

Brightness Sensor

Bật hoặc tắt **Brightness Sensor** cho thiết bị hiển thị đã chọn.

Brightness Sensor phát hiện cường độ ánh sáng xung quanh và tự động điều chỉnh độ sáng màn hình.

Brightness Sensor có thể không có sẵn tùy thuộc vào sản phẩm.

Kích thước



Picture Size

Điều chỉnh kích thước màn hình cho thiết bị hiển thị đã chọn.

Mục **Detail** sẽ bị tắt nếu **Picture Size** được đặt thành chế độ không hỗ trợ cấu hình chi tiết.

Có thể sử dụng các nút -/+ để điều chỉnh **Zoom**.

Có thể định vị lại màn hình bằng các nút lên/xuống/trái/phải.

Detail

Bạn có thể xem các chi tiết của kích thước màn hình đã chọn.

PC Screen Adjustment

Điều chỉnh tần số hoặc tinh chỉnh có sẵn bằng cách sử dụng các nút -/+ trong **Coarse** hoặc **Fine**.

Để định vị lại màn hình, nhấp vào một trong bốn hình ảnh dưới đây **Position**.

Để tự động điều chỉnh tần số, tinh chỉnh hoặc định vị lại màn hình, nhấp vào **Auto Adjustment**.

Điều chỉnh âm thanh

Bạn có thể thay đổi cài đặt âm thanh.

Chọn thiết bị hiển thị từ danh sách nhóm và chọn tab **Sound**.



Mục **Bass** hoặc **Treble** sẽ bị tắt nếu mục không được hỗ trợ bởi nhóm đã chọn.

Bass

Điều chỉnh âm trầm cho màn hình đã chọn.

Treble

Điều chỉnh âm cao cho màn hình đã chọn.

Balance (L/R)

Điều chỉnh âm lượng của loa trái và loa phải của thiết bị hiển thị đã chọn.

SRS TS XT

Bật hoặc tắt hiệu ứng **SRS TS XT** cho thiết bị hiển thị đã chọn.

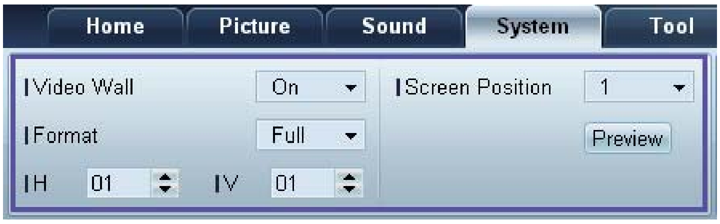
Thiết lập hệ thống

Chọn thiết bị hiển thị từ danh sách nhóm và chọn tab **System**.

Video Wall

Có thể sử dụng chức năng **Video Wall** để hiển thị một phần của hình ảnh tổng thể hoặc lặp lại cùng một hình ảnh trên mỗi trong số nhiều thiết bị hiển thị được kết nối.

Video Wall chỉ được kích hoạt khi thiết bị ở trong nhóm.

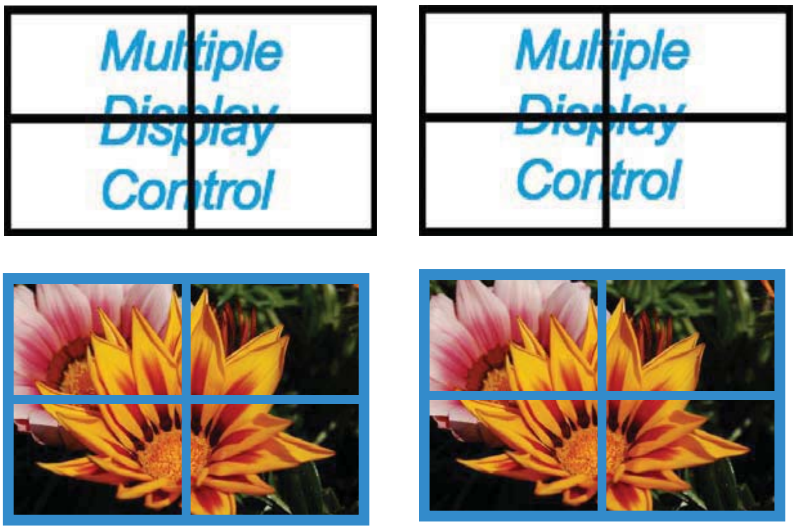


Video Wall

Bật hoặc tắt **Video Wall**.

Format

Chọn định dạng để hiển thị màn hình bị chia nhỏ.



Full Natural

H

Chọn số lượng thiết bị hiển thị nằm ngang.

Có thể sắp xếp được tối đa 15 màn hình vào mỗi hàng.

Có thể gán tối đa 6 cho V (Dọc) nếu 15 được gán cho H (Ngang).

V

Chọn số lượng thiết bị hiển thị nằm dọc.

Có thể sắp xếp được tối đa 15 màn hình vào mỗi hàng.

Có thể gán tối đa 6 cho V (Dọc) nếu 15 được gán cho H (Ngang).

Screen Position

Xem bố cục các màn hình (được đặt cấu hình bởi chế độ chia màn hình) hoặc thay đổi bố cục theo yêu cầu.

Screen Position và **Preview** được kích hoạt khi **Video Wall** được đặt thành bật.

Lưu ý rằng nếu nhiều nhóm được chọn, **Preview** chỉ được kích hoạt nếu cài đặt cho H (Ngang) và V (Dọc) phù hợp với bố cục của các nhóm đã chọn.

Để thay đổi **Position**, chọn một nhóm và kéo vào vị trí mới.

Khoảng biến đổi của các cài đặt cho chế độ chia màn hình có thể khác nhau tùy theo mẫu sản phẩm.

PIP

Thông tin cơ bản cần thiết để điều chỉnh **PIP** sẽ xuất hiện trong màn hình menu.

- **PIP** sẽ bị tắt khi **Video Wall** là **ON**.
- Lưu ý rằng **Picture Size** bị tắt khi **PIP** là **ON**.



PIP Size

Xem **PIP Size** của màn hình hiện tại.

PIP Source

Chọn nguồn vào PIP.

Sound Select

Chọn và kích hoạt âm thanh từ màn hình chính hoặc màn hình phụ.

Channel

Có thể thay đổi kênh nếu **PIP Source** là **TV**.

Thông số chung



User Auto Color

Tự động điều chỉnh màu màn hình.

Chỉ có sẵn ở chế độ **PC**.

Auto Power

Đặt sản phẩm thành tự động bật.

Standby Control

Đặt chế độ chờ để kích hoạt nếu nguồn vào không được phát hiện.

Quạt & nhiệt độ



Đặt cấu hình các cài đặt cần thiết để phát hiện tốc độ quạt và nhiệt độ bên trong để bảo vệ sản phẩm.

Fan Control

Chọn phương pháp để đặt cấu hình tốc độ quạt.

Fan Speed

Đặt cấu hình tốc độ quạt.

Temperature

Phát hiện nhiệt độ bên trong bằng cách chỉ định khoảng nhiệt độ.

Bảo mật



Safety Lock

Khóa menu trên màn hình.

Để mở khóa các menu, đặt **Safety Lock** thành **Off**.

Button Lock

Khóa các nút trên thiết bị hiển thị.

Để mở khóa các nút, đặt **Button Lock** thành **Off**.

Màn hình OSD



Source OSD

Chọn có hiển thị thông báo khi **Source** được thay đổi hay không.

Not Optimum Mode OSD

Chọn có hiển thị thông báo khi chế độ không tương thích được chọn hay không.

No Signal OSD

Chọn có hiển thị thông báo khi không có tín hiệu đầu vào hay không.

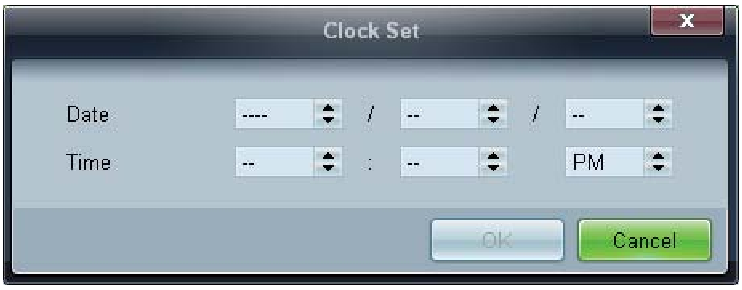
MDC OSD

Chọn có hiển thị thông báo khi cài đặt được thay đổi bởi MDC hay không.

Thời gian



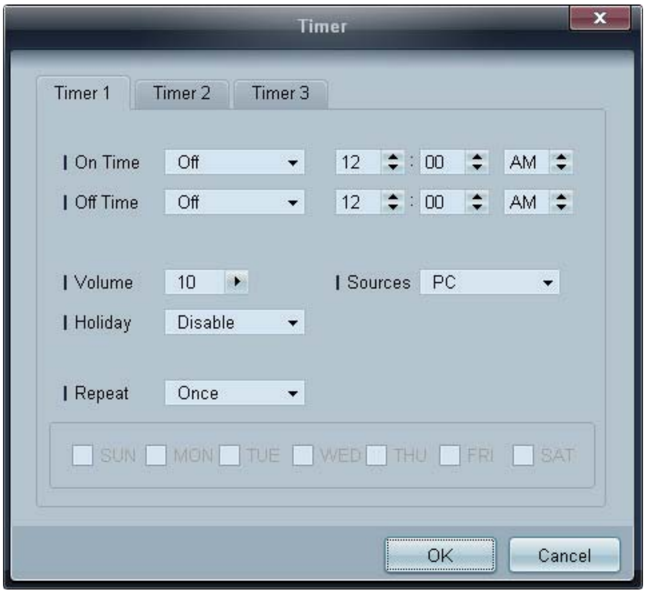
Clock Set



Thay đổi thời gian hiện tại trên thiết bị hiển thị được chọn theo thời gian được đặt trên máy tính.

Nếu thời gian không được đặt trên thiết bị hiển thị, các giá trị rỗng sẽ được hiển thị.

Timer



- **On Time** : Đặt thời gian để bật thiết bị hiển thị được chọn.
- **Off Time** : Đặt thời gian để tắt thiết bị hiển thị được chọn.
- **Volume** : Chỉ định âm lượng của thiết bị hiển thị khi được bật bởi **On Time**.
- **Source** : Chỉ định nguồn vào của thiết bị hiển thị khi được bật bởi **On Time**.
- **Holiday** : Cài đặt **Holiday Management** có thể được áp dụng cho **Timer**.
- **Repeat** : Chỉ định khoảng thời gian bạn muốn lặp lại **Timer** đã chọn.

- Once
- EveryDay
- Mon~Fri
- Mon~Sat
- Sat~Sun
- Manual

Hộp kiểm để chọn ngày trong tuần dưới đây **Repeat** chỉ được kích hoạt nếu **Manual** được chọn.

Holiday Management

Holiday Management cho phép bạn ngăn không cho các thiết bị được đặt thành bật bởi **Timer** bật tại một ngày nhất định.

Có thể bật hoặc tắt chức năng **Holiday Management** trong menu cài đặt **Timer**.



- **Add** : Bạn có thể chỉ định ngày nghỉ:

  Nhấp vào nút **Add** trong cửa sổ **Holiday Management**.



- **Delete** : Xóa ngày nghỉ. chọn hộp kiểm tương ứng và nhấp vào nút này.
- Danh sách ngày nghỉ: Xem danh sách ngày nghỉ bạn đã thêm vào.

Chống cháy màn hình



Pixel Shift



Hơi di chuyển màn hình trong khoảng thời gian nhất định để ngăn lưu ảnh trên màn hình.

Screen Saver



Chức năng này ngăn lưu ảnh trên màn hình khi màn hình của thiết bị hiển thị được chọn được để ở chế độ không làm việc trong một khoảng thời gian dài.

- **Interval** : Đặt khoảng thời gian để kích hoạt **Screen Saver**.
- **Mode**: Cài đặt **Time** có thể thay đổi cho mỗi **Mode**.

Safety Screen



Có thể sử dụng chức năng **Safety Screen** để ngăn lưu ảnh trên màn hình khi hình ảnh tĩnh hiển thị trên màn hình của thiết bị hiển thị trong một khoảng thời gian dài.

Lamp Control

Lamp Control được sử dụng để điều chỉnh đèn nền nhằm giảm tiêu thụ điện.



Tự động điều chỉnh đèn nền của thiết bị hiển thị được chọn tại một thời điểm nhất định.

Nếu **Manual Lamp Control** được điều chỉnh, **Auto Lamp Control** sẽ tự động chuyển sang **Off**.

Điều chỉnh bằng tay đèn nền cho màn hình đã chọn.

Nếu **Auto Lamp Control** được điều chỉnh, **Manual Lamp Control** sẽ tự động chuyển sang **Off**.

- **Ambient Light** : **Ambient Light** phát hiện cường độ ánh sáng xung quanh và tự động điều chỉnh độ sáng màn hình của tất cả các LFD trong cùng một chuỗi nối tiếp.

Cài đặt Công cụ



① Bảo mật

Panel Control

Bật hoặc tắt màn hình của thiết bị hiển thị.

Remote Control

Bật hoặc tắt điều khiển từ xa.

② Đặt lại

Reset Picture

Đặt lại cài đặt màn hình.

Reset Sound

Đặt lại cài đặt âm thanh.

Reset System

Đặt lại cài đặt hệ thống.

Reset All

Đặt lại cài đặt màn hình, âm thanh và hệ thống cùng lúc.

③ Edit Column



Chọn mục bạn muốn hiển thị trong danh sách nhóm.

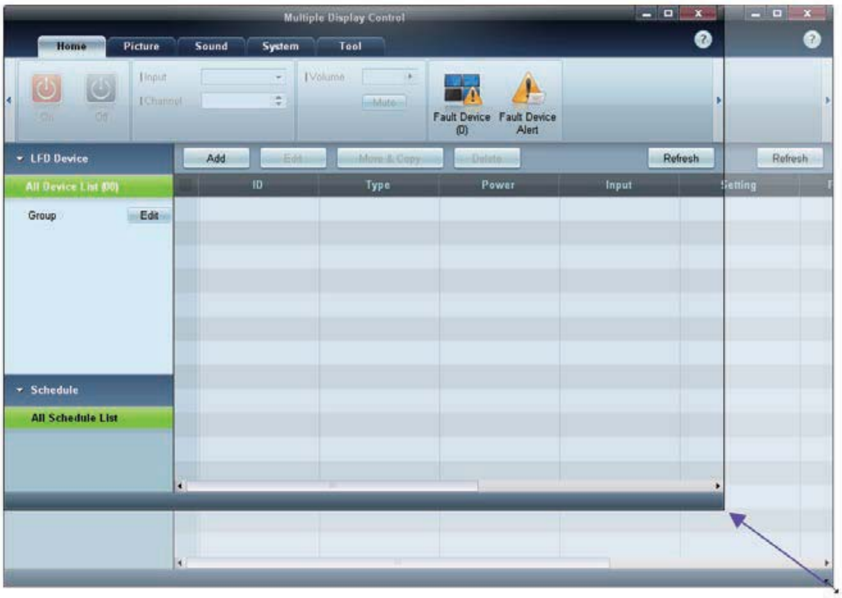
④ Information

Xem thông tin chương trình.

Chức năng khác

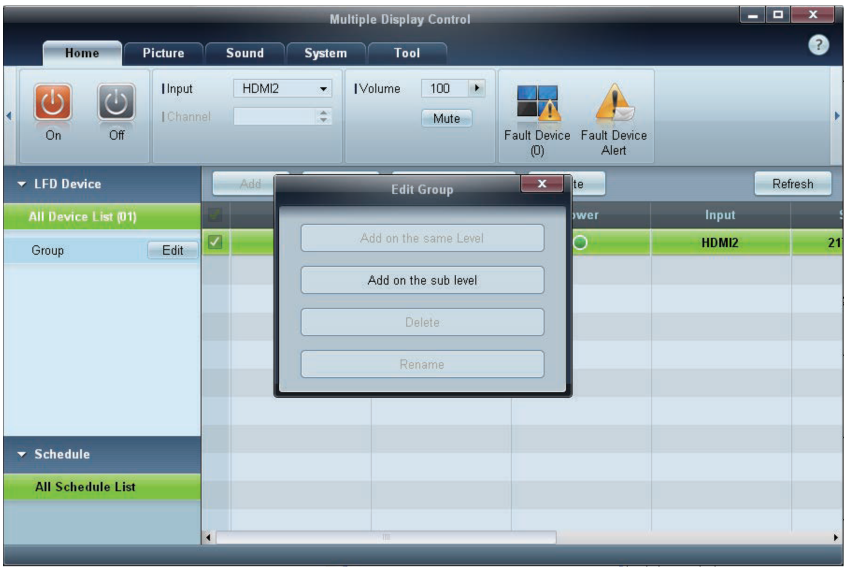
Thay đổi kích thước cửa sổ

Đặt con trỏ chuột trên góc của cửa sổ chương trình. Một mũi tên sẽ xuất hiện. Di chuyển mũi tên để tùy chỉnh kích thước của cửa sổ chương trình.



Quản lý nhóm

Tạo nhóm



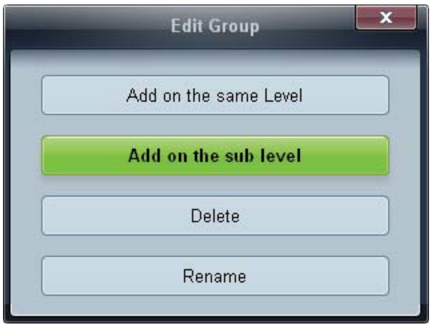
Tạo nhóm và quản lý danh sách nhóm trên cơ sở nhóm.

Không thể sử dụng cùng tên nhóm.

1 Nhấp chuột phải và chọn **Group>Edit** trong phần danh sách thiết bị hiển thị ở phía bên trái của cửa sổ chương trình.

2 Trong cửa sổ **Edit Group** được hiển thị, nhấp **Add on the sub level** hoặc **Add on the same level**.

- **Add on the sub level**: Tạo nhóm phụ trong nhóm đã chọn.



- **Add on the same level**: Tạo một nhóm cùng mức độ với nhóm đã chọn.



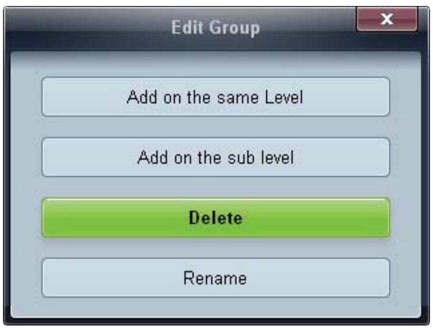
Nút **Add on the same level** chỉ được kích hoạt nếu ít nhất một nhóm được tạo.

3 Nhập tên nhóm.

Xóa nhóm

1 Chọn tên nhóm và nhấp **Edit**.

2 Trong cửa sổ **Edit Group** được hiển thị, nhấp **Delete**.

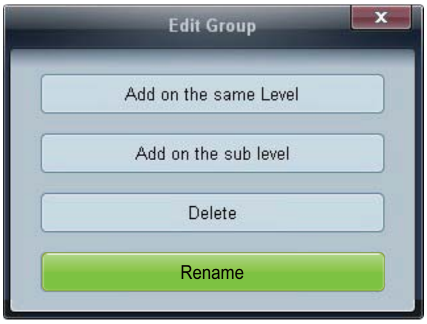


3 Nhấp **Yes**. Nhóm sẽ bị xóa.

Đổi tên nhóm

1 Chọn tên nhóm và nhấp **Edit**.

2 Trong cửa sổ **Edit Group** được hiển thị, nhấp **Rename**.



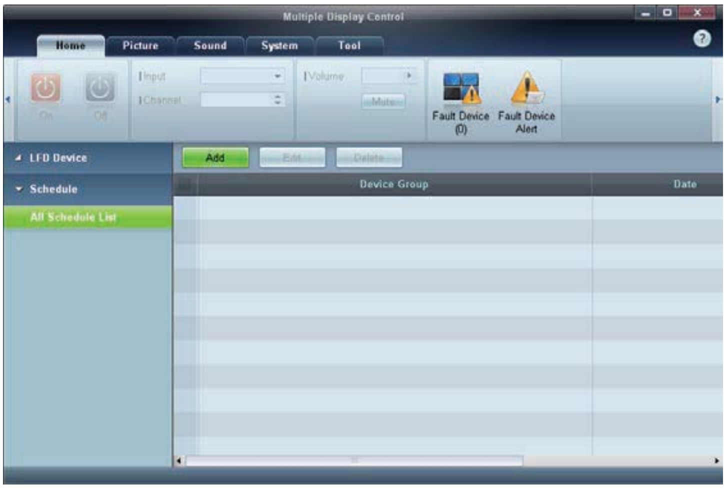
3 Nếu con trỏ xuất hiện trong tên nhóm cũ, hãy nhập tên nhóm mới.

Quản lý lịch trình

Tạo lịch trình

Tạo và đăng ký lịch trình trên cơ sở nhóm.

1 Nhấp **All Schedule List** trong phần lịch trình ở phía bên trái của cửa sổ chương trình. Nút **Add** sẽ được kích hoạt ở giữa.



2 Nhấp vào nút **Add**. Cửa sổ **Add Schedule** sẽ xuất hiện.



3 Nhấp **Add** bên dưới mục **Device Group** và chọn nhóm bạn muốn thêm lịch trình.



4 Chọn **Date&Time/Action** và nhấp **OK**. Lịch trình sẽ được thêm và một danh sách lịch trình sẽ xuất hiện trong cửa sổ danh sách nhóm.

- **Device Group** : Chọn một nhóm.
- **Date&Time**
  - **Instant Execution** : Chạy lịch trình ngay lập tức.
  - **Timer**: Đặt ngày, giờ và khoảng thời gian chạy lịch trình.
- **Action** : Chọn chức năng sẽ kích hoạt tại một thời điểm và khoảng thời gian nhất định.

Sửa đổi lịch trình

Để sửa đổi lịch trình, chọn lịch trình và nhấp **Edit**.

Xóa lịch trình

Để xóa lịch trình, chọn lịch trình và nhấp **Delete**.

Hướng dẫn xử lý sự cố

Sự cố		Giải pháp
Màn hình bạn muốn điều chỉnh không có trong sơ đồ thông tin hệ thống.	1.	Kiểm tra kết nối của cáp RS232C (kiểm tra xem cáp này có được kết nối với đúng cổng nối tiếp đúng cách hay chưa).
	2.	Kiểm tra xem một màn hình khác có cùng **ID** không được kết nối. Việc kết nối các màn hình có cùng **ID** có thể làm cho các màn hình không hiện ra do sự xung đột dữ liệu.
	3.	Kiểm tra xem **ID** của màn hình có nằm trong khoảng 0 và 99 hay không. (Thay đổi ID bằng cách sử dụng menu Display (Màn hình). Đối với màn hình hỗ trợ ID trong khoảng từ 0 đến 99, **ID** phải được đặt trong khoảng 0 và 99.
Màn hình bạn muốn điều chỉnh không có trong Control Info Grids (Bảng thông tin Điều khiển).		Kiểm tra xem màn hình có đang bật không. (Xem trạng thái nguồn điện trong sơ đồ thông tin hệ thống.)
		Đảm bảo là bạn lựa chọn nguồn tín hiệu đầu vào mà màn hình được kết nối đến.
Thông báo sau đây sẽ xuất hiện lặp đi lặp lại.  		Kiểm tra xem màn hình bạn muốn điều khiển đã được chọn hay chưa.
Hiển thị trạng thái bật hoặc tắt nguồn ở các thời điểm khác nhau mặc dù **On Time** hoặc **Off Time** đã được đặt.		Điều chỉnh thời gian trên máy tính để đồng bộ hóa thời gian trên các màn hình được kết nối.
Điều khiển từ xa không hoạt động.		Điều khiển từ xa có thể không hoạt động nếu bạn tháo cáp RS-232C ra hoặc chương trình bị đóng lại một cách bất bình thường trong khi tính năng **Remote Control** đang ở chế độ **Disable**. Để xử lý vấn đề này, hãy chạy lại chương trình và đặt **Remote Control** thành **Enable**.

Đôi khi chương trình có thể có sự cố do lỗi truyền thông giữa máy tính và màn hình hoặc sóng điện từ phát ra từ các thiết bị điện xung quanh.

Khi nhiều màn hình được sử dụng, các thuộc tính hiển thị sẽ hiện ra như thế nào?

1. Khi bạn không chọn một màn hình nào: Giá trị mặc định sẽ được hiển thị.
2. Khi bạn chọn một màn hình: Các cài đặt cho màn hình đã chọn sẽ được hiển thị.
3. Khi bạn chọn hai màn hình (ví dụ: theo thứ tự **ID** 1 và**ID** 3): Các cài đặt cho màn hình có **ID** 1 được hiển thị trước các cài đặt cho màn hình có **ID** 3.
4. Khi bạn chọn hộp kiểm **All**+**Select** và chọn tất cả các màn hình: Các cài đặt mặc định sẽ được hiển thị.

Điều chỉnh màn hình LCD

Input

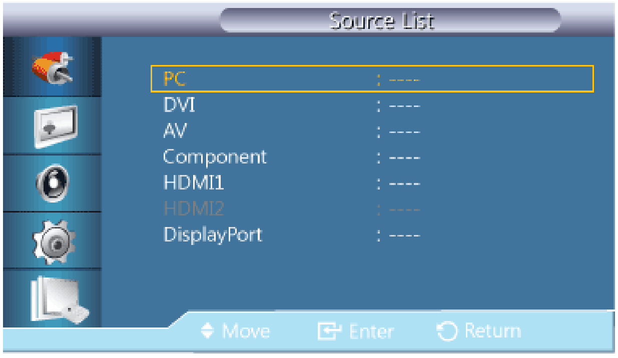
Các chế độ có sẵn

- **PC / DVI / DisplayPort**
- **AV**
- **Component**
- **HDMI**
- **MagicInfo**

Lưu ý

MagicInfo chỉ có hiệu lực khi một hộp mạng (được bán riêng) được kết nối.

Source List



Sử dụng để chọn **PC**, HDMI hoặc các nguồn tín hiệu đầu vào bên ngoài được kết nối vào màn hình LCD. Dùng để chọn dạng màn hình theo ý muốn.

1. **PC**
2. **DVI**
3. **AV**
4. **Component**
5. **HDMI1**
6. **HDMI2** - Được kích hoạt nếu kết nối hộp mạng.
7. **DisplayPort**
8. **MagicInfo** - Được kích hoạt nếu kết nối hộp mạng.

Lưu ý

Cổng [RGB/COMPONENT IN] tương thích với tín hiệu đầu vào PC hoặc component.

Tuy nhiên, hình ảnh có thể không hiển thị ở trạng thái thông thường nếu bạn lựa chọn nguồn tín hiệu đầu vào khác với nguồn tín hiệu đầu vào được kết nối thực sự.

PIP

Lưu ý

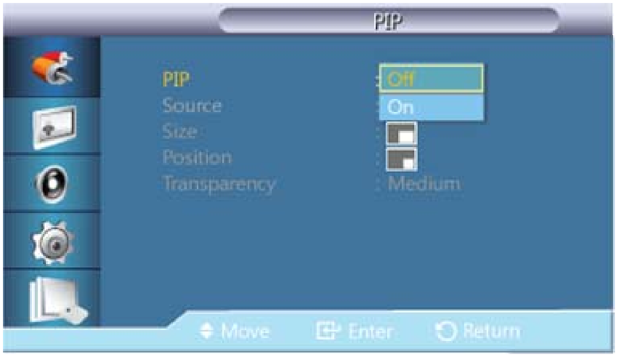
- Tính năng **PIP** không có khi **Video Wall** được bật là **On**.
- Tính năng **PIP** không có khi **Source AutoSwitch** được bật là **On**.

Khi các thiết bị AV bên ngoài như VCR hoặc DVD được kết nối với Màn hình LCD, chức năng**PIP** cho phép bạn xem video từ các thiết bị đó trong một cửa sổ nhỏ nằm trên tín hiệu PC Video. (**Off**/**On**)

Lưu ý

- PIP sẽ tắt khi màn hình LCD được bật sang một nguồn bên ngoài.
- Nếu bạn chọn ,  ,  trong **Size**, **Position** và **Transparency** sẽ không được kích hoạt.

PIP



Bật màn hình**PIP Off**/**On**.

- **Off**
- **On**

Source



Chọn nguồn tín hiệu vào cho PIP.

Lưu ý

PIP bị tắt kích hoạt nếu màn hình chính không nhận được tín hiệu.

- **PC** : **DVI**, **AV**, **HDMI1**, **HDMI2**, **DisplayPort**
- **DVI** : **PC**
- **AV** : **PC**

- **HDMI** : **PC**
- **DisplayPort** : **PC**

Lưu ý

HDMI2 sẽ không hoạt động nếu hộp mạng được kết nối.

Size

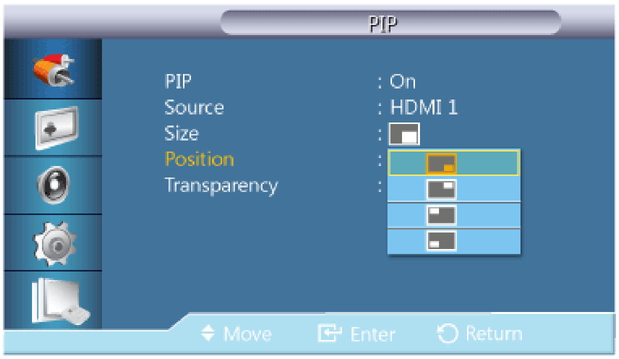


Thay đổi Kích thước của cửa sổ PIP.

Lưu ý

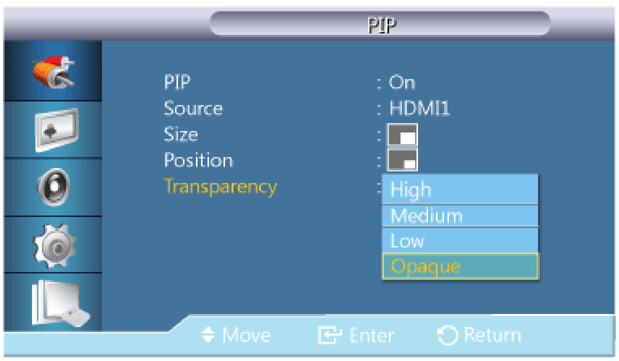
Picture > **Size** sẽ chuyển thành **16:9** khi **PIP** bật **On**.

Position



Thay đổi Vị trí của cửa sổ PIP.

Transparency



Điều chỉnh Độ trong suốt của các cửa sổ PIP.

- **High**
- **Medium**
- **Low**
- **Opaque**

Edit Name



Đặt tên cho thiết bị đầu vào kết nối với các jack cắm đầu vào để làm cho sự lựa chọn nguồn vào dễ dàng hơn.

VCR / **DVD** / **Cable STB** / **HD STB** / **Satellite STB** / **AV Receiver** / **DVD Receiver** / **Game** /**Camcorder** / **DVD Combo** / **DHR** / **PC** / **DVI PC** / **DVI Devices**

Lưu ý

- Các thiết bị được hiển thị khác nhau tùy theo chế độ ngõ vào của thiết bị bên ngoài.
- Khi kết nối PC với đầu HDMI, hãy cài đặt **Edit Name** sang **PC**. Trong các trường hợp khác, đặt **Edit Name** là **AV**. Tuy nhiên, vì 640x480, 720p (1280x720) và 1080p (1920x1080) là những tín hiệu chung cho **AV** và **PC**, đảm bảo là bạn đặt **Edit Name**phù hợp với dạng tín hiệu đầu vào.
- Menu **Picture** sẽ thay đổi tùy vào dạng tín hiệu đầu vào và **Edit Name**.

  Khi sử dụng kết nối cáp chuyển DVI sang HDMI (không hỗ trợ audio và video cùng lúc), cần kết nối cổng audio thông qua cáp audio riêng.
- Khi kết nối máy tính, cài đặt **Edit Name** là **DVI PC** để thưởng thức video và audio từ máy tính được kết nối.
- Khi kết nối thiết bị AV, cài đặt **Edit Name** là **DVI Device** để thưởng thức video và audio từ thiết bị AV được kết nối.

Source AutoSwitch Settings

Bật màn hình hiển thị có **Source AutoSwitch On**, và nguồn video đã lựa chọn trước đó không hoạt động, thì màn hình hiển thị sẽ tự động tìm kiếm các nguồn video đầu vào khác để tìm ra video hoạt động.

Lưu ý

- Lựa chọn **Source AutoSwitch** và chức năng **PIP**: Nếu lựa chọn **Source AutoSwitch** ở chế độ **On**, thì chức năng **PIP** sẽ không hoạt động, lựa chọn **Source AutoSwitch** phải ở chế độ **Off**, thì chức năng **PIP** mới hoạt động.
- Khi lựa chọn **Source AutoSwitch** ở chế độ **On**, và/hoặc **Primary Source Recovery** ở chế độ **On**, chế độ tiết kiệm năng lượng cho màn hình hiển thị sẽ không hoạt động.
- Khi **Primary Source Recovery** ở chế độ **On**, chỉ có lựa chọn **Primary Source** và **Secondary Source** có tác dụng và hai tính năng có thể hoán đổi cho nhau và bạn có thể lựa chọn một trong hai tính năng theo ý muốn của mình.

  Hãy tham khảo phần **PIP** > **Source** để biết thêm thông tin về tín hiệu tương thích cho mỗi nguồn tín hiệu đầu vào sơ cấp.

Source AutoSwitch



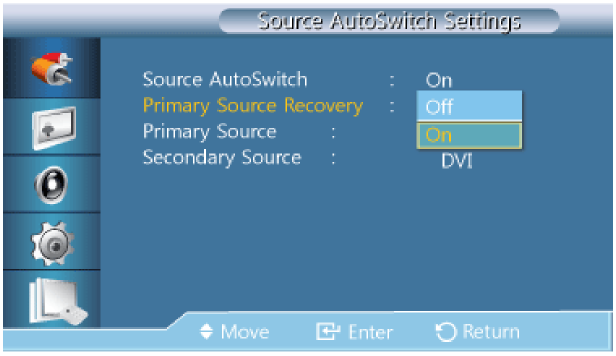
Khi **Source AutoSwitch** ở chế độ **On**, màn hình hiển thị sẽ tự động tìm kiếm nguồn video để tìm video hoạt động.

Lựa chọn **Primary Source** sẽ được kích hoạt nếu nguồn video hiện thời không được nhận dạng. Lựa chọn **Secondary source** sẽ được kích hoạt, nếu không có nguồn video sơ cấp nào hoạt động. Nếu nguồn sơ cấp hoặc thứ cấp không được nhận dạng, màn hình hiển thị sẽ tiếp tục tìm kiếm, nếu không tìm thấy nguồn video nào hoạt động, màn hình hiển thị sẽ hiển thị thông điệp không có tín hiệu đầu vào.

Khi lựa chọn **Primary Source** được cài đặt ở **All**, màn hình hiển thị sẽ lần lượt tìm kiếm tất cả các tín hiệu đầu vào video hai lần để tìm nguồn video hoạt động, và trở lại nguồn video đầu tiên trong dãy thứ tự nếu như không tìm thấy nguồn video nào.

1. **Off**
2. **On**

Primary Source Recovery

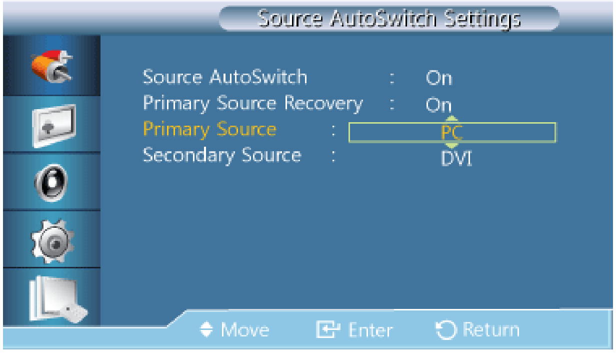


Khi **Primary Source Recovery** ở chế độ **On**, màn hình hiển thị sẽ chỉ tìm kiếm lựa chọn nguồn video **Primary Source** và **Secondary Source** để tìm ra nguồn video hoạt động.

Primary Source sẽ được lựa chọn nếu tìm thấy nguồn video hoạt động, còn nếu không tìm thấy nguồn video nào, thì **Secondary Source** sẽ được lựa chọn, nếu cũng không tìm thấy nguồn video nào trong **Secondary Source**, thì thông báo không có tín hiệu đầu vào sẽ được hiển thị.

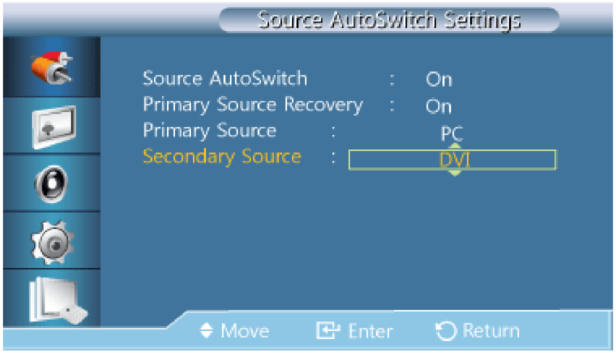
1. **Off**
2. **On**

Primary Source



Xác định rõ **Primary Source** cho nguồn tín hiệu tự động.

Secondary Source



Xác định rõ **Secondary Source** cho nguồn tín hiệu tự động.

Điều chỉnh màn hình LCD

Picture [Chế độ PC / DVI / DisplayPort / MagicInfo]

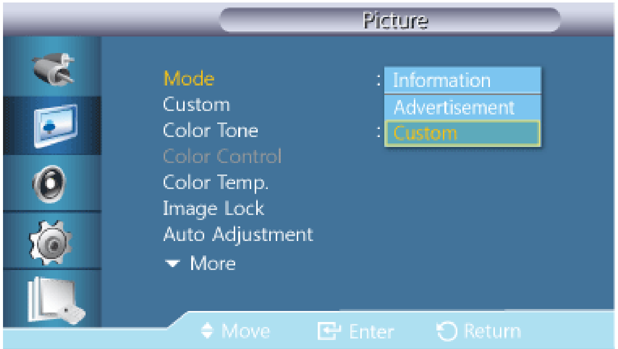
Các chế độ có sẵn

- PC / DVI / DisplayPort
- AV
- Component
- HDMI
- MagicInfo

Lưu ý

MagicInfo chỉ có hiệu lực khi một hộp mạng (được bán riêng) được kết nối.

Mode



Lưu ý

Không có tác dụng khi **Dynamic Contrast** được cài đặt là **On**.

1. **Information**

   Nên sử dụng khi thông tin những thông tin chính xác (ví dụ như thông tin công chúng).

2. **Advertisement**

   Nên sử dụng khi hiển thị các mục quảng cáo (ví dụ như quảng cáo có video, quảng cáo trong nhà hoặc ngoài trời).

3. **Custom**

Custom

Bằng cách sử dụng menu trên màn hình, bạn có thể thay đổi độ sáng và độ tương phản theo sở thích riêng của mình.

Lưu ý

- Khi điều chỉnh hình ảnh bằng cách sử dụng chức năng **Custom**, **MagicBright** sẽ chuyển sang chế độ **Custom**.
- Không có tác dụng khi **Dynamic Contrast** được cài đặt là **On**.

1. **Contrast**



Điều chỉnh Độ tương phản.

2. **Brightness**



Điều chỉnh Độ sáng.

3. **Sharpness**



Điều chỉnh Độ sắc nét.

4. **Gamma**



Điều chỉnh độ sáng trung bình (Gamma) cho hình ảnh.

- **Natural**
- **Mode 1** - Đặt chế độ hình ảnh sáng hơn **Natural**.
- **Mode 2** - Đặt chế độ hình ảnh tối hơn**Mode1**.
- **Mode 3** - Tăng độ tương phản giữa màu sáng và màu tối.

Color Tone PM



Lưu ý

Có thể điều chỉnh được các tông màu.

1. **Off**
2. **Cool**
3. **Normal**
4. **Warm**
5. **Custom**

Lưu ý

- Nếu bạn cài đặt **Color Tone** sang **Cool**, **Normal**, **Warm**, hoặc **Custom**, chức năng **Color Temp.** bị vô hiệu.
- Nếu bạn cài đặt **Color Tone** sang **Off**, chức năng **Color Control** sẽ bị vô hiệu.
- Khi điều chỉnh hình ảnh bằng cách sử dụng chức năng **Color Tone**, **Mode** sẽ chuyển sang chế độ **Custom**.

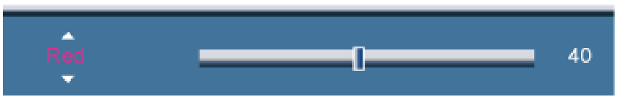
Color Control

Điều chỉnh riêng lẻ thang màu Red, Green, Blue.

Lưu ý

Không có tác dụng khi **Dynamic Contrast** được cài đặt là **On**.

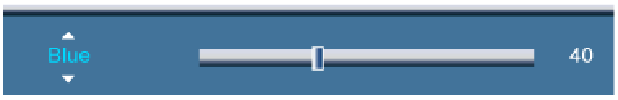
1. **Red**



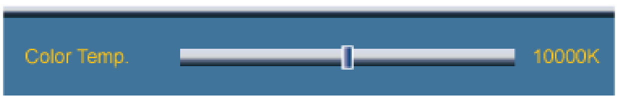
2. **Green**



3. **Blue**



Color Temp.



Color Temp. là một đơn vị đo 'độ ấm' của hình ảnh.

Lưu ý

Tính năng này được kích hoạt khi cài đặt **Mode** là **Custom**, và khi tắt **Dynamic Contrast** và **Color Tone** là **Off**.

Image Lock

Image Lock được dùng để tinh chỉnh và làm cho hình ảnh có chất lượng tốt nhất bằng cách loại bỏ hiệu ứng nhiễu để tạo những ảnh động với chức năng jitters và shakiness. Nếu không có kết quả như mong muốn bằng cách sử dụng chế độ điều chỉnh Tinh, hãy sử dụng chế độ điều chỉnh Thô và sau đó sử dụng lại chế độ điều chỉnh Tinh.

Lưu ý

Chỉ hoạt động trong chế độ **PC**.

Coarse



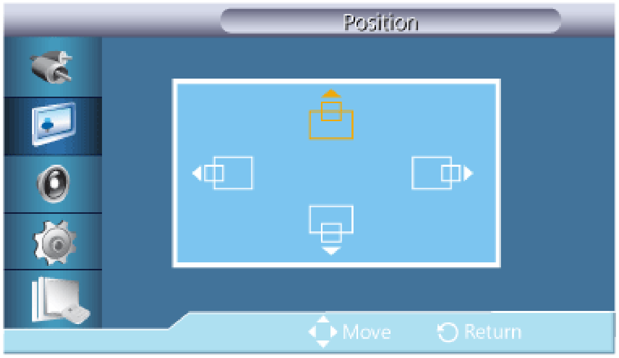
Loại bỏ nhiễu như các sọc dọc. Việc điều chỉnh chế độ Thô (Coarse) có thể làm di chuyển vùng hiển thị hình ảnh trên màn hình. Bạn có thể phải chỉnh tâm lại bằng trình đơn di chuyển ngang.

Fine



Loại bỏ nhiễu như là các sọc ngang. Nếu hiện tượng nhiễu hạt vẫn còn ngay cả sau khi đã Tinh chỉnh, hãy điều chỉnh tần số (tốc độ xung đồng hồ) trước khi tinh chỉnh lại.

Position



Điều chỉnh vị trí màn hình theo chiều ngang và chiều dọc.

Auto Adjustment



Các giá trị **Fine**, **Coarse**, **Position** được điều chỉnh tự động. Bằng cách thay đổi độ phân giải trong bảng điều khiển, chức năng tự động sẽ được thực hiện.

Lưu ý

Chỉ hoạt động trong chế độ **PC**.

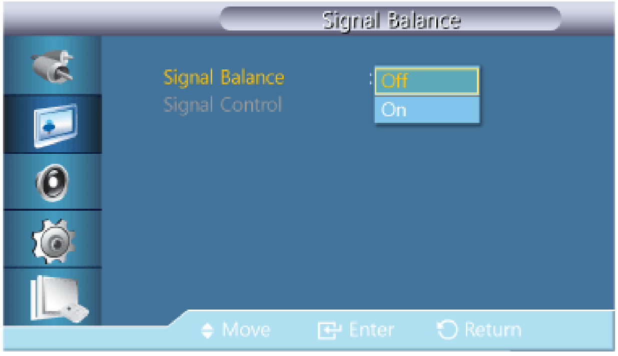
Signal Balance

Được sử dụng để nâng cao tín hiệu RGB bị suy hao khi truyền tải do cáp tín hiệu quá dài.

Lưu ý

- Không có tác dụng khi **Dynamic Contrast** được cài đặt là **On**.
- Chỉ hoạt động trong chế độ **PC**.

Signal Balance



Chọn hoặc **On** hoặc **Off** với bộ điều khiển tín hiệu.

Signal Control

Lưu ý

Có khi **Signal Balance** được bật là **On**.

1. **R-Gain**



2. **G-Gain**



3. **B-Gain**



4. **R-Offset**



5. **G-Offset**



6. **B-Offset**



Size



Size có thể được thay đổi.

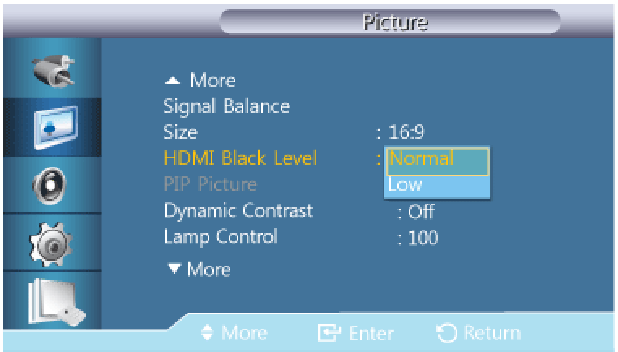
1. **16:9**

2. **4:3**

Lưu ý

Size sẽ chuyển thành **16:9** nếu chế độ **PIP** được kích hoạt.

HDMI Black Level



Chọn mức màu đen trên màn ảnh để điều chỉnh độ sâu của màn ảnh.

1. **Normal**

2. **Low**

Lưu ý

Chỉ khả dụng ở chế độ **HDMI**.

PIP Picture

Điều chỉnh Các Thông số cài đặt Màn hình PIP.

Lưu ý

- Các Chế độ Có sẵn: **PIP On**

1. **Contrast**



Điều chỉnh Độ tương phản của cửa sổ PIP trên màn hình.

2. **Brightness**



Điều chỉnh Độ sáng của cửa sổ PIP trên màn hình.

3. **Sharpness**



Điều chỉnh độ sắc nét của cửa sổ PIP trên màn hình.

4. **Color**



Điều chỉnh Màu sắc của cửa sổ PIP trên màn hình.

Lưu ý

Đầu vào **PIP** chỉ hoạt động trong chế độ **AV**, **HDMI**.

5. **Tint**



Thêm vào tông màu tự nhiên cho cửa sổ PIP.

Lưu ý

Thanh trượt **Tint** chỉ được hiển thị khi nguồn tín hiệu đầu vào **PIP** là **HDMI** hoặc **AV**.

Dynamic Contrast PM



Chức năng **Dynamic Contrast** là chức năng tự động dò tìm phân phối tín hiệu hình ảnh và điều chỉnh để tạo ra độ tương phản tối ưu.

1. **Off**

2. **On**

Lưu ý
Không kích hoạt tính năng này khi **PIP** được được bật **On**).

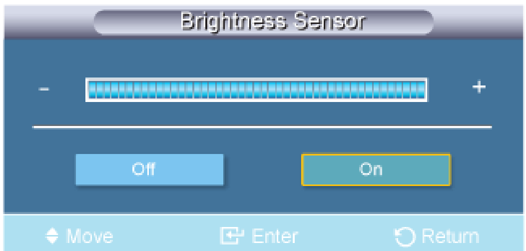
Lamp Control



Điều chỉnh đèn biến tần để giảm lượng tiêu thụ năng lượng.

Lưu ý
Không có tác dụng khi **Dynamic Contrast** được cài đặt là **On**.

Brightness Sensor



Brightness Sensor phát hiện cường độ ánh sáng xung quanh và tự động tối ưu hóa độ sáng màn hình theo đó.

1. **Off**

2. **On**

Picture Reset



Đặt lại cài đặt màn hình.

Điều chỉnh màn hình LCD

Picture [Chế độ AV / HDMI / Component]

Các chế độ có sẵn

- PC / DVI / DisplayPort
- AV
- Component
- HDMI
- MagicInfo

Lưu ý

MagicInfo chỉ có hiệu lực khi một hộp mạng (được bán riêng) được kết nối.

Mode



Màn hình LCD có bốn chế độ cài đặt hình ảnh tự động ("**Dynamic**", "**Standard**", "**Movie**" và "**Custom**") đã được cài đặt sẵn khi xuất xưởng.

Lưu ý

Không có tác dụng khi **Dynamic Contrast** được cài đặt là **On**.

1. **Dynamic**
2. **Standard**
3. **Movie**
4. **Custom**

Custom

Bằng cách sử dụng menu trên màn hình, bạn có thể thay đổi độ sáng và độ tương phản theo sở thích riêng của mình.

Lưu ý

- Khi điều chỉnh hình ảnh bằng cách sử dụng chức năng **Custom**, **MagicBright** sẽ chuyển sang chế độ **Custom**.
- Không có tác dụng khi **Dynamic Contrast** được cài đặt là **On**.

Contrast



Điều chỉnh Độ tương phản.

Brightness



Điều chỉnh Độ sáng.

Sharpness



Điều chỉnh Độ sắc nét của hình ảnh.

Color



Điều chỉnh Màu sắc của hình ảnh.

Tint



Thêm tông màu tự nhiên vào màn hình hiển thị.

Lưu ý

Thanh trượt tint (màu sắc) chỉ được hiển thị khi nguồn tín hiệu đầu vào là **HDMI** or **AV**.

Color Tone AHC



Có thể điều chỉnh được các tông màu. Người dùng cũng có thể điều chỉnh các loại màu riêng lẻ.

Lưu ý

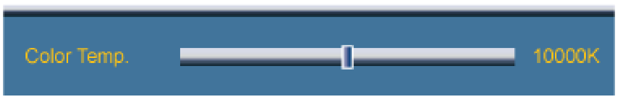
Không có tác dụng khi **Dynamic Contrast** được cài đặt là **On**.

1. **Off**
2. **Cool2**
3. **Cool1**
4. **Normal**
5. **Warm1**
6. **Warm2**

Lưu ý

- Nếu bạn cài đặt **Color Tone** sang **Cool2**, **Cool1**, **Normal**, **Warm1**, hoặc **Warm2**, chức năng **Color Temp.** bị vô hiệu.
- Khi điều chỉnh hình ảnh bằng cách sử dụng chức năng **Color Tone**, **Mode** sẽ chuyển sang chế độ **Custom**.

Color Temp. AHC

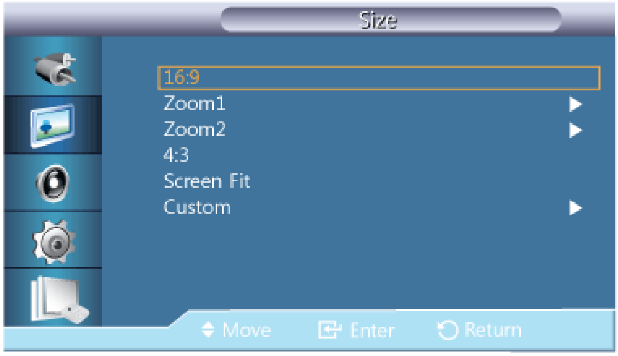


Color Temp. là một đơn vị đo 'độ ấm' của hình ảnh.

Lưu ý

Tính năng này được kích hoạt khi cài đặt **Mode** là **Custom**, và khi tắt **Dynamic Contrast** và **Color Tone** là **Off**.

Size AHC



Size có thể được thay đổi.

Chế độ **PC** (PC, HDMI[Hẹn giờ PC (PC Timing)]): **16:9 - 4:3**

Chế độ video (**HDMI** [Hẹn giờ Video], **AV** hoặc **Component**): **16:9 - Zoom1 - Zoom2 - 4:3 - Screen Fit - Custom**

1. **16:9** - Thiết lập hình ảnh theo chế độ màn hình rộng 16:9.
2. **Zoom1** - Phóng to kích thước của hình ảnh trên màn hình.
3. **Zoom2** - Phóng to kích thước của hình ảnh lớn hơn **Zoom1**.
4. **4:3** - Thiết lập hình ảnh theo chế độ chuẩn ở 4:3.
5. **Screen Fit** - Hiển thị những cảnh được đưa vào đầy đủ khi các tín hiệu đầu vào thuộc dạng HDMI 720p, 1080i, 1080p.
6. **Custom** - Thay đổi độ phân giải phù hợp với ưa thích của người sử dụng.

Lưu ý

- Một số thiết bị ngoại vi có thể chuyển vào màn hình những tín hiệu ngoài phạm vi đặc tả và dẫn đến tình trạng mất hình ngay cả khi bạn sử dụng tính năng **Screen Fit**.
- **Zoom1** và **Zoom2** không có sẵn ở chế độ **HDMI**.
- **Screen Fit** chỉ được kích hoạt đối với 1080i/p ở chế độ **Component** và 1080i/p hoặc 720p ở chế độ **HDMI** .
- **Zoom1** và **Zoom2** không được kích hoạt cho các tín hiệu HD (1080i/p, 720p hoặc 768p).
- Các tính năng **Position** và **Reset** có ở các chế độ **Zoom1** và **Zoom2**.
- **Size** sẽ chuyển thành **16:9** nếu chế độ **PIP** được kích hoạt.

Digital NR (Digital Noise Reduction) AHC

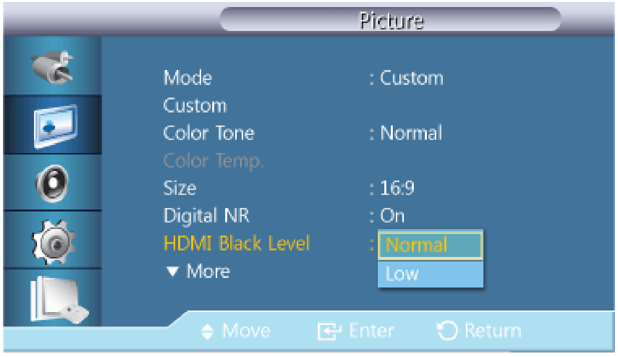


Off/On chức năng Giảm nhiễu kỹ thuật số. Tính năng Giảm nhiễu Kỹ thuật số cho phép bạn thưởng thức hình ảnh rõ nét và sinh động hơn.

1. **Off**
2. **On**

Lưu ý

HDMI Black Level



Chọn mức màu đen trên màn ảnh để điều chỉnh độ sâu của màn ảnh.

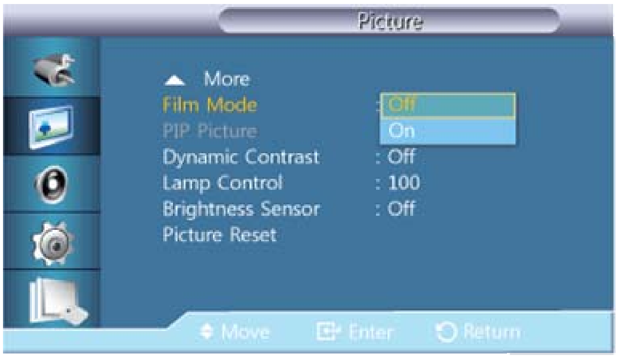
1. **Normal**

2. **Low**

Lưu ý

Chỉ khả dụng ở chế độ **HDMI**.

Film Mode



Chế độ **Film Mode** định chuẩn hình ảnh không tự nhiên có thể xuất hiện trong phim (24 khung hình).

Phụ đề di chuyển có thể bị lỗi khi kích hoạt chế độ này.

(Ở chế độ **HDMI**, chức năng này có thể có sẵn khi tín hiệu đầu vào là tín hiệu dạng quét xen kẽ (interlaced scan); và không có ở tín hiệu dạng quét liên tục (progressive scan).

1. **Off**

2. **On**

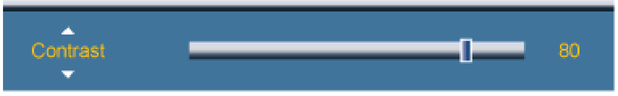
PIP Picture

Điều chỉnh cài đặt màn hình **PIP**.

Lưu ý

Các Chế độ Có sẵn: **PIP On**

1. **Contrast**



Điều chỉnh Độ tương phản của cửa sổ PIP trên màn hình.

2. **Brightness**



Điều chỉnh Độ sáng của cửa sổ PIP trên màn hình.

3. **Sharpness**



Điều chỉnh độ sắc nét của cửa sổ PIP trên màn hình.

Dynamic Contrast



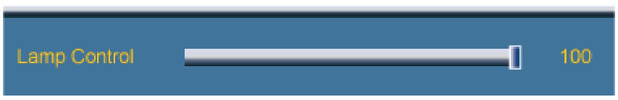
Chức năng **Dynamic Contrast** là chức năng tự động dò tìm phân phối tín hiệu hình ảnh và điều chỉnh để tạo ra độ tương phản tối ưu.

1. **Off**

2. **On**

Lưu ý
Tính năng này bị tắt kích hoạt khi **PIP** hoặc **Energy Saving** được bật **On**.

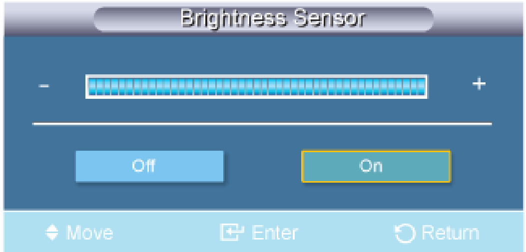
Lamp Control



Điều chỉnh đèn biến tần để giảm lượng tiêu thụ năng lượng.

Lưu ý
Không có tác dụng khi **Dynamic Contrast** được cài đặt là **On**.

Brightness Sensor

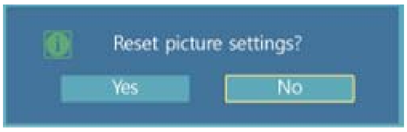


Brightness Sensor phát hiện cường độ ánh sáng xung quanh và tự động tối ưu hóa độ sáng màn hình theo đó.

1. **Off**

2. **On**

Picture Reset



Đặt lại cài đặt màn hình.

Điều chỉnh màn hình LCD

Sound

Các chế độ có sẵn

- PC / DVI / DisplayPort
- AV
- Component
- HDMI
- MagicInfo

Lưu ý

MagicInfo chỉ có hiệu lực khi một hộp mạng (được bán riêng) được kết nối.

Mode



Màn hình LCD được tích hợp bộ tăng âm độ trung thực cao.

1. **Standard**

   Chọn **Standard** cho các cài đặt tiêu chuẩn tại nơi sản xuất.

2. **Music**

   Chọn **Music** khi xem các đoạn video hay các buổi hòa nhạc.

3. **Movie**

   Chọn **Movie** khi xem phim.

4. **Speech**

   Chọn **Speech** khi bạn xem một chương trình chủ yếu là đối thoại (ví dụ: tin tức).

5. **Custom**

   Chọn **Custom** nếu bạn muốn điều chỉnh các thông số cài đặt này theo những sở thích của cá nhân bạn.

Custom

Các thông số cài đặt âm thanh có thể được điều chỉnh để phù hợp với các sở thích cá nhân của bạn.

Lưu ý

- Bạn có thể nghe âm thanh ngay cả khi giá trị thiết lập cho âm thanh là 0.
- Nếu bạn muốn điều chỉnh âm thanh bằng cách tùy chọn chức năng **Custom**, **Mode** sẽ chuyển sang chế độ **Custom**.

Bass



Làm giảm tần số âm thanh.

Treble



Làm tăng tần số âm thanh.

Balance



Cho phép bạn điều chỉnh mức cân bằng âm thanh giữa loa trái và loa phải.

Auto Volume



Giảm độ sai biệt trong việc điều chỉnh âm lượng giữa các đài truyền hình.

1. **Off**
2. **On**

SRS TS XT



SRS TS XT là công nghệ SRS đã được cấp bằng sáng chế, giúp giải quyết vấn đề khi phát nội dung đa kênh 5.1 bằng hai loa. Hệ thống TruSurround XT mang đến cho bạn trải nghiệm âm thanh vòng sống động, lôi cuốn thông qua hệ thống loa kép, gồm cả loa gắn trong TV. Tính năng này hoàn toàn tương thích với tất cả các dạng kênh.

1. **Off**
2. **On**

Sound Select



Kích hoạt âm thanh của màn hình chính hoặc màn hình phụ trong chế độ **PIP**.

Lưu ý
Có khi **PIP** được bật là **On**.

1. **Main**
2. **Sub**

Speaker Select



Khi bạn sử dụng sản phẩm này kết nối với một Rạp hát tại gia, hãy tắt các loa bên trong để bạn có thể nghe âm thanh phát ra từ các loa (bên

ngoài) của Rạp hát tại gia.

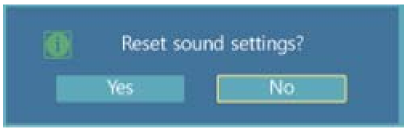
1. **Internal**

   Âm thanh được tạo ra từ các loa **Internal** và **External**, nhưng chỉ loa **Internal** mới điều chỉnh được âm lượng.

2. **External**

   Nếu âm thanh chỉ được xuất ra từ loa **External**, chức năng điều chỉnh âm lượng chỉ có hiệu lực trên loa **External**.

Sound Reset



Đặt lại cài đặt âm thanh.

Điều chỉnh màn hình LCD

Setup

Các chế độ có sẵn

- **PC / DVI / DisplayPort**
- **AV**
- **Component**
- **HDMI**
- **MagicInfo**

Lưu ý

MagicInfo chỉ có hiệu lực khi một hộp mạng (được bán riêng) được kết nối.

Language PACHM



Bạn có thể chọn một trong số 14 ngôn ngữ.

English,Deutsch,Español,Français,Italiano,Svenska,Русский
Português,Türkçe, Polish, 简体中文, 繁體中文, 日本語, 한국어

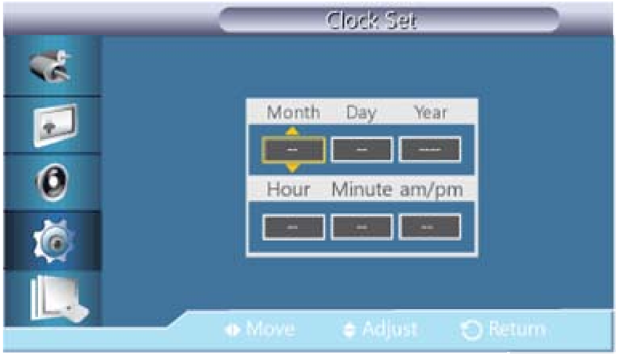
Lưu ý

Việc chọn lựa ngôn ngữ chỉ có tác dụng trên OSD.

Time PACHM

Chọn một trong 4 cài đặt thời gian, **Clock Set**, **Sleep Timer**, **Timer**, và **Holiday Management**.

Clock Set



Cài đặt thời gian hiện tại.

Sleep Timer



Tắt Màn hình LCD một cách tự động tại những thời điểm nhất định.

1. **Off**
2. **30**
3. **60**
4. **90**
5. **120**
6. **150**
7. **180**

Timer1 / Timer2 / Timer3



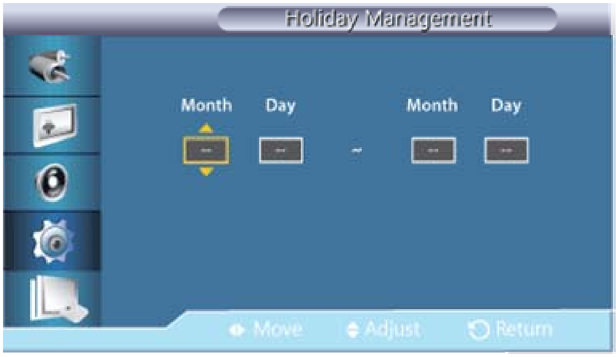
Bạn có thể cài đặt cho màn hình LCD tự động mở hoặc tắt vào một thời điểm nhất định.

Lưu ý

- **Holiday** : chọn **Apply** để tắt kích hoạt bộ hẹn giờ vào ngày nghỉ và **Don't Apply** để kích hoạt bộ hẹn giờ vào ngày nghỉ.
- Cài đặt đồng hồ chỉ được kích hoạt khi sử dụng trình đơn **Clock Set**.
- Tùy chọn Manual cho phép bạn chọn một ngày trong tuần.
- **Source** : Chọn nguồn tín hiệu đầu vào từ bên ngoài sẽ được hiển thị khi màn hình lựa chọn đang bật.
- **Repeat** : Lựa chọn có sẵn bao gồm **Once**, **EveryDay**, **Mon~Fri**, **Mon~Sat**, **Sat~Sun**, và **Manual**.
    - **Once** : **Timer** chỉ đổ chuông một lần.
    - **EveryDay** : **Timer** lặp lại hàng ngày.
    - **Mon~Fri** : **Timer** lặp lại từ Thứ Hai đến Thứ Sáu.
    - **Mon~Sat** : **Timer** lặp lại từ Thứ Hai đến Thứ Bảy.
    - **Sat~Sun** : **Timer** đổ chuông vào Thứ Bảy và Chủ Nhật.
    - **Manual** : Chọn một ngày trong tuần mà bạn muốn Bộ hẹn giờ đổ chuông.

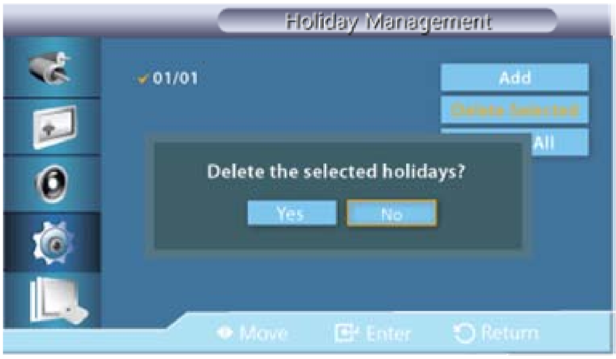
Holiday Management

- **Add**



Bạn có thể đặt trước những ngày nghỉ.

- **Delete Selected**

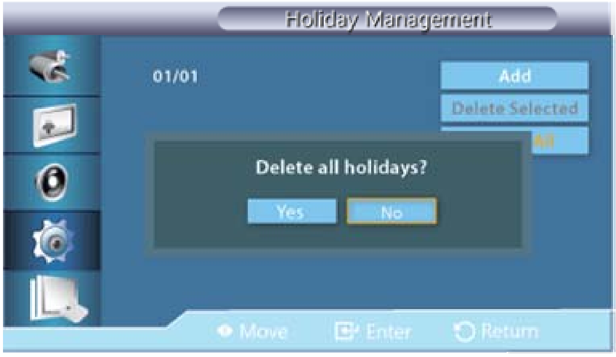


Bạn có thể xóa những ngày nghỉ đã chọn.

Lưu ý

- Tính năng này chỉ được kích hoạt khi những ngày nghỉ đã đặt trước được chọn.
- Bạn có thể chọn hoặc xóa nhiều hơn một ngày nghỉ.

- **Delete All**



Bạn có thể xóa toàn bộ những ngày nghỉ đã đặt trước.

Menu Transparency



Thay đổi độ trong suốt của nền của menu OSD.

1. **High**
2. **Medium**
3. **Low**
4. **Opaque**

Safety Lock

Change PIN



Có thể thay đổi mật khẩu.

Mật khẩu được cài đặt trước cho Màn hình LCD là "0000".

Lưu ý

Nếu bạn quên mật khẩu, hãy ấn các nút trên bộ điều khiển từ xa INFO + EXIT + MUTE để cài đặt lại mật khẩu thành "0000."

Lock



Đây là một chức năng có thể khóa OSD để duy trì các cài đặt hiện hành hay ngăn không cho những người khác có thể điều chỉnh các cài đặt hiện hành.

Lưu ý

Chọn **Lock On** sẽ kích hoạt **Lock Off**. Để tắt tính năng **Lock**, hãy nhập mật khẩu cho **Lock Off**.

Energy Saving



Chức năng này điều chỉnh mức độ tiêu thụ điện của màn hình để tiết kiệm điện.

1. **Off**
2. **On**

Video Wall

Một **Video Wall** là tập hợp các màn hình hiển thị được kết nối với nhau, vì thế mỗi màn hình sẽ hiển thị một phần trong bức tranh tổng thể hoặc là cùng một bức tranh được lặp lại ở mỗi màn hình.

Khi chức năng **Video Wall** được bật, bạn có thể điều chỉnh các thông số cài đặt màn hình **Video Wall**.

Lưu ý

- Khi chế độ **Video Wall** đang hoạt động thì không thể lựa chọn các tính năng **Size**.
- Không kích hoạt tính năng này khi **PIP** được được bật **On**).
- Khi chia theo chiều **Horizontal** hoặc **Vertical** tạo thành nhiều hơn 4 ô cửa sổ, hãy sử dụng độ phân giải XGA 1024 x 768 hoặc lớn hơn để ngăn chặn hình ảnh giảm chất lượng.

Video Wall



Tắt/Mở chức năng **Video Wall** của màn hình được chọn.

- **Off**
- **On**

Format



Bạn có thể chọn **Format** để xem màn hình được chia ra.

- **Full**

  Cho phép xem toàn màn hình mà không giới hạn lề.

- **Natural**

  Hiển thị hình ảnh trung thực mà không làm thay đổi tỉ lệ khung hình gốc.

Horizontal



Cài đặt số phần màn hình được chia nhỏ theo chiều ngang.

Mười năm mức điều chỉnh: 1~15.

Lưu ý
Nếu cài đặt **Vertical** là **15**, giá trị tối đa của **Horizontal** sẽ là **6**.

Vertical

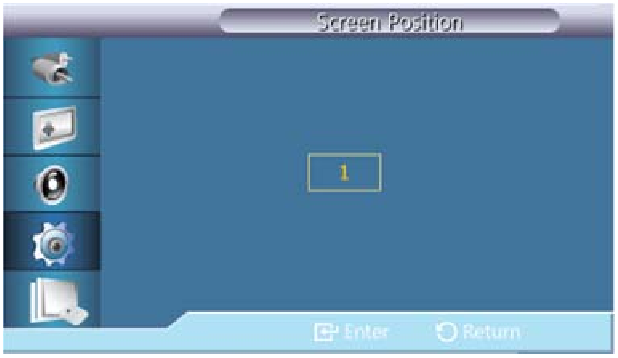


Cài đặt số phần màn hình được chia nhỏ theo chiều dọc.

Mười năm mức điều chỉnh: 1~15.

Lưu ý
Nếu cài đặt **Horizontal** là **15**, giá trị tối đa của **Vertical** sẽ là **6**.

Screen Position



Màn hình có thể được chia nhỏ ra thành rất nhiều hình ảnh. Có thể chọn số lượng màn hình với cách bố trí khác nhau khi phân chia.

- Chọn một chế độ từ mục **Screen Position**.
- Chọn màn hình hiển thị từ mục Chọn hiển thị.
- Lựa chọn sẽ được thiết lập bằng cách bấm một con số trong chế độ đã chọn.
- Màn hình có thể được chia nhỏ tối đa thành 100 màn hình con.

Lưu ý
Khi kết nối nhiều hơn bốn màn hình, chúng tôi đề xuất sử dụng độ phân giải XGA (1024 x 768) hoặc lớn hơn để ngăn giảm chất lượng hình ảnh.

Safety Screen PACHM

Chức năng **Safety Screen** được dùng để ngăn chặn hiện tượng lưu ảnh có thể xảy ra khi màn hình hiển thị một ảnh tĩnh trong suốt một khoảng

thời gian dài.

Lưu ý

Chức năng này mất tác dụng nếu tắt nguồn điện.

Pixel Shift

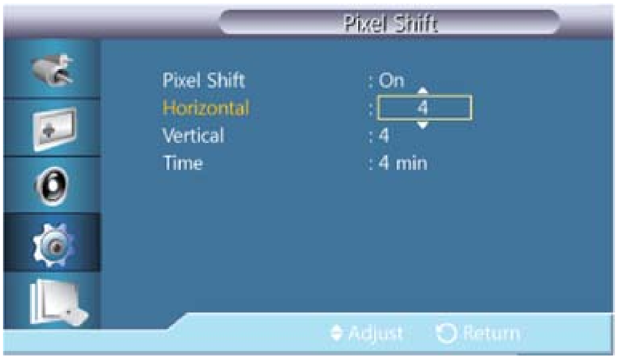
Pixel Shift



Bạn có thể sử dụng chức năng này để ngăn hiện tượng lưu ảnh trên màn hình, do đó mỗi điểm ảnh chi tiết trên LCD sẽ được di chuyển theo hướng ngang hoặc hướng dọc.

- **Off**
- **On**

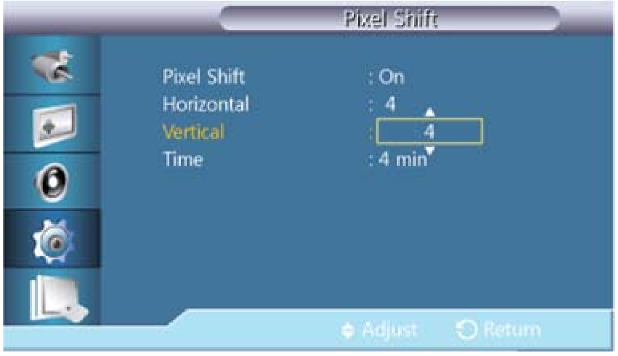
Horizontal



Chọn số điểm ngang của màn hình.

Năm mức điều chỉnh: 0, 1, 2, 3, và 4.

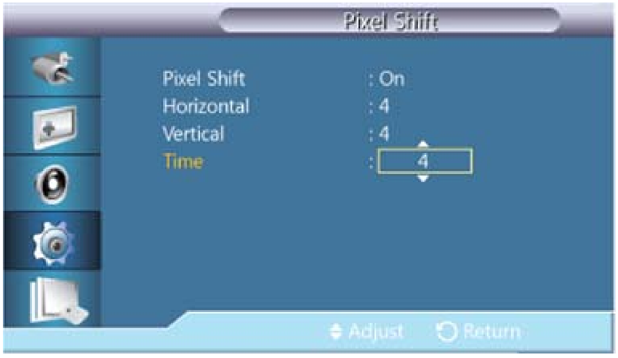
Vertical



Chọn số điểm dọc của màn hình.

Năm mức điều chỉnh: 0, 1, 2, 3, và 4.

Time



Cài đặt riêng biệt khoảng thời gian chờ cho việc di chuyển theo hướng ngang hoặc hướng dọc tương ứng.

Timer

Timer

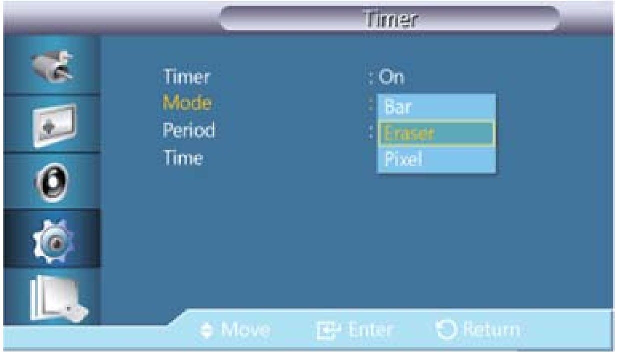


Bạn có thể cài đặt bộ hẹn giờ cho tính năng Bảo vệ Chống cháy Màn hình.

Nếu bạn bắt đầu xóa tất cả những hình lưu, thì việc này sẽ được thực hiện trong một quãng thời gian nhất định và sau đó sẽ tự động kết thúc.

- **Off**
- **On**

Mode



Bạn có thể thay đổi Kiểu **Safety Screen**.

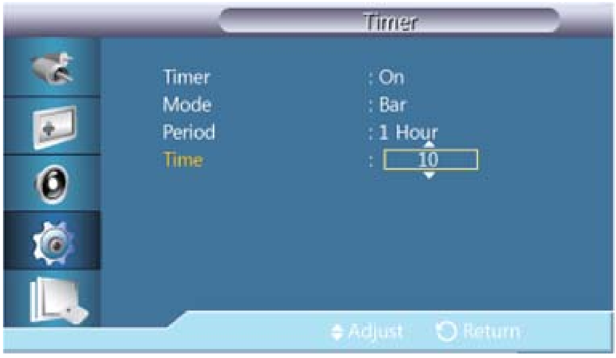
- **Bar**
- **Eraser**
- **Pixel**

Period



Sử dụng chức năng này để đặt khoảng thời gian thực thi giữa các chế độ được thiết lập trong bộ hẹn giờ.

Time



Trong khoảng thời gian đã đặt, hãy chọn một khoảng thời gian cho việc thực hiện.

Bar



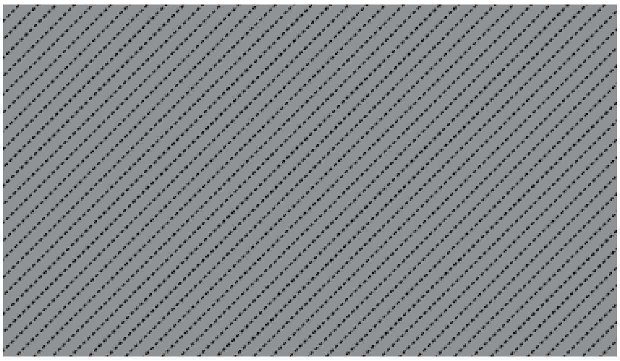
Chức năng này hạn chế hiện tượng lưu ảnh trên màn hình bằng cách di chuyển những đường thẳng đứng dài màu đen hoặc trắng.

Eraser



Chức năng này hạn chế hiện tượng lưu ảnh trên màn hình bằng cách di chuyển một kiểu hình chữ nhật.

Pixel



Tính năng này ngăn hiện tượng lưu ảnh bằng cách di chuyển nhiều điểm ảnh trên màn hình.

Side Gray



Chọn độ sáng cho sắc xám của màn hình nền.

- **OFF**
- **Light**
- **Dark**

Resolution Select



Nếu hình ảnh trên màn hình hiển thị sai sau khi đã cài đặt độ phân giải card đồ họa của máy tính sang mức **1024 x 768 @ 60Hz**, **1280 x 768 @ 60Hz**, **1360 x 768 @ 60Hz** hoặc **1366 x768 @ 60Hz**, bằng cách sử dụng chức năng này (Chọn Độ phân giải) bạn có thể chuyển hình ảnh hiển thị trên màn hình sang một độ phân giải đã được xác định.

Lưu ý
Chỉ hoạt động trong chế độ **PC**.

1. **Off**
2. **1024 x 768**
3. **1280 x 768**
4. **1360 x 768**
5. **1366 x 768**

Lưu ý
Chỉ có thể chọn menu trong trường hợp độ phân giải của màn hình đồ họa được chỉnh ở mức **1024 x 768 @ 60Hz**, **1280 x 768 @ 60Hz**, **1360 x 768 @ 60Hz** hoặc **1366 x768 @ 60Hz**.

Power On Adjustment



Điều chỉnh Thời gian Bật Nguồn cho màn hình.

Lưu ý: Cài đặt Thời gian Bật Nguồn dài hơn để tránh trường hợp điện thế tăng cao.

OSD Rotation



Xoay OSD

1. **Landscape**
2. **Portrait**

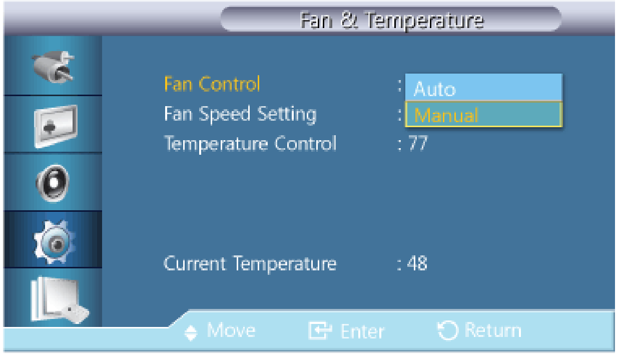
Advanced Settings

Cấu hình cài đặt chi tiết hơn.

Fan & Temperature

Bảo vệ sản phẩm bằng cách dò tìm tốc độ quạt và nhiệt độ bên trong sản phẩm.

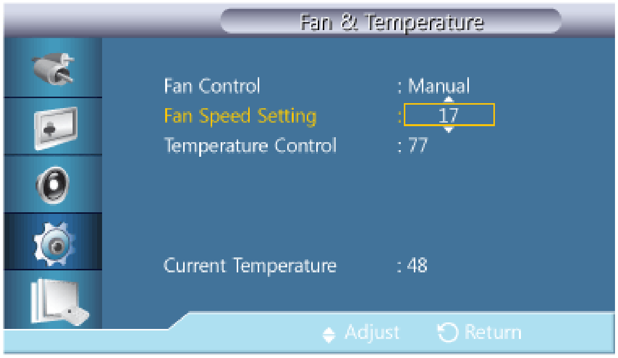
Fan Control



Chọn tự động hoặc thủ công để cài đặt tốc độ quạt.

- **Auto**
- **Manual**

Fan Speed Setting

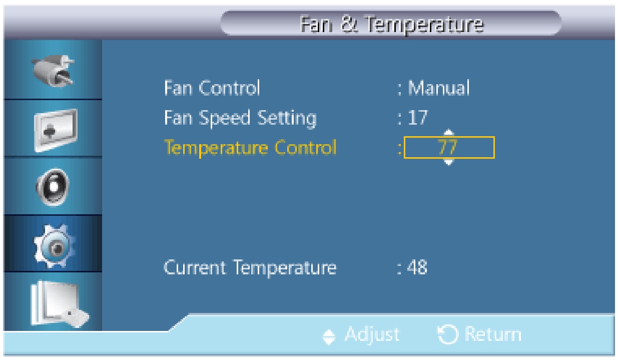


Cài đặt tốc độ quạt trong khoảng **0** đến **100**.

Lưu ý

Kích hoạt khi **Fan Control** được cài đặt là **Manual**.

Temperature Control



Dò tìm nhiệt độ bên trong sản phẩm và xác định nhiệt độ mong muốn.

Nhiệt độ mặc định được cài đặt của sản phẩm là 77˚C.

Lưu ý

- Hình ảnh sẽ bị mờ nếu nhiệt độ vượt quá mức được xác định, và sản phẩm sẽ tự động tắt để ngăn hiện tượng sản phẩm bị quá nóng

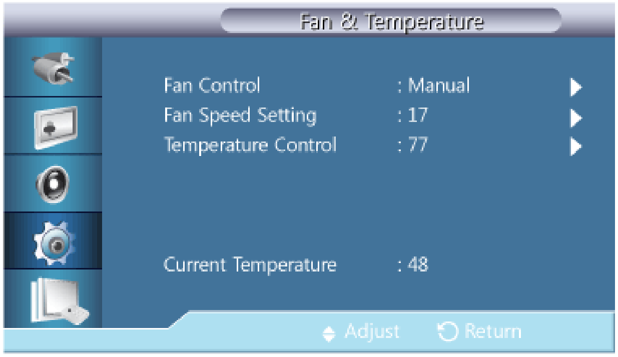
nếu nhiệt độ tiếp tục tăng.

- Tốt nhất là nên sử dụng sản phẩm ở nhiệt độ trong khoảng 75 - 80˚C (dựa trên nhiệt độ xung quanh là 40˚C). Hãy xem "**Đặc tính kỹ thuật**" trong phần này để biết chi tiết về các điều kiện hoạt động.

Lưu ý

Tốt nhất là cài đặt **Fan Control** sang **Auto** khi bạn thay đổi cài đặt **Temperature Control**.

Current Temperature



Hiển thị nhiệt độ hiện tại của sản phẩm.

Auto Power



Kích hoạt hoặc tắt kích hoạt **Auto Power** cho sản phẩm.

- **Off**
- **On**

Lưu ý

Khi **Auto Power** là **On**, sản phẩm sẽ tự động bật nguồn ngay sau khi kết nối sản phẩm với nguồn điện.

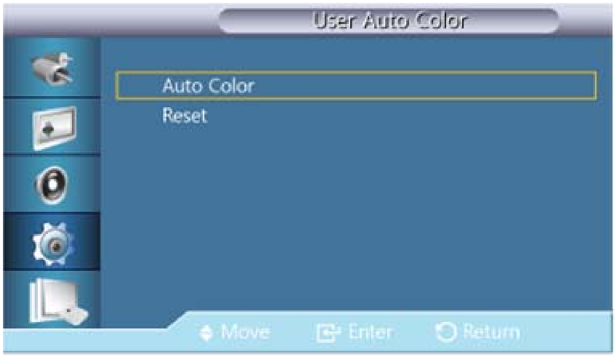
Button Lock



Khóa hoặc mở khóa nút điều khiển màn hình trên sản phẩm.

- **Off**
- **On**

User Auto Color



1. **Auto Color**

   Tự động điều chỉnh màu sắc.

2. **Reset**

   Đặt lại cài đặt màu sắc.

Lưu ý
Chỉ hoạt động trong chế độ **PC**.

Standby Control



Đặt chế độ chờ, chế độ này sẽ được kích hoạt khi không phát hiện tín hiệu đầu vào nào.

- **Off**

  Sẽ có thông báo <**No Signal**> nếu không phát hiện tín hiệu đầu vào nào.

- **On**

  Chế độ tiết kiệm năng lượng sẽ được kích hoạt khi không phát hiện tín hiệu đầu vào nào.

- **Auto**

  Khi không phát hiện tín hiệu đầu vào nào,

  - Chế độ tiết kiệm năng lượng sẽ được kích hoạt nếu kết nối với thiết bị bên ngoài.

  - Sẽ có thông báo <**No Signal**> nếu không kết nối với thiết bị bên ngoài nào.

Lưu ý

- Chỉ kích hoạt trong chế độ **PC**, **DVI**, **HDMI**, hoặc **DP(DisplayPort)**.
- **Auto** sẽ bị tắt kích hoạt trong chế độ **HDMI**.

Lamp Schedule



Điều chỉnh độ sáng tới giá trị người sử dụng xác định tại một thời điểm xác định.

OSD Display

Hiển thị hoặc ẩn một mục trình đơn trên màn hình.

Source OSD



- **Off**
- **On**

Not Optimum Mode OSD



- **Off**
- **On**

No Signal OSD



- **Off**
- **On**

MDC OSD



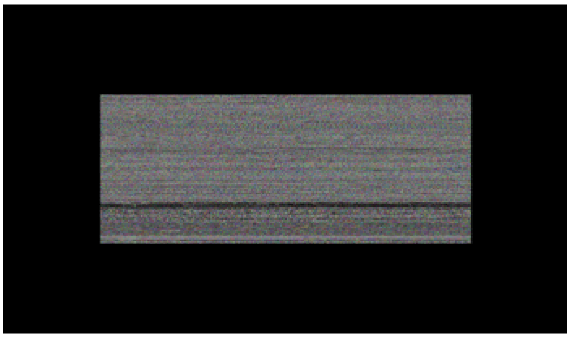
- **Off**
- **On**

Software Upgrade

Thực hiện nâng cấp phần mềm.

1. Kết nối sản phẩm này với một máy tính thông qua tín hiệu số như **DVI** hoặc **HDMI**. Nhấp tập tin hình ảnh BMP được chuyển đổi từ mã phần mềm. Hình ảnh dưới đây sẽ xuất hiện trên màn hình.

2. Khi hình ảnh BMP được chuyển đổi từ mã phần mềm xuất hiện trên màn hình, hãy chọn **Software Upgrade**.



Lưu ý

Khi có hai hình ảnh BMP hoặc nhiều hơn, chúng sẽ được hiển thị trên màn hình bằng cách sử dụng trình chiếu.

- Chúng tôi đề xuất quãng nghỉ phát lại giữa hai hình ảnh BMP trong trình chiếu là một giây. Khả năng trích xuất hình ảnh này sẽ kém đi với những quãng nghỉ phát lại.
- Không thể trích xuất hình ảnh nếu nó bị che bởi một hình ảnh khác (ví dụ như con trỏ chuột).

3. Nếu phát hiện một phiên bản mới hơn phiên bản hiện tại, sẽ có thông báo hỏi bạn liệu bạn có muốn nâng cấp phần mềm hiện tại. Nếu bạn chọn [**Yes**], nâng cấp sẽ được thực hiện.

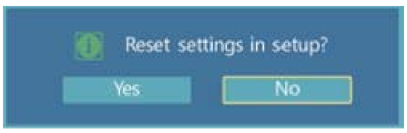
4. Khi nâng cấp phần mềm này hoàn thành, sản phẩm sẽ tự động tắt và mở.



Lưu ý

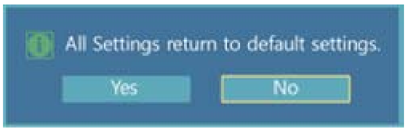
- Nâng cấp phần mềm chỉ hoạt động với tín hiệu số như trong chế độ **DVI**, **HDMI1**, hoặc **HDMI2**. (Độ phân giải đầu vào này phải giống độ phân giải của panel.)
- Trong chế độ **HDMI1** và **HDMI2**, các giá trị đặt thời gian sử dụng cho cả máy tính và TV chỉ được hỗ trợ nếu cài đặt **Edit Name** là **PC** hoặc **DVI PC**.
- Tính năng này chỉ được hỗ trợ nếu **Size** được cài đặt là **16:9**.

Setup Reset



Đặt lại toàn bộ các giá trị cho một cài đặt.

Reset All



Đặt lại toàn bộ cài đặt cho màn hình.

Điều chỉnh màn hình LCD

Multi Control

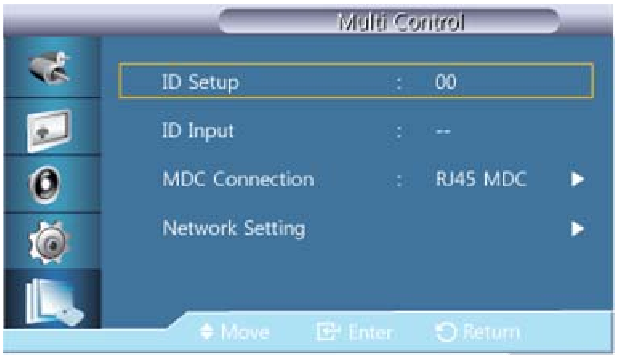
Các chế độ có sẵn

- **PC / DVI / DisplayPort**
- **AV**
- **Component**
- **HDMI**
- **MagicInfo**

Lưu ý
MagicInfo chỉ có hiệu lực khi một hộp mạng (được bán riêng) được kết nối.

Multi Control

Gán mộ Chỉ số ID riêng biệt cho MÁY.



- **ID Setup**

  Gán các Chỉ số ID riêng biệt cho MÁY.

- **ID Input**

  Chọn các chức năng của bộ phát cho một MÁY riêng biệt. Chỉ có MÁY có số ID tương ứng với chức năng phát mới được kích hoạt.

- **MDC Connection**

  Chọn cổng nhận tín hiệu đầu vào MDC.

  - **RS232C MDC** : Giao tiếp với MDC qua cáp **RS232C MDC**.
  - **RJ45 MDC** : Giao tiếp với MDC qua cáp **RJ45 MDC** .

- **Network Setting**

  - **IP Setting** : **Manual**, **Auto**
  - **IP Address** : Nhập thủ công **IP Address** nếu **IP Setting** được cài đặt là **Manual**.
  - **Subnet Mask** : Nhập thủ công **Subnet Mask** nếu **IP Setting** được cài đặt là **Manual**.
  - **Gateway** : Nhập thủ công **Gateway** nếu **IP Setting** được cài đặt là **Manual**.

Điều chỉnh màn hình LCD

MagicInfo

Các chế độ có sẵn

- **P** PC / DVI / DisplayPort
- **A** AV
- **C** Component
- **H** HDMI
- **M** MagicInfo

Lưu ý

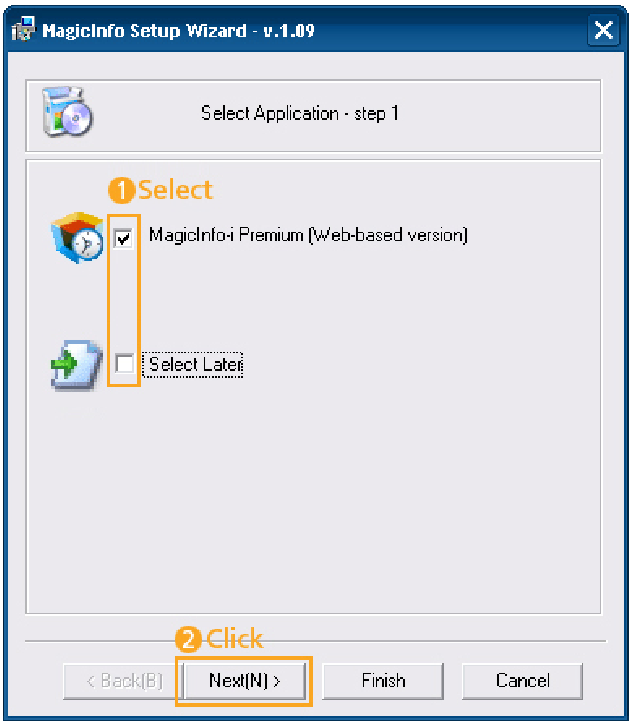
- **MagicInfo** chỉ có hiệu lực khi một hộp mạng (được bán riêng) được kết nối.
- Có thể sử dụng bộ điều khiển từ xa để chọn **MagicInfo**. Tuy nhiên, nên dùng bàn phím riêng với cổng USB để vận dụng được mọi chức năng của **MagicInfo**.
- Sau khi kết nối hoặc ngắt kết nối cáp HDMI sử dụng cho **MagicInfo**, hãy đảm bảo rằng bạn tắt và bật các công tắc nguồn của cả màn hình và hộp mạng cùng lúc hoặc tắt và bật màn hình sử dụng điều khiển từ xa.
- Nếu chỉ tắt và bật công tắc nguồn của màn hình, hộp mạng sẽ không hoạt động bình thường. Hãy đảm bảo rằng bạn tắt và bật các công tắc nguồn của cả màn hình và hộp mạng.
- Đối với **MagicInfo** trong chế độ Thiết bị, việc di chuyển các thiết bị bên ngoài trong lúc khởi động có thể gây ra lỗi. Chỉ cài đặt cho các thiết bị ngoại vi khi Màn hình LCD được bật.
- Không gỡ cáp LAN dùng cho mạng (thí dụ: xem video). Nếu không, chương trình (MagicInfo) có thể bị dừng. Nếu tháo cáp, hãy khởi động lại hệ thống.
- Không tháo cáp LAN đang sử dụng cho thiết bị USB (ví dụ: xem video). Nếu không, chương trình (MagicInfo) có thể bị dừng.
- Để truy cập các nguồn khác, hãy nhấn nút SOURCE trong **MagicInfo**.
- Mật khẩu được cài đặt trước cho Màn hình LCD là "000000".
- Tùy chọn Bật nguồn của chương trình trên máy chủ chỉ làm việc khi nguồn của Màn hình LCD được tắt hoàn toàn.

  Vui lòng đảm bảo không sử dụng tùy chọn Bật nguồn khi Màn hình LCD đang trong quá trình tắt vì điều này có thể gây lỗi hệ thống trên Màn hình LCD.
- Khi sử dụng **MagicInfo** với Chương trình MagicInfo Server: chạy chế độ Network.
- Khi sử dụng **MagicInfo** với thiết bị được kết nối trực tiếp với Màn hình LCD: chạy chế độ Device (Thiết bị).
- Nhấn nút ESC trực tiếp để khởi động màn hình Cửa sổ **MagicInfo**.
- Cần phải có một bộ bàn phím và chuột để cài đặt **MagicInfo** trên một màn hình Cửa sổ.
- Tham khảo phần Hỗ trợ của MagicInfo Server để cài đặt **MagicInfo** trên một màn hình Cửa sổ.

  Đặc biệt khuyến cáo không được tắt nguồn điện trong khi hoạt động.
- Đối với Màn hình LCD xoay, sẽ không hỗ trợ chế độ điều chỉnh độ trong suốt.
- Đối với Màn hình LCD xoay, độ phân giải màn hình lên đến 720 x 480(SD) được hỗ trợ cho chế độ phim ảnh.
- Đối với ổ đĩa D:, không áp dụng **EWF**.
- Để lưu lại thông tin cài đặt đã được thay đổi khi **EWF** ở trạng thái **Enable**, bạn phải chọn **Commit**.
- Hệ thống sẽ được khởi động lại bằng cách chọn **Disable**, **Enable** hoặc **Commit**.

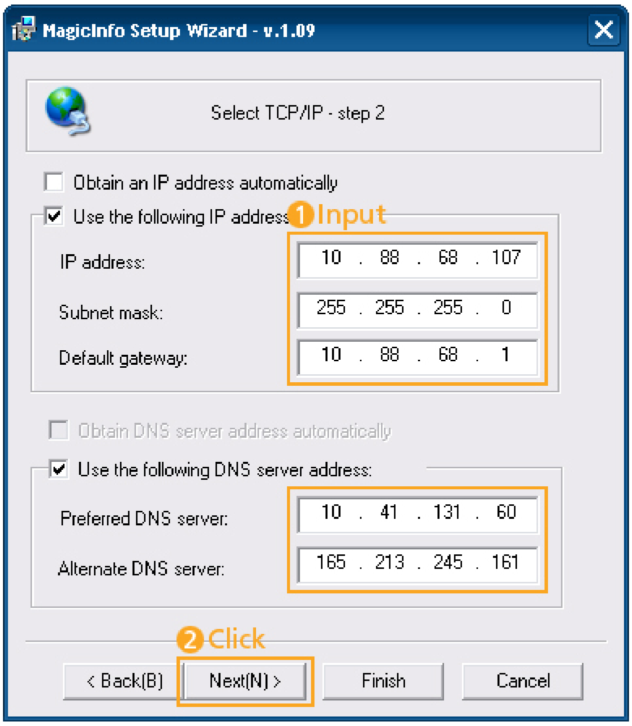
MagicInfo

1. Select Application - step 1



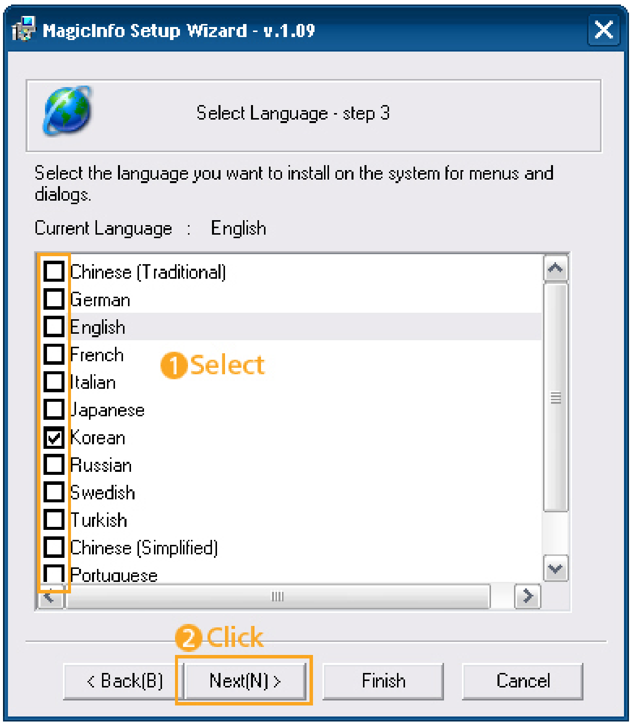
Bạn có thể chọn một Ứng dụng để chạy trên máy tính của mình khi khởi động Windows.

2. Select TCP/IP - step 2



Ở step 2 trong phần MagicInfo Setup Wizard , bạn không cần cài đặt TCP/IP ở mục Cấu hình Mạng (Network Setting) trên giao diện màn hình (desktop). Chỉ cài đặt ở step 2 MagicInfo trong phần cài đặt.

3. Select Language - step 3

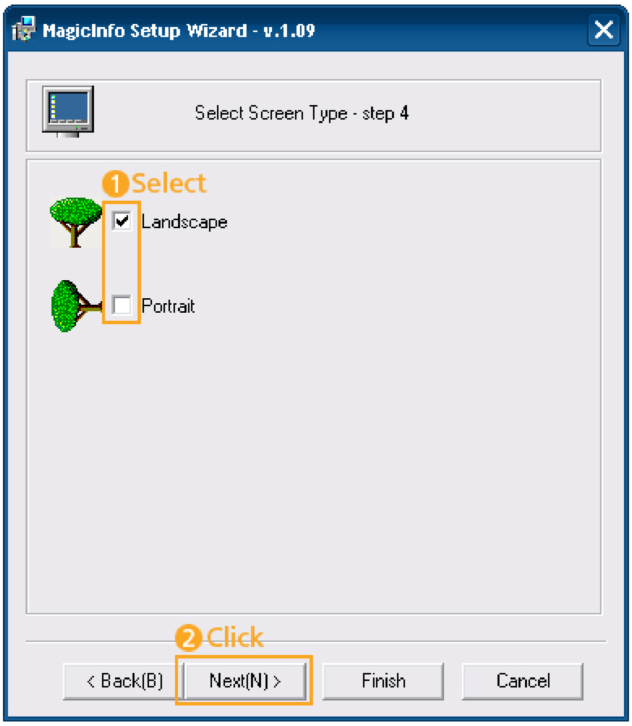


Với tùy chọn đa ngôn ngữ, bạn có thể chọn và cài đặt ngôn ngữ cần dùng.

Lưu ý

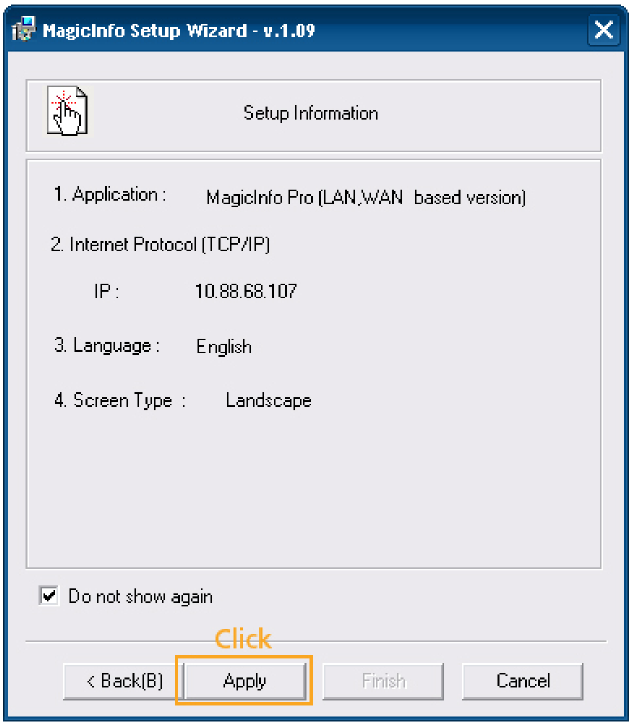
Tiếng Anh được đặt là ngôn ngữ mặc định. Bạn không cần chọn ngôn ngữ nếu bạn sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ cho trình đơn trên màn hình.

4. Select Screen Type - step 4



Bạn có thể chọn kiểu xoay sẽ áp dụng cho thiết bị của bạn.

5. Setup Information



Hiển thị thông số cài đặt được người sử dụng chọn.

Lưu ý

Nếu biểu tượng **Magicinfo** không được hiển thị trên vùng thông báo trạng thái, nhấp kép vào biểu tượng **Magicinfo** trên màn hình desktop. Biểu tượng này sẽ hiển thị.

Giải quyết sự cố

Tự kiểm tra tính năng

Lưu ý

Trước khi yêu cầu giúp đỡ, hãy kiểm tra lại những mục sau đây. Vui lòng liên hệ **với Trung tâm Dịch vụ hỗ trợ** đối với những vấn đề mà bạn không thể tự khắc phục được.

Tự kiểm tra tính năng

1. Tắt cả máy tính và Màn hình LCD của bạn.

2. Tháo cáp tín hiệu video phía sau máy tính.

3. Bật Màn hình LCD.

   Hình dưới đây ("**No Signal**") sẽ xuất hiện trên một nền đen khi Màn hình LCD đang làm việc bình thường ngay cả khi không có tín hiệu video nào được tìm thấy: Trong khi đang ở chế độ Tự kiểm tra, đèn chỉ báo LED có màu xanh lá và hình ảnh di chuyển xung quanh trên màn hình.



4. Tắt Màn hình LCD và kết nối lại cáp video; sau đó bật cả máy tính và Màn hình LCD của bạn.

Nếu Màn hình LCD vẫn không có tín hiệu sau khi bạn đã thực hiện các quy trình trên, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và hệ thống máy tính của bạn; Màn hình LCD của bạn sẽ hoạt động bình thường.

Thông báo cảnh báo

Bạn có thể xem màn hình ở độ phân giải 1920 x 1080. Tuy nhiên, bạn sẽ nhận thông báo sau trong một phút; Bạn có thể chọn thay đổi độ phân giải màn hình hoặc vẫn giữ độ phân giải tại thời điểm ấy. Nếu độ phân giải lớn hơn 85Hz, bạn sẽ thấy màn hình bị đen vì Màn hình LCD không hỗ trợ độ phân giải lớn hơn 85Hz.



Lưu ý

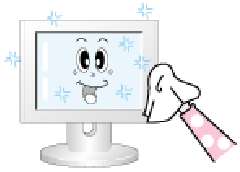
Vui lòng tham khảo **Đặc tính kỹ thuật** > **Các Chế độ thời gian đã được cài đặt trước** để xem các độ phân giải hoặc tần số được màn hình LCD hỗ trợ.

Bảo trì và Vệ sinh

1) Bảo trì Vỏ Màn hình LCD.

Lau chùi bằng một khăn mềm sau khi đã rút dây điện nguồn.

- Không dùng ben-zen, dung môi, hoặc các chất dễ bắt lửa.



2) Bảo trì Màn hình Phẳng.

Lau nhẹ bằng vải mềm (vải flanen bằng cô-tông).



- Tuyệt đối không sử dụng acetone, benzene hoặc dung môi.

  (Chúng có thể gây xước hoặc biến dạng cho bề mặt màn hình.)

- Người dùng chịu trách nhiệm đối với bất cứ thiệt hại nào xảy ra do sử dụng các nội dung này.

Các triệu chứng và Giải pháp khuyến nghị

Lưu ý

Màn hình LCD tái tạo tín hiệu hình ảnh nhận được từ máy tính. Do đó, nếu có vấn đề với máy tính hay video card, có thể làm cho màn hình LCD mất hình, màu sắc kém, nhiễu sóng, v.v. Trong trường hợp này, trước tiên hãy kiểm tra nguyên nhân của sự cố, sau đó liên hệ **trung tâm dịch vụ** hay nhà phân phối của bạn.

1. Kiểm tra xem dây điện nguồn và các dây cáp video có được kết nối đúng với máy tính hay chưa.
2. Kiểm tra xem máy tính có phát ra tiếng bíp hơn 3 lần khi khởi động hay không.

   (Nếu thực hiện, hãy yêu cầu dịch vụ.)
3. Nếu bạn đã cài đặt card video mới hoặc đã lắp máy PC, hãy kiểm tra xem đã cài đặt trình điều khiển Bộ điều hợp (video) hay chưa.
4. Kiểm tra xem tần số quét của màn hình video có nằm trong khoảng 56 Hz ~ 85 Hz.

   (Không được quá 60hz khi sử dụng độ phân giải tối đa.)
5. Nếu bạn gặp vấn đề khi cài đặt Trình điều khiển Bộ điều hợp video, bạn hãy khởi động máy tính ở Chế độ An toàn, rồi gỡ bỏ Bộ điều hợp màn hình đã có trong "Control Panel –> System –> Device Administrator" và khởi động lại máy tính để cài đặt lại trình điều khiển Bộ điều hợp (video).

Giải quyết sự cố

Danh sách kiểm tra

Lưu ý

Bảng sau đây liệt kê các vấn đề có thể xảy ra và giải pháp khắc phục. Trước khi gọi điện nhờ trợ giúp, bạn hãy kiểm tra thông tin trong phần này để biết xem liệu bạn có thể tự khắc phục được hay không. Nếu bạn thật sự cần giúp đỡ, **bạn hãy gọi theo số điện thoại ở phần Thông tin liên hệ hoặc liên hệ với đại lý**.

Các vấn đề liên quan đến Việc cài đặt trong Chế độ (PC)

Lưu ý

Các vấn đề có liên quan đến việc cài đặt màn hình LCD và các giải pháp được liệt kê.

1. **Màn hình LCD nhấp nháy.**
   Kiểm tra xem cáp truyền tín hiệu kết nối giữa máy tính và Màn hình LCD có lỏng không.

2. **Khi hệ thống làm mát bên trong sản phẩm đang hoạt động, sự ngưng tụ hơi có thể xuất hiện trên bề mặt sản phẩm trong những điều kiện nhiệt độ và ẩm độ nhất định.**
   Hiện tượng này không ảnh hưởng đến hiệu suất của thiết bị và sẽ biến mất khi các điều kiện nhiệt độ và độ ẩm thay đổi.

Các sự cố liên quan đến Màn hình

Lưu ý

Những sự cố liên quan đến Màn hình LCD và những giải pháp cho chúng đã được liệt kê.

1. **Màn hình trống và đèn chỉ báo nguồn điện bị tắt.**
   Hãy đảm bảo rằng dây điện nguồn được kết nối chắc chắn và Màn hình LCD đã được bật.

2. **"Thông báo "No Signal".**
   Hãy chắc chắn cáp tín hiệu đã được kết nối chặt vào máy PC hoặc các nguồn phát tín hiệu video.
   Hãy chắc chắn máyu PC hoặc các nguồn phát tín hiệu video đã được bật.

3. **"Thông báo Not Optimum Mode".**
   Kiểm tra độ phân giải tối đa của màn hình và tần số của Bộ điều hợp video.
   So sánh những giá trị này với dữ liệu trong Bảng **Các Chế độ Thời gian đã được Cài đặt sẵn**.

4. **Hình ảnh cuộn theo phương đứng.**
   Kiểm tra xem cáp tín hiệu đã được kết nối chặt hay chưa. Nếu cần thiết, hãy kết nối lại.

5. **Hình ảnh không rõ ràng; hình ảnh bị nhòe.**
   Chạy chế độ Chỉnh tần số **Coarse** và **Fine**.
   Bật lại màn hình sau khi tháo các phụ kiện ra (cáp nối dài tín hiệu video, v.v..)
   Chỉnh độ phân giải và tần số ở mức qui định.

6. **Hình ảnh không ổn định và rung.**
   Kiểm tra xem độ phân giải và tần số đã được cài đặt cho card video của máy tính có nằm trong vùng được Màn hình LCD hỗ trợ hay không. Nếu không, hãy cài đặt lại chúng theo những **Thông tin** hiện thời trong menu Màn hình LCD và **Các Chế độ thời gian đã được Cài đặt sẵn.**

7. **Hình ảnh nhòe (ghost images) sau khi hiển thị.**

   Kiểm tra xem độ phân giải và tần số đã được cài đặt cho card video của máy tính có nằm trong vùng được Màn hình LCD hỗ trợ hay không. Nếu không, hãy cài đặt lại chúng theo những **Thông tin** hiện thời trong menu Màn hình LCD và **Các Chế độ thời gian đã được Cài đặt sẵn.**

8. **Hình ảnh quá sáng hoặc quá tối.**

   Điều chỉnh **Brightness** và **Contrast**.

   (Tham khảo **Brightness**, **Contrast**)

9. **Màu màn hình không đồng nhất.**

   Điều chỉnh tùy chọn **Color Control** trong trình đơn điều chỉnh OSD .

10. **Hình màu bị xen lẫn các bóng tối.**

    Điều chỉnh tùy chọn **Color Control** trong trình đơn điều chỉnh OSD .

11. **Màu trắng rất xấu.**

    Điều chỉnh tùy chọn **Color Control** trong trình đơn điều chỉnh OSD .

12. **Đèn chỉ báo nguồn nhấp nháy.**

    Màn hình hiện đang lưu các thay đổi đã được thực hiện trong cài đặt vào bộ nhớ OSD.

13. **Màn hình trống và đèn chỉ báo nguồn nhấp nháy theo từng 0,5 hay 1 giây.**

    Màn hình LCD đang sử dụng hệ thống quản lý nguồn của chính nó. Nhấn vào bất kỳ phím nào trên bàn phím.

14. **Màn hình trống và nhấp nháy.**

    Nếu bạn thấy thông báo "**TEST GOOD**" xuất hiện trên màn hình khi bạn nhấn nút MENU, hãy kiểm tra cáp kết nối giữa Màn hình LCD và máy tính để đảm bảo rằng phần kết nối đã được kết nối đúng cách.

Các trục trặc liên quan đến Âm thanh

Lưu ý

Các sự cố liên quan đến tín hiệu âm thanh và giải pháp khắc phục được liệt kê sau đây.

1. **Không có âm thanh.**

   Hãy đảm bảo cáp âm thanh đã được kết nối vào cả cổng nhận tín hiệu âm thanh trên Màn hình LCD và cổng xuất tín hiệu âm thanh trên card âm thanh.

   Kiểm tra mức âm lượng.

2. **Mức âm lượng quá thấp.**

   Kiểm tra mức âm lượng.

   Nếu âm lượng vẫn quá nhỏ sau khi chỉnh bộ điều khiển âm lượng đến mức tối đa, hãy kiểm tra lại bộ điều khiển âm lượng trên card âm thanh của máy tính hoặc chương trình phần mềm.

3. **Âm thanh quá lớn hoặc quá nhỏ.**

   Điều chỉnh **Treble** và **Bass** đến mức phù hợp.

Các vấn đề liên quan đến Bộ điều khiển từ xa

Lưu ý

Những sự cố liên quan đến bộ điều khiển từ xa và những giải pháp khắc phục được liệt kê.

1. **Các nút trên bộ điều khiển từ xa không hoạt động.**

   Kiểm tra các cực (+/-) của pin.

   Kiểm tra xem pin đã hết hay không.

   Kiểm tra xem nguồn có bật hay không.

   Kiểm tra xem dây điện nguồn đã được kết nối chặt hay chưa.

   Kiểm tra xem có bóng đèn huỳnh quang đặc biệt hay neon gần đó hay không.

Giải quyết sự cố

Hỏi & Đáp

1. **Làm thế nào để thay đổi tần số?**

   Tần số có thể thay đổi bằng cách cấu hình lại card màn hình.

   Lưu ý

   Card màn hình có thể có nhiều dạng hỗ trợ khác nhau, tùy theo phiên bản của trình điều khiển được sử dụng. (Tham khảo cẩm nang sử dụng card màn hình hoặc máy tính để biết thêm chi tiết.)

2. **Làm thế nào để hiệu chỉnh độ phân giải?**

   Windows XP:

   Bảng điều khiển → Giao diện và Chủ đề → Hiển thị → Cài đặt.

   Windows ME/2000:

   Bảng điều khiển → Hiển thị →Cài đặt.

   * Hãy liên hệ nhà sản xuất card màn hình để biết thêm chi tiết.

   Windows Vista:

   Pa-nen điều khiển → Diện mạo và cá nhân hóa → Cá nhân hóa → Thiết đặt màn hình.

   * Hãy liên hệ nhà sản xuất card màn hình để biết thêm chi tiết.

   Windows 7:

   Pa-nen điều khiển → Diện mạo và cá nhân hóa → Màn hình → Điều chỉnh độ phân giải.

   * Hãy liên hệ nhà sản xuất card màn hình để biết thêm chi tiết.

3. **Làm thế nào để cài đặt chức năng tiết kiệm điện?**

   Windows XP:

   Bảng điều khiển → Giao diện và Chủ đề → Hiển thị → Chế độ bảo vệ màn hình.

   Cài đặt chức năng trong BIOS-SETUP của máy tính. (Tham khảo Tài liệu Hướng dẫn Sử dụng Windows / Máy tính).

   Windows ME/2000:

   Bảng điều khiển → Hiển thị → Chế độ bảo vệ màn hình.

   Cài đặt chức năng trong BIOS-SETUP của máy tính. (Tham khảo Tài liệu Hướng dẫn Sử dụng Windows / Máy tính).

   Windows Vista:

   Pa-nen điều khiển → Diện mạo và cá nhân hóa → Cá nhân hóa → Cài đặt màn hình chờ.

   Cài đặt chức năng trong BIOS-SETUP của máy tính. (Tham khảo Tài liệu Hướng dẫn Sử dụng Windows / Máy tính).

   Windows 7:

   Pa-nen điều khiển → Diện mạo và cá nhân hóa → Cá nhân hóa → Cài đặt màn hình chờ.

   Cài đặt chức năng trong BIOS-SETUP của máy tính. (Tham khảo Tài liệu Hướng dẫn Sử dụng Windows / Máy tính).

Lưu ý

Trước khi gọi giúp đỡ, bạn hãy kiểm tra thông tin trong phần này để biết xem bạn có thể tự khắc phục được hay không. Nếu bạn thật sự cần giúp đỡ, **bạn hãy gọi theo số điện thoại ở phần Thông tin liên hệ hoặc liên hệ với đại lý**.

Đặc tính kỹ thuật

Tổng quan

Tổng quan	
Tên Model	SyncMaster OL46B
Bảng LCD	
Kích thước	46,0 inch / 116cm
Vùng hiển thị	1018,08 mm (Ngang) x 572,67 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	
Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
Chiều dọc	56 ~ 85 Hz
Màu sắc hiển thị	
16,7 M	
Độ phân giải	
Độ phân giải tối ưu	1920 x 1080 @ 60 Hz
Độ phân giải tối đa	1920 x 1080 @ 60 Hz
Xung Pixel cực đại	
148,5 MHz (Analog,Digital)	

Nguồn điện

Hãy tham khảo nhãn ở phía sau sản phẩm vì điện áp tiêu chuẩn có thể khác nhau ở các quốc gia khác nhau.

Đầu kết nối tín hiệu

Đầu vào: Composite/Component (common), PC D-Sub, DVI, HDMI, DP, Audio In, LAN, RS232C IN

Đầu ra: Audio Out, RS232C Out

Mạng Tùy chọn: USB3.0 2port, USB2.0 2port, LAN, DP out, RS232C

Kích thước (R x C x S) / Trọng lượng

614,2 X 1735,0 X 390,0 mm / 91,5 kg

Điều kiện môi trường		
Vận hành	Bộ màn hình	Nhiệt độ: -30˚C ~ 40˚C (-22˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
Lưu trữ		Nhiệt độ: -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước

Cắm và Chạy

Có thể lắp đặt và sử dụng sản phẩm này cùng với mọi hệ thống Cắm và Chạy tương thích. Trao đổi dữ liệu hai chiều giữa sản phẩm và hệ thống máy tính giúp tối ưu hóa cài đặt sản phẩm. Việc lắp đặt sản phẩm được thực hiện tự động Tuy nhiên bạn có thể tùy chỉnh cài đặt lắp đặt nếu muốn.

Điểm ảnh chấp nhận được

Các bảng TFT-LCD được sản xuất bằng cách sử dụng công nghệ bán dẫn tiên tiến có sử dụng một mức chính xác hơn 1ppm (một phần triệu) cho thiết bị này. Nhưng các điểm ảnh ở các màu ĐỎ, XANH LÁ CÂY, XANH DA TRỜI và TRẮNG hiện lên sáng chói hay có thể thấy một số điểm ảnh đen. Điều này không phải do chất lượng kém và bạn có thể sử dụng mà không có bất cứ vấn đề gì.

Ví dụ, số lượng pixel bổ sung trong màn hình TFT-LCD của thiết bị này là 6.220.800.

Lưu ý

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Lưu ý

Thiết bị này là thiết bị kỹ thuật số Hạng A.

Đặc tính kỹ thuật

PowerSaver

Màn hình LCD này có một hệ thống quản lý nguồn tích hợp được gọi là PowerSaver (Trình tiết kiệm năng lượng). Hệ thống này sẽ tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển Màn hình LCD của bạn sang chế độ sử dụng ít năng lượng khi nó không được sử dụng trong một khoảng thời gian nhất định nào đó. Màn hình LCD sẽ tự động trở về chế độ làm việc bình thường khi bạn nhấn một phím bất kỳ trên bàn phím. Để tiết kiệm năng lượng, hãy TẮT Màn hình LCD khi không cần thiết, hay khi bạn không sử dụng nó trong một khoảng thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

PowerSaver

Trạng thái		**Vận hành bình thường**	**Chế độ tiết kiệm điện**	**Tắt nguồn** **(nút Power)**
Chỉ báo nguồn		Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	OL46B (Không có hộp mạng)	Đánh giá : 540 W Phổ biến : 395 W	dưới 2 W	dưới 2 W

Lưu ý

- Lượng tiêu thụ năng lượng thực tế có thể khác lượng tiêu thụ năng lượng được chỉ ra ở trên nếu thay đổi điều kiện hệ thống hoặc cài đặt.
- SOG (Sync On Green) không được hỗ trợ.
- Để ngăn tiêu thụ năng lượng, hãy tắt công tắc và ngắt kết nối cáp nguồn ở phía sau. Đảm bảo ngắt kết nối nguồn năng lượng nếu bạn muốn ở xa nhà trong nhiều giờ.

Đặc tính kỹ thuật

Các chế độ xung nhịp

Nếu tín hiệu được truyền từ máy tính là trùng với các chế độ thời gian đã được cài đặt trước, thì màn hình sẽ tự động điều chỉnh. Tuy nhiên, nếu tín hiệu khác biệt, thì màn hình sẽ trống trong khi đèn LED vẫn sáng. Tham khảo tài liệu hướng dẫn card màn hình và điều chỉnh màn hình như sau.

Chế độ hiển thị	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Xung Pixel(MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 848 x 480	31,020	60,000	33,750	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 768	47,776	59,870	79,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1360 x 768	47,712	60,015	85,500	+/+
VESA, 1366 x 768	47,712	59,790	85,500	+/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+
VESA, 1920 x 1080 (RB)	66,587	59,934	138,500	+/-



Tần số quét ngang

Thời gian để quét một đường nối từ cạnh phải qua cạnh trái của màn hình theo chiều ngang gọi là một chu kỳ quét ngang và nghịch đảo của chu kỳ quét ngang là tần số quét ngang. Đơn vị: kHz

Tần số quét dọc

Cũng như đèn huỳnh quang, màn hình phải lặp lại hình ảnh nhiều lần trong một giây để hiển thị hình ảnh cho người dùng. Tần số lặp này được gọi là tần số quét dọc hay tần số Làm tươi. Đơn vị: Hz

Thông tin

Để chất lượng hiển thị tốt hơn

Điều chỉnh độ phân giải và tần số phun (tần số làm tươi) của màn hình trên máy tính theo trình tự như sau để có được chất lượng hình ảnh tốt nhất. Bạn có thể gặp hình ảnh chất lượng không đồng đều trên màn hình nếu chất lượng hình ảnh tốt nhất không có sẵn ở màn hình TFT-LCD.

- Độ phân giải: 1920 x 1080
- Tần số quét dọc (tần số làm tươi): 60 Hz

Các bảng TFT-LCD được sản xuất bằng cách sử dụng công nghệ bán dẫn tiên tiến có sử dụng một mức chính xác hơn 1ppm (một phần triệu) cho thiết bị này. Nhưng đôi khi các điểm ảnh ở các màu ĐỎ, XANH LÁ CÂY, XANH DA TRỜI và TRẮNG hiện lên sáng chói hay có thể thấy một số điểm ảnh đen. Điều này không phải do chất lượng kém và bạn có thể sử dụng mà không có bất cứ vấn đề gì.

- Ví dụ, số lượng pixel bổ sung trong màn hình TFT-LCD của thiết bị này là 6.220.800.

Khi lau màn hình và khung bên ngoài, vui lòng thấm một ít nước vào khăn mềm. Khi cần làm sạch màn hình, hãy lau chùi nhẹ nhàng. Nếu mạnh tay, bạn có thể làm bẩn màn hình.

Nếu bạn không thỏa mãn với chất lượng hình ảnh, bạn có thể thu được chất lượng hình ảnh tốt hơn bằng cách khởi động chức năng "**Auto Adjustment**" trên màn hình hiển thị khi nhấn nút kết thúc của window. Nếu có nhiễu sau khi tự điều chỉnh, bạn hãy sử dụng chức năng điều chỉnh **Fine**/**Coarse**.

Khi hiển thị một ảnh cố định trên màn hình trong một thời gian dài, hiện tượng lưu ảnh hoặc vết mờ có thể xuất hiện. Hãy thay đổi sang chế độ tiết kiệm năng lượng hoặc cài đặt một màn hình chờ với ảnh chuyển động khi không cần làm việc với màn hình trong một khoảng thời gian dài.

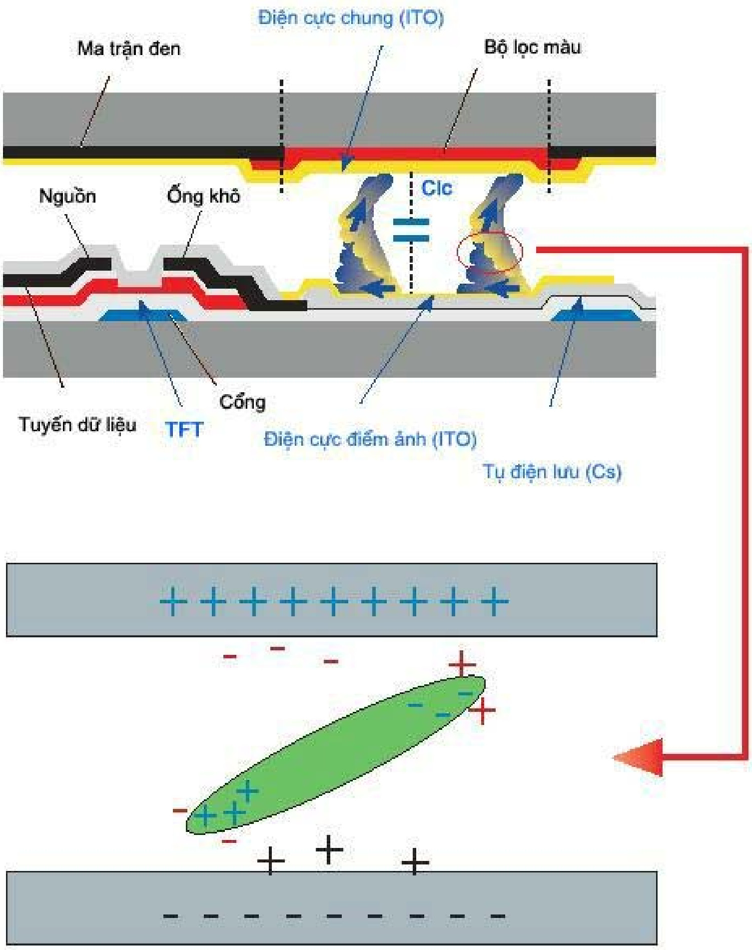
Thông tin

Thông tin sản phẩm (Hiện tượng lưu ảnh)

Hiện tượng Lưu ảnh là gì?

Hiện tượng lưu ảnh có thể không xảy ra khi màn hình LCD đang sử dụng ở điều kiện bình thường.

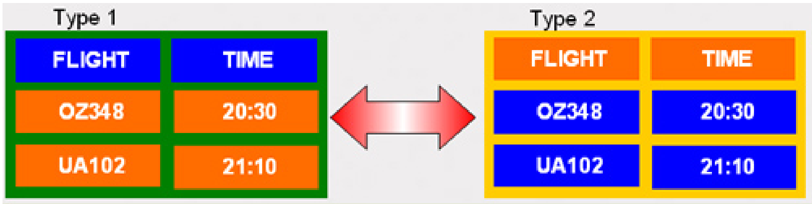
Điều kiện bình thường nghĩa là điều kiện các hiển thị trên màn hình thay đổi liên tục. Khi màn hình LCD hoạt động trong một thời gian dài ở chế độ tĩnh (trên 12 giờ), có thể có một ít chênh lệch về điện thế giữa hai điện cực bao quanh tinh thể lỏng (LC) trong một điểm ảnh. Sự chênh lệch điện thế giữa các cực sẽ gia tăng theo thời gian, làm cho tinh thể lỏng đọng lại. Nếu xảy ra hiện tượng này, thì hình ảnh trước đó có thể bị lưu lại khi tín hiệu đã thay đổi. Để tránh hiện tượng này, phải làm giảm sự chênh lệch điện thế.



Tắt nguồn, bảo vệ màn hình, hoặc chế độ tiết kiệm điện

- Tắt màn hình 2 giờ sau 12 giờ sử dụng
- Cài đặt chức năng tắt màn hình trong thẻ sơ đồ chế độ nguồn thuộc đặc tính màn hình máy tính.
- Sử dụng Trình bảo vệ Màn hình nếu có thể - Nên sử dụng Trình bảo vệ Màn hình là hình ảnh một màu hoặc nhiều màu di chuyển.
- Bạn nên sử dụng tính năng Image Retention Free cho sản phẩm này.

Thay đổi Thông tin Màu sắc theo định kỳ



Lưu ý

Sử dụng Hai màu khác nhau

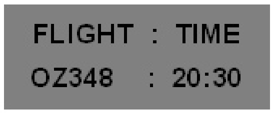
Chu chuyển Thông tin màu sắc bằng 2 màu khác nhau trong 30 phút.

- Tránh sử dụng kết hợp giữ văn bản và nền màn hình có độ chênh lệch chiếu sáng lớn.

  Tránh sử dụng các màu Xám, dễ dàng gây hiện tượng lưu ảnh.

  Tránh: Các màu có độ chênh lệch sáng lớn (Đen & Trắng, Xám)





Thay đổi màu ký tự theo định kỳ

- Sử dụng các Màu sáng với độ sáng chênh nhau thấp

  - Chu kỳ : Thay đổi màu của văn bản và màu màn hình nền sau mỗi 30 phút



- Mỗi 30 phút, bạn thay đổi dòng văn bản chạy.



- Định kỳ hiển thị các hình ảnh và biểu tượng.

  - Chu kỳ : Hiển thị hình ảnh di chuyển với Biểu tượng trong 60 giây sau 4 giờ sử dụng.

- Cách tốt nhất để bảo vệ màn hình không bị lưu ảnh là tắt nguồn, cài đặt máy PC hoặc hệ thống chạy một trình bảo vệ màn hình khi bạn không sử dụng thiết bị. Khi bạn không tuân thủ các hướng dẫn, điều này có thể sẽ ảnh hưởng đến việc bảo hành sản phẩm của bạn.

Sử dụng chức năng Điểm ảnh màn hình

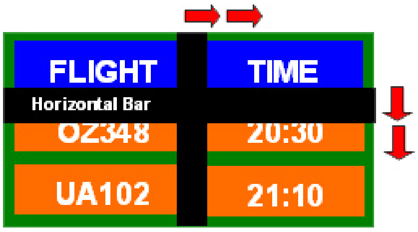
- Sử dụng chức năng Điểm ảnh màn hình

  - Triệu chứng: Các Điểm màu đen di chuyển lên xuống.



- Sử dụng chức năng Thanh màn hình

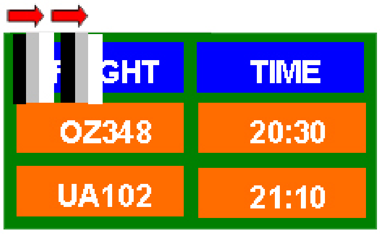
  - Triệu chứng: Các Sọc ngang / Dọc màu Đen chạy lên và chạy xuống.



Sử dụng chức năng Xóa màn hình cho Thiết bị

- Sử dụng chức năng Xóa màn hình

  - Triệu chứng: 2 khối đứng di chuyển với hiệu ứng xóa màn hình



Phụ lục

Liên hệ SAMSUNG WORLDWIDE

Lưu ý

Nếu có thắc mắc hay góp ý về sản phẩm của Samsung, vui lòng liên hệ với trung tâm chăm sóc khách hàng SAMSUNG.

	North America	
U.S.A	1-800-SAMSUNG (726-7864)	**http://www.samsung.com**
CANADA	1-800-SAMSUNG (726-7864)	**http://www.samsung.com/ca** **http://www.samsung.com/ca_fr** (French)
MEXICO	01-800-SAMSUNG (726-7864)	**http://www.samsung.com**
	Latin America	
ARGENTINA	0800-333-3733	**http://www.samsung.com**
BRAZIL	0800-124-421 4004-0000	**http://www.samsung.com**
BOLIVIA	800-10-7260	**http://www.samsung.com**
CHILE	800-SAMSUNG (726-7864) From mobile 02-482 82 00	**http://www.samsung.com**
COLOMBIA	01-8000112112	**http://www.samsung.com**
COSTA RICA	0-800-507-7267	**http://www.samsung.com**
DOMINICA	1-800-751-2676	**http://www.samsung.com**
ECUADOR	1-800-10-7267	**http://www.samsung.com**
EL SALVADOR	800-6225	**http://www.samsung.com**
GUATEMALA	1-800-299-0013	**http://www.samsung.com**
HONDURAS	800-27919267	**http://www.samsung.com**
JAMAICA	1-800-234-7267	**http://www.samsung.com**
NICARAGUA	00-1800-5077267	**http://www.samsung.com**
PANAMA	800-7267	**http://www.samsung.com**
PERU	0-800-777-08	**http://www.samsung.com**
PUERTO RICO	1-800-682-3180	**http://www.samsung.com**
TRINIDAD & TOBAGO	1-800-SAMSUNG (726-7864)	**http://www.samsung.com**
VENEZUELA	0-800-100-5303	**http://www.samsung.com**
	Europe	
ALBANIA	42 27 5755	**http://www.samsung.com**
AUSTRIA	0810 - SAMSUNG (7267864, € 0.07/min)	**http://www.samsung.com**
		http://www.samsung.com/be (Dutch)

BELGIUM	02-201-24-18	**http://www.samsung.com/be_fr** (French)
BOSNIA	05 133 1999	**http://www.samsung.com**
BULGARIA	07001 33 11	**http://www.samsung.com**
CROATIA	062 SAMSUNG (062 726 7864)	**http://www.samsung.com**
CZECH	800 - SAMSUNG (800-726786) Samsung Electronics Czech and Slovak, s.r.o., Oasis Florenc, Sokolovská 394/17, 180 00, Praha 8	**http://www.samsung.com**
DENMARK	70 70 19 70	**http://www.samsung.com**
FINLAND	030 - 6227 515	**http://www.samsung.com**
FRANCE	01 48 63 00 00	**http://www.samsung.com**
GERMANY	01805 - SAMSUNG (726-7864, € 0,14/Min)	**http://www.samsung.com**
CYPRUS	From landline : 8009 4000	**http://www.samsung.com**
GREECE	From landline : 80111-SAMSUNG (7267864) From landline & mobile : (+30) 210 6897691	**http://www.samsung.com**
HUNGARY	06-80-SAMSUNG (726-7864)	**http://www.samsung.com**
ITALIA	800-SAMSUNG (726-7864)	**http://www.samsung.com**
KOSOVO	+381 0113216899	**http://www.samsung.com**
LUXEMBURG	261 03 710	**http://www.samsung.com**
MACEDONIA	023 207 777	**http://www.samsung.com**
MONTENEGRO	020 405 888	**http://www.samsung.com**
NETHERLANDS	0900-SAMSUNG (0900-7267864) (€ 0,10/Min)	**http://www.samsung.com**
NORWAY	815-56 480	**http://www.samsung.com**
POLAND	0 801-1SAMSUNG (172-678) +48 22 607-93-33	**http://www.samsung.com**
PORTUGAL	808 20-SAMSUNG (808 20 7267)	**http://www.samsung.com**
RUMANIA	From landline : 08010-SAMSUNG (7267864) From landline & mobile : (+40) 21 206 01 10	**http://www.samsung.com**
SERBIA	0700 SAMSUNG (0700 726 7864)	**http://www.samsung.com**
SLOVAKIA	0800 - SAMSUNG (0800-726 786)	**http://www.samsung.com**
SPAIN	902 - 1 - SAMSUNG (902.172.678)	**http://www.samsung.com**
SWEDEN	0771 726 7864 (SAMSUNG)	**http://www.samsung.com**
SWITZERLAND	0848 - SAMSUNG (7267864, CHF 0.08/min)	**http://www.samsung.com/ch** **http://www.samsung.com/ch_fr/**(French)
U.K	0330 SAMSUNG (7267864)	**http://www.samsung.com**
EIRE	0818 717100	**http://www.samsung.com**

LITHUANIA	8-800-77777	http://www.samsung.com
LATVIA	8000-7267	http://www.samsung.com
ESTONIA	800-7267	http://www.samsung.com
TURKEY	444 77 11	http://www.samsung.com

CIS

RUSSIA	8-800-555-55-55	http://www.samsung.com
GEORGIA	8-800-555-555	http://www.samsung.com
ARMENIA	0-800-05-555	http://www.samsung.com
AZERBAIJAN	088-55-55-555	http://www.samsung.com
KAZAKHSTAN	8-10-800-500-55-500 (GSM: 7799)	http://www.samsung.com
UZBEKISTAN	8-10-800-500-55-500	http://www.samsung.com
KYRGYZSTAN	00-800-500-55-500	http://www.samsung.com
TADJIKISTAN	8-10-800-500-55-500	http://www.samsung.com
MONGOLIA	-	http://www.samsung.com
UKRAINE	0-800-502-000	http:// www.samsung.com/ua http://www.samsung.com/ua_ru
BELARUS	810-800-500-55-500	http://www.samsung.com
MOLDOVA	00-800-500-55-500	http://www.samsung.com

Asia Pacific

AUSTRALIA	1300 362 603	http://www.samsung.com
NEW ZEALAND	0800 SAMSUNG (0800 726 786)	http://www.samsung.com
CHINA	400-810-5858	http://www.samsung.com
HONG KONG	(852) 3698 - 4698	http://www.samsung.com/hk http://www.samsung.com/hk_en/
INDIA	1800 1100 11 3030 8282 1800 3000 8282 1800 266 8282	http://www.samsung.com
INDONESIA	0800-112-8888 021-5699-7777	http://www.samsung.com
JAPAN	0120-327-527	http://www.samsung.com
MALAYSIA	1800-88-9999	http://www.samsung.com
PHILIPPINES	1-800-10-SAMSUNG(726-7864) for PLDT 1-800-3-SAMSUNG(726-7864) for Digitel 1-800-8-SAMSUNG(726-7864) for Globe	http://www.samsung.com

	02-5805777	
SINGAPORE	1800-SAMSUNG (726-7864)	**http://www.samsung.com**
THAILAND	1800-29-3232 02-689-3232	**http://www.samsung.com**
TAIWAN	0800-329-999 0266-026-066	**http://www.samsung.com**
VIETNAM	1 800 588 889	**http://www.samsung.com**
	Middle East	
IRAN	021-8255	**http://www.samsung.com**
OMAN	800-SAMSUNG (726-7864)	**http://www.samsung.com**
KUWAIT	183-2255	**http://www.samsung.com**
BAHRAIN	8000-4726	**http://www.samsung.com**
EGYPT	08000-726786	**http://www.samsung.com**
JORDAN	800-22273	**http://www.samsung.com**
MOROCCO	080 100 2255	**http://www.samsung.com**
SAUDI ARABIA	9200-21230	**http://www.samsung.com**
U.A.E	800-SAMSUNG (726-7864)	**http://www.samsung.com**
	Africa	
CAMEROON	7095- 0077	**http://www.samsung.com**
COTE D'LVOIRE	8000 0077	**http://www.samsung.com**
GHANA	0800-10077 0302-200077	**http://www.samsung.com**
KENYA	0800 724 000	**http://www.samsung.com**
NIGERIA	0800-726-7864	**http://www.samsung.com**
SENEGAL	800-00-0077	**http://www.samsung.com**
SOUTH AFRICA	0860-SAMSUNG (726-7864)	**http://www.samsung.com**
TANZANIA	0685 88 99 00	**http://www.samsung.com**
UGANDA	0800 300 300	**http://www.samsung.com**

Phụ lục

Trách nhiệm đối với Dịch vụ thanh toán (Chi phí đối với khách hàng)

Lưu ý

Khi có yêu cầu dịch vụ, mặc dù đang trong thời gian bảo hành, chúng tôi có thể tính phí bạn đối với việc ghé thăm của kỹ thuật viên dịch vụ trong các trường hợp sau.

Không phải lỗi sản phẩm

Vệ sinh sản phẩm, Điều chỉnh, Giải thích, Cài đặt lại và v.v...

- Nếu kỹ thuật viên dịch vụ cung cấp hướng dẫn về cách sử dụng sản phẩm hoặc chỉ điều chỉnh các tuỳ chọn mà không tháo rời sản phẩm.
- Nếu lỗi là do các yếu tố môi trường bên ngoài gây ra (Internet, Anten, Tín hiệu có dây, v.v...)
- Nếu sản phẩm được cài đặt lại hoặc thiết bị được kết nối thêm sau khi cài đặt sản phẩm đã mua lần đầu tiên.
- Nếu sản phẩm được cài đặt lại để chuyển đến một địa điểm khác hoặc để chuyển đến nhà khác.
- Nếu khách hàng yêu cầu hướng dẫn về cách sử dụng do sản phẩm khác của công ty.
- Nếu khách hàng yêu cầu hướng dẫn về cách sử dụng mạng hoặc chương trình khác của công ty.
- Nếu khách hàng yêu cầu thiết lập và cài đặt phần mềm cho sản phẩm.
- Nếu kỹ thuật viên dịch vụ loại bỏ/lau sạch bụi bẩn hoặc vật thể lạ bên trong sản phẩm.
- Nếu khách hàng yêu cầu cài đặt thêm sau khi mua sản phẩm thông qua mua hàng từ xa hoặc trực tuyến.

Hỏng hóc sản phẩm do lỗi của khách hàng

Hỏng hóc sản phẩm do khách hàng sử dụng hoặc sửa chữa không đúng cách

Nếu hỏng hóc sản phẩm do;

- Tác động bên ngoài hoặc rơi.
- Sử dụng thiết bị hoặc sản phẩm bán riêng không được chỉ định bởi Samsung.
- Sửa chữa từ một người không phải là kỹ sư của công ty dịch vụ bên ngoài hoặc đối tác của Samsung Electronics Co., Ltd.
- Tu sửa hoặc sửa chữa sản phẩm bởi khách hàng.
- Sử dụng sản phẩm với kết nối điện áp không chính xác hoặc không được chỉ định.
- Không tuân thủ "thận trọng" trong Sổ tay hướng dẫn sử dụng.

Khác

- Nếu sản phẩm hỏng do thiên tai (sét, hoả hoạn, động đất, lũ lụt, v.v...) .
- Nếu các thành phần có thể thay thế được đều đã được sử dụng hết (Pin, Chất liệu màu, Đèn huỳnh quang, Đầu đọc, Màng rung, Đèn, Bộ lọc, Ruy băng, v.v...)

Lưu ý

Nếu khách hàng yêu cầu dịch vụ trong trường hợp sản phẩm không bị lỗi, phí dịch vụ có thể được tính. Vì vậy, trước tiên hãy đọc Sổ tay hướng dẫn sử dụng.

Phụ lục

Những điều khoản

Khoảng cách điểm

Hình ảnh trên màn hình được tạo thành từ những điểm màu đỏ, xanh dương và xanh dương. Các điểm càng gần, độ phân giải càng cao. Khoảng cách giữa hai điểm cùng màu được gọi là 'Khoảng cách điểm'. Đơn vị: mm

Tần số quét dọc

Màn hình phải được vẽ lại nhiều lần trong một giây để tạo và hiển thị một hình ảnh cho người xem. Tần số của sự lặp lại tính theo mỗi giây này được gọi là Tần số quét dọc hoặc Tốc độ làm tươi. Đơn vị: Hz

Ví dụ: Nếu một điểm sáng được lập lại 60 lần mỗi giây thì được xem như là 60 Hz.

Tần số quét ngang

Thời gian để quét một đường ngang nối cạnh phải với cạnh trái của màn hình được gọi là Chu kỳ quét ngang. Số nghịch đảo của Chu kỳ quét ngang được gọi là Tần số quét ngang. Đơn vị: kHz

Các phương pháp Xen kẽ và Không xen kẽ

Hiển thị các đường ngang của màn hình từ trên xuống dưới theo thứ tự được gọi là phương pháp Không xen kẽ trong khi hiển thị những đường lẽ rồi đến những đường chẵn luân phiên nhau được gọi là phương pháp Xen kẽ. Phương pháp Không xen kẽ được ứng dụng cho phần lớn các loại màn hình để bảo đảm hình ảnh rõ nét. Phương pháp Xen kẽ thì tương tự như phương pháp được sử dụng trong các TV.

Cắm và Chạy

Đây là chức năng làm cho màn hình có chất lượng tốt nhất bởi nó cho phép máy tính và màn hình trao đổi thông tin một cách tự động. Màn hình này theo tiêu chuẩn quốc tế VESA DDC về chức năng Cắm và Chạy.

Độ phân giải

Số lượng các điểm ngang và dọc được sử dụng để tạo nên hình ảnh trên màn hình được gọi là 'độ phân giải'. Con số này cho thấy sự chính xác của mức độ hiển thị. Độ phân giải cao sẽ tốt cho việc trình bày các tác vụ phức tạp và các thông tin về hình ảnh trên màn hình sẽ được hiển thị nhiều hơn.

Ví dụ: Nếu độ phân giải là 1920 x 1080, nghĩa là màn hình gồm 1920 điểm ảnh ngang (độ phân giải ngang) và 1080 đường đứng (độ phân giải đứng).

Phụ lục

Tài liệu gốc